TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

菜滄偶錄

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

Tác-giả :
PHẠM-ĐÌNH-HỔ — NGUYỄN-ÁN
Dịch-giả :
ĐẠM-NGUYÊN

CƠ SỞ XUẤT BẢN ĐẠI NAM

TÁC - GIẢ :
PHẠM-ĐÌNH-HỔ và NGUYỄN-ÁN
Dịch - giả : ĐẠM-NGUYỄN

桑滄偶錄

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

QUYỂN NHẤT

CƠ SỞ XUẤT BẢN ĐÔNG NAM

Sách này đã được duyệt ngày 8 - 12 - 1961

HỘI-ĐỒNG DUYỆT SÁCH GỒM CÓ :

Ô. Ô. **NGHIÊM-TOẢN** ; Trưởng ban Hán-văn
Trường Đại-Học Văn-khoa — *Thuyết-trình viên*

TRẦN-TRỌNG-SAN : Chuyên-viên
Sở Nghiên-cứu Giáo-khoa — *Hội-viên*

ĐÀM-DUY-TẠO : Học-giả — *Hội-viên*

LƯỢC DẪN CỦA DỊCH-GIẢ VỀ CUỐN "TANG THƯƠNG NGẪU LỤC"

Cuốn " Tang Thương Ngẫu Lục" này, do hai ông Phạm-Đình-Hổ và Nguyễn-Án cùng soạn từ đời Gia-Long (1802-1819), ghi chép những chuyện cũ, tích xưa, trong triều ngoài nội, vào khoảng Hậu - Lê trở về trước.

Toàn bộ gồm có 90 chuyện, chia làm hai phần : Phần thứ nhất có 40 chuyện, phần thứ hai có 50 chuyện. Hai Tác-giả trên sinh trưởng vào cuối đời Lê. Thời đại ấy đã có biết bao nhiêu chuyện bể dâu mà Tác-giả đã có công ghi chép lại một phần nào, trong dịp ngẫu hứng, nên đặt tên là cuốn TANG THƯƠNG NGẪU LỤC.

Trong thời gian gần một thế kỷ, cuốn chuyện này chỉ có những bản viết tay, mãi đến năm Bính-Thân (1896), Hoàng-triều Thành-Thái năm thứ 8, ông Tiến-sĩ Đỗ-Văn-Tâm tự Gia-Xuyên, khi đương tại chức, (Tổng-Đốc Hải-Dương) mới quyên tiền khắc gỗ in ra, để phổ biến trong làng văn-học.

Nhưng gặp nhiều trở ngại trong sự ấn loát, số sách in ra không được là bao. Mãi đến ngày nay, phần thì tam sao thất bản, phần thì công việc sưu tầm khó

khăn, mặc dù có nhiều nhà nho giầu thiện-chí, muốn góp công trong việc dịch-thuật, để duy trì lấy nền văn-học cổ truyền của nước nhà, cũng chưa có đủ phương tiện in ra.

May thay! sở Tu-thư Dịch-thuật, (Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục), xét là một tập cổ-thư giá trị, có ích cho việc khảo-cứu, nên đề nghị phiên dịch ra Quốc-văn, để tiện sự tham-khảo.

Tôi chân thành cảm tạ quí vị trong Hội-Đồng duyệt sách, họp ngày 8 tháng 12 năm 1961, gồm có : Giáo-Sư **Nghiêm-Toản** Trưởng ban Hán-văn trường Đại-Học Văn-Khoa và các Quý vị đã giúp công xây dựng cho cuốn sách thêm phần hoàn hảo, để giúp ích cho mai hàu trong việc khảo cứu về chuyện cũ nước nhà.

Tôi trân trọng cảm ơn Cụ Tú Đỗ-Huyến đã cùng tôi tham khảo tài-liệu phần Hán-văn, để hoàn tất cuốn sách này, Tôi cũng như các nhà dịch-thuật khác, không có gì là xuất sắc hơn, ngoài một số tài-liệu còn sót lại của thân-phụ tôi (Cụ Phó-Bảng Nguyễn-Cúc-Sơn), đã biên soạn và đã đăng tải trong Nhật-Báo Đồng-Văn, xuất bản tại Hanoi khi trước, nên tôi cố gắng tham khảo thêm phần điển-tích, mạo muội phiên dịch ra quốc-văn, mong được góp một phần nào trong công cuộc xây dựng văn-hóa.

Tiếc rằng nay chúng tôi đem cái thiển-kiến về

Từ kho sách xưa của Quán Ven Đường

hán-học, mà diễn tả những văn thơ, do các bậc tiền-bối đã sáng tác, trong lúc hán-học đương thịnh của thời xưa, thì e rằng khó tránh những điều thiếu sót, kính mong được lời chỉ giáo của các bậc cao-minh.

Viết tại Sài-Thành ngày cuối xuân năm Nhâm-Dần (1962).

Dịch-giả : ĐẠM-NGUYÊN

桑滄偶錄

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

BÀI TỰA THỨ NHẤT

Trời đất là khuôn biến-hóa, máy huyền-vi mở đóng khôn lường,

Nhân-vật là một sinh-cơ, cuộc phù-thế xưa nay có khác (1).

Duy đạo học của ta là khí nhất nguyên (khí thuần nhất) vẫn thường ký ngụ trong văn-chương.

Ôi ! đã gọi là dâu bể, thì sao còn có sách này !

Vỏ ốc, vỏ sò, thấy ở trên núi, đó là dâu bể của vận giời ; những thanh-kiếm cổ, chìm trong đồng ruộng, đó là dâu bể của việc người. Sách cổ không còn, chỉ còn lại mấy cuốn sách của đời Tần (2), chưa đốt thành gio ; Sách sử đáng tin, không tìm đâu thấy, chỉ thấy một vài bản thảo của họ Ban họ Mã (3), đó là dâu bể của sách vở.

Tuy thế, nay đã có người đem xưởng minh ra thì cũng có cái còn lại, mà không phải là dâu bể.

Nước Việt-Nam ta từ đời Hồng-Lạc đến nay, chính thống thì có Đinh, Lý, Trần, Lê ; tiếm-ngụy thì

có Mạc, Hồ, Nhạc, Huệ, đến các Sứ-quân chia đất, độ-hộ chuyên-quyền, những cuộc dâu bể, thực là nhiều lắm.

Than ôi ! Đạo học của ta dầu vĩnh-viễn không có thời kỳ dâu bể, nhưng người ta tất có cảm khái về cuộc bể dâu. Ấy cuốn sách nói về dâu bể, ra đời vì thế.

Ông Tùng-Niên đây tức là quan Quốc-tử Tế-tửu, hiệu Đông-dã-Tiều, Ngạo-quân, Phạm-công, mà ông Kính-Phủ tức là quan huyện Tiên-Minh, Ngu-Hồ, Nguyễn-Công vậy.

Hai ông sinh vào cuối đời Lê, từng qua nhiều cảnh dâu bể, nhưng bể học của các ông, vẫn giữ được trong suốt, nên hiện ra văn-chương, như ông TÙNG-NIÊN có bài Phật-Tích-Sơn ký. Ông KÍNH-PHỦ có bài Tiên-Tích sơn ký, những bài ký đó, « trong ký có tranh » thực đáng được truyền tụng như bài Đào-Hoa Nguyên ký của Đào-Uyên-Minh đời Tấn.

Trong cuốn sách này chép chuyện ba vị vua hiền đời Lê : Thánh-Tôn, Thần-Tôn và Hiển-Tôn, rồi đến các việc cũ trong Vương-Phủ rất rõ ràng ; sự tích các bậc danh-thần đời Trần như Chu-Văn-An, Trương-Hán-Siêu, Phạm-Ngũ-Lão, cho cả đến những thói ngang ngạnh của Quận-mã Đặng-Lân. Khi chép đến chuyện đền miếu ở thôn ấp, thì kể cả đến việc ngôi miếu « Thuần-Dương Tổ-sư » nhận lầm là đền thờ « Liễu-

Hạnh Công-Chúa »; Tượng cổ ở ngôi Chùa nơi giữa đồng ; Bia đá ở núi Thành-Nam ; Linh thần ở quán Chấn-Vũ ; Chuyện hiền thánh tại Chùa Linh-Lăng ; Khi chép về chuyện mả tổ nhà người, thì nói rộng cả đến ngôi mộ của mẹ Đào-Khản, lại đem ngôi mả vợ lẽ Phục-Ba để dẫn chứng ; chuyện thầy địa-lý Tả-Ao ; ngôi mả phát tích ở Vân-Điềm ; bà tiết phụ họ Đoàn ; võ thần ở Quế-Ổ, v.v....

Những bậc danh-hiền, lương tướng, tài nữ, liệt phụ trải qua các triều đại, đều lọt vào trong ngọn bút phẩm-bình của hai ông. Nào chuyện Chân-nhân theo tiên, Nông-phu thấy quỷ, cũng không hiềm là kỳ quái. Cả đến những sự Cột gỗ biện gian, Thái-Tây truyền-đạo, cùng những chuyện lạ "ăn người hóa hổ", cũng đều được ghi chép rõ ràng.

Kể từ các đời Lý, Trần, Lê, Trịnh đến nay, trên dưới mấy trăm năm, có nhiều việc mà quốc-sử chưa chép, bại-quan (4) chưa ghi, cũng được cặp mắt của hai ông nhìn cuộc bể dâu mà thu vào.

Nếu hai ông cũng cho là việc dâu bể mà bỏ qua, thì những chuyện ấy có khác gì một nắm gio tàn trong đống lửa, hay một mảnh giấy lộn bịt lọ tương mà thôi.

Cũng may lấy là chuyện dâu bể, mà ghi chép lại đây, thực như bè từ chở bến mê, đèn Phật soi nhà tối vậy.

Cuốn sách này đặt tên là 'TANG-THƯƠNG NGẪU-LỤC", thì ý đã đủ rõ.

Nay ông Gia-Xuyên đã ra làm quan, mà còn cố ý mua tìm bản sách, ông Hải-Nông tuy chưa hiển-đạt, cũng gắng công trong việc khắc in, lại cùng tôi đây (cũng người trong cảnh bể dâu, mà ngẫu nhiên cùng tâm đầu ý hiệp). Vì thế nên tôi chẳng quản là thô-lậu, mạo muội bày tỏ mấy câu trên đầu cuốn sách, ngõ hầu không cho là cuộc bể dâu, thì thực là may lắm.

Hoàng-triều năm Bính-Thân, (1896) ngày đầu tháng tiết tiểu-xuân.

Chủ-nhân Tam-An-Đình Phùng-Dực Bằng-Sơ kính đề tựa ;

Ân tứ Tiến-sĩ khoa Canh-Thìn, thự Tổng-Đốc Hải-An Đỗ-Gia, Xuyên-Tâm, hiệu Ngọc-Hiên, đính chính lại.

Quán-Viên Ấu-Mai Thị-Cát viết ;

Cúc-Điền Hải-Nông phụng kiểm lại.

CHÚ-THÍCH : (1) Hai câu chữ Hán đầu bài, nghĩa là : Trời đất, một cảnh biến hóa, có chia ra khi đóng khi mở ;
Nhân vật một máy phát sinh, có khác biệt đời xưa đời nay.

天地一化境也而有闔闢之分
人物一生機也而有古今之異

Vì muốn phiên dịch hai câu trên cho rõ nghĩa, xin tạm thêm bớt một vài chữ.

(2) Sách của đời Tần, đốt chưa thành gio là nói về điển cũ Vua Tần-Thủy-Hoàng đốt sách, chôn học-trò.

(3) Họ Ban, họ Mã là Ban-Cố và Tư-Mã-Thiên, hai nhà viết sử đời Hán.

(4) Bại-quan là viên quan ghi chép lời nói, việc làm của nhà Vua.

BÀI TỰA THỨ HAI

(Kiều Oánh Mậu)

Việc, không gì lớn bằng giữ-gìn chuyện cũ ; Học, không gì thiết-yếu bằng bỏ trống chỗ ngờ. Câu đó thực xác đáng và là lời nói của người thực hiểu biết vậy.

Nước Việt-Nam ta sẵn có một nền văn-hiến trong hơn ngàn năm nay, các nhà chép sử, đời nào cũng có. Nhưng từ đời Lê trở về trước, sử sách ghi chép sơ sài, khiến cho những người khảo-cổ thường phải bận lòng, để ý. Bại-quan, Dã-Sử (1) há nên bỏ mất hay sao ?

Trong lúc thiếu thời, theo học gia-nghiêm, Mậu, tôi thường được người thuật cho nghe những chuyện các bậc danh hiền đời trước của nước nhà, như ông Hương-Cống họ Nguyễn, người làng Cổ-Đô, nổi tiếng chăm học ; ông Thám-hoa họ Giang người làng Mông-Phụ đi sứ không nhục mạnh vua ; ông Trạng-Nguyên họ Vũ, người làng Trình-Xá, nêm ấn, chết theo nạn nước, và nhiều chuyện khác nữa, toàn là những chuyện thực ở ngoài Chính-sử. Khi đó, tôi còn trẻ thơ, nào đã biết chi, nghe nói, chỉ biết vâng dạ.

Sau lớn lên, tôi đi làm việc quan tại nhiều nơi, một hôm, chợt thấy ở nhà người bạn, cuốn TANG-THƯƠNG NGẪU LỤC, mà người biên tập là hai ông Tùng-Niên và Kính-Phủ. Lúc đó, tôi chưa được biết

hai ông là ai, và là người thế nào, nhưng nhận thấy những chuyện ghi chép trong cuốn sách ấy, phần nhiều giống như những chuyện mà tôi đã nghe. Như vậy đủ tỏ rằng đây là ngòi bút đáng tin cậy, không ngờ gì nữa.

Năm nay, tôi giúp việc nhà Báo Đồng-Văn, đã đem chuyện ông Hương-Cống làng Cổ-Đô đăng trên báo, và lại được người bạn cũ là ông Lê-Hải-Nông đưa cho xem cuốn sách này và nói :

— "Cuốn sách này đã do chính tay một bậc danh-hiền làng ông biên soạn, ông bạn đồng-khoa với tôi là Đỗ-Gia-Xuyên, hiện làm Tổng-Đốc Hải-Dương quyên tiền để ấn-hành và giao cho tôi làm bài tựa".

Hỏi ra mới rõ Tùng-Niên là quan Tế-Tửu Phạm-đình-Hổ, người làng Đan-Loan, còn Kính-Phủ là ông Hương-Cống Nguyễn-Án, đỗ cử-nhân khoa Hương đầu tiên triều Nguyễn, người làng Du-Lâm. Hai ông đều sinh vào thời Cảnh-Hưng nhà Lê, nhưng đến Nguyễn-triều mới ra làm quan. Trong thời gian ấy, tây, bắc tranh giành (2), non sông biến đổi, trắng xanh thay vẻ, chớp mắt muôn màu, những chuyện bể dâu, kể sao cho xiết.

Cuốn sách này sao đi chép lại nhiều lần, khó lòng đúng y bản chính, những chỗ lầm-lẫn, tránh sao cho khỏi, nên để khuyết nghi là phải. Đứng giữa Lư-Sơn không rõ vẻ thực của núi, chữ lỗ lầm ra chữ ngư,

chữ đế làm ra chữ hồ, há lại không có điều thiếu sót. Tuy nhiên, trong khoảng những điều tai nghe mắt thấy, ngòi bút ghi chép lại, cũng có thể theo đấy bổ khuyết những chỗ sử không chép đến. Còn về những chuyện quái-dản, thì cũng là rút theo nét bút của chức Tả-sử (3) đem ra để ngụ ý riêng mà thôi.

Mở đầu, cuốn sách này chép về các vua Kinh-Tôn, Thần-Tôn, sau đem giấc mộng của vua Thánh-Tôn, Thuần-Hoàng mà kết thúc. (Việc thuộc về Nội điển (giáo lý nhà Phật) người Quản-tử dùng để trở bảo về Đạo cho người ta).

Chính hai ông cũng đã nói : "Những sự huyền-bí thuộc thuyết nhà Phật, người Quản-tử, (4) không nên nói đến" nhưng trong sách này, (lời có ý vị đồi dào), lại thường nói đến luôn, và ghi chép một cách thẳng thắn, không chút nghi-ngờ, thì chắc là phải có ngụ ý ở trong vậy.

Trong Kinh-Lễ (thiên Lễ-Vận) có nói : « Các bậc anh-hiền trong thời Tam-Đại (5), ta chưa được thấy, nhưng thường vẫn để lòng mong ước ». Có lẽ đó là câu nên đem nói về hai ông chăng ?

Ngày nay phong-khí đã mở-mang, một ngày một mới lạ. Bên ngoài bể cả, bậc đá đã được san bằng, đường sắt hầu như đường bàn cờ. Lầu hoa rực rỡ, đèn điện sáng choang, cũng là nương dâu đó chăng ?

Lại còn dùng phi-cơ bay lướt trên không-trung, cưỡi khí-cầu thám-hiểm vùng bắc-cực. Rồi đây, mấy chục năm nữa, những dấu vết cũ của thời xưa, cũng sẽ biến dần trong giấc mộng, như một nhát chổi quét sạch trơn chăng ? Song theo thường tình và lẽ tất nhiên thì : khi chạm khắc, lại nhớ đến hình mộc-mạc, trong quả bầu vỡ lại nhớ đến hình tròn.

Vậy thì tôi đối với cuốn sách này, cũng có ý nghĩ như lời bài tựa trong sách Chiến-quốc, đã nói :

"Hãy lấy cái ý : Giữ việc cũ, bỏ trống chỗ ngờ, mà suy luận, không nên cẩu-thả, sao cho văn xuôi chữ thuận ; cốt để dành lại về sau cho những người hiếu học nghĩ sâu".

Viết sau ngày Đông-Chí năm Bính-Thân (1896), Hoàng-triều Thành-Thái.

Phó-Bảng khoa Canh-Thìn (1880) Hoàng-triều Tự-Đức 33, hiện giúp việc tại Tòa soạn báo Đồng-Văn, Giá-Sơn Kiều-Oanh-Mậu kính đề tựa.

Hàn-Lâm-Viện Biên-Tu Ngô-Vi-Lâm kính chép.

CHÚ-THÍCH : (1) Bại-quan « chú thích số 4, trang 7 ».

(2) Tây, Bắc tranh giành nói về Tây-Sơn đánh nhau với quân Tầu trong lúc ấy.

(3) Tả-sử và Hữu-sử là hai chức quan trong quan chế đời nhà Chu khi trước.

(4) Người quân-tử ở đây nói về nhà viết sử, nhà văn-học.

(5) Tam đại là ba đời : Đời nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu.

TANG THƯƠNG NGẪU LỤC

QUYỂN I

Quốc-Tử-Giám Tế-Tửu, Trưng-Sĩ (1) Đông-Dã-Tiều Phạm-Đình-Hổ, hiệu Tùng-Niên, quán làng Đan-Loan ; Trí-huyện huyện Tiên-Minh, Cử-Nhân, Ngu-Hồ Nguyễn-Án, hiệu Kính-Phủ quán làng Du-Lâm ; cùng biên tập.

Tam-An-Đình, Phùng-Dực, Bằng-Sô kiểm-lại ; Ân-tứ Tiến-Sĩ khoa Canh-Thìn, Thự Tổng-Đốc Hải-An, Hậu-học Gia-Xuyện, Đỗ-Văn-Tâm, hiệu Ngọc-Hiên xem lại và khắc in.

---

(1) Trưng-sĩ là một văn-gia được nhà vua vời đến và được đặc biệt tuyển dụng.

I

神 宗 皇 帝

Vua THẦN-TÔN

Có một vài chuyện không ghi rõ tên của một trong hai Tác-giả (Tùng-Niên hoặc Kinh-Phủ) xin tạm để khuyết nghi.

Triều-Lê, vua Kính-Tôn (1600-1619) tại vị đã lâu, chưa có Hoàng-Tử. Nhà vua ngày đêm cầu khẩn trời đất cho chóng có con. Được ít lâu, Hoàng-Hậu họ Trịnh có mang, nhưng khi lên giường cữ, trở dạ mấy hôm mà chưa sinh được. Vua đương lo ngại, chợt mê ngủ, thấy có người đến tâu rằng: "Hoàng-Tử hiện còn ở chợ Báo-Thiên (1), Hoàng-Hậu đã sinh sao được". Tỉnh dậy, vua sai Nội-Giám (Trung-quí) ra chợ dò xem.

Lúc đó, trời tờ mờ sáng, hãy còn lác đác sao thưa, trong quán chợ chưa có người, chỉ thấy dưới quầy bán thịt có lão ăn mày, tóc bạc phơ phơ, tuổi chừng 81, 82, nằm trên mặt đất, rên rỉ chờ chết. Nội-giám vội về tâu, vua lại cho ra hỏi, thì lão ấy đã tắt thở vào lúc trời vừa sáng tỏ. Cũng đúng giữa lúc ấy, Hoàng-Tử ra đời. Sau lớn lên nối ngôi, là vua Thần-Tôn.

Khi vua Thần-Tôn tại vị, đặt ngày sinh-nhật làm tiết Thọ-Dương. Mỗi năm, hữu-ti cho dựng Hành-tại, ở chợ Báo-Thiên, các quan Bộ-Lễ sắm sửa xe ngựa, cờ

kiệu rước vua ra đấy, rồi lấy trúc uốn thành hai cây : Thiên-Tuế và Vạn-Tuế, để nghênh giá hồi cung. Khi về đến nơi, các quan trong tòa Kinh-Diên (2) rước hai cây đó đi qua chỗ vua ngự ba lần và hô chúc « Hoàng-Đế vạn vạn tuế ». Lễ xong vua lên ngự tại điện Vạn-Thọ chịu lễ chào mừng, rồi ban yến cho các quan tại trước sân rồng. Các đời vua sau đều noi theo và gọi lễ ấy là lễ Khánh-Thọ Bảo-Thần.

Vua Thần-Tôn có bốn con : Chân-Tôn, Huyền-Tôn, Gia-Tôn, và Hy-Tôn, đều nối ngôi vua. Từ đời Trung-hưng, vua Hiển-Tôn đứng vào bực nhất về phúc và thọ.

Vào khoảng niên hiệu Vĩnh-Hựu (1735–1740), vua Ý-Tôn sai lấy gỗ khắc hình con hạc và hình người lực sĩ Chiêm-thành bày ở chùa Thiên-Phúc, trên núi Phật-Tích để thờ tượng vua Lý-Thần-Tôn, vì tương-truyền chính vua Thần-Tôn nhà Lý đã thác sinh ra vua Thần-Tôn nhà Lê vậy.

Nhận xét về thuyết luân-hồi, thân trước thân sau (3) nêu ra do từ đạo Phật, người Quân-tử (nhà Nho chân chính), không nói đến, hoặc ít nói đến.

Như chuyện vua Lý-Thần-Tôn, kiếp trước là vị thiền-sư Từ-Đạo-Hạnh, kiếp sau là ông lão hành-khất ở chợ Báo-Thiên, lại kiếp sau nữa là vua Thần-

Tôn nhà Lê ! Như thế, thì một vị sư, một người ăn mày đã hai kiếp tái-sinh làm vua. Thật là khó hiểu.

CHÚ-THÍCH :

(1) Chợ Bảo-Thiên khi trước ở vào phía tây nam Hồ-Gươm Hanoi.

(2) Kinh-Diên là nơi các quan chuyên việc giảng sách để nhà vua nghe.

(3) Luân-hồi, tiền thân hậu thân là kiếp trước kiếp sau của người ta, lần lượt sống chết, theo thuyết nhà Phật.

II

顯 宗 皇 帝

Vua HIỀN-TÔN

Năm Ất-Tỵ, niên hiệu Cảnh-Hưng (1785), là năm vua Hiền-Tôn thưởng-thọ (70) bảy mươi. Đình-thần hồi ấy có ông Bùi-huy-Bích và ông Hồ-Sĩ-Đống, giúp việc trong Chính-Phủ, bàn dâng tôn hiệu là "Uyên-ý Khâm-cung Nhân-Từ Đức-Thọ Hoàng-Đế" và làm lễ vào ngày Thánh-Thọ (1).

Trong thời ấy, lễ thiết-triều bỏ trễ đã lâu, nên sân chầu cũ ở núi Nùng-Sơn đã bỏ mà đổi làm điện Kính-Thiên để thờ trời đất và phụ phối đức Thái-Tổ Hoàng-

Đế. Những ngày sóc, vọng (mồng một và ngày rằm) thì thiết triều tại điện Cần-Chánh. Trong điện này, hai nhà tả hữu đãi-lậu (2) ở sau, đồ nát ; sân, thềm cỏ mọc um tùm, cao ngập đầu gối, phân ngựa bừa bãi. Nay sắp có việc, các quan Đề-Đốc Lãnh-Binh phải đốc-xuất vệ-sĩ quét tước sân Đan-Trì, và sửa sang viện Đãi-Lậu cho tề chỉnh.

Trước khi hành lễ một ngày, quan Doãn-Phủ Phụng-Thiên là Hoàng-Vĩnh-Chân đốc-xuất các thuộc-viên, áo mũ chỉnh tề, ban đêm ở Tư-lễ-giám trông coi sửa soạn các bài biểu.

Đến ngày lễ, vua lên tòa ngự, hai bên có hai ban văn võ, đứng xếp theo hàng. Con thứ tư của nhà vua làm chức Đại-Tư-Đồ Sùng-Nhượng-Công đứng đầu ban võ, thứ nhì là ông Hồ-Sĩ-Đống. Vị Quốc-lão Quận-Công Nguyễn-Hãng đứng đầu bên văn, thứ nhì là ông Bùi-Huy-Bích. Còn toàn thể các quan thuộc hàm Hồng-Lô-Tự thì đứng xếp hàng theo thứ tự ở cửa phía trong và phía ngoài để giúp việc lễ. Ông Phan-Huy-Ích quì ở phía hữu ngự điện, tuyên đọc bài biểu, tiếng vang ra tận ngoài cửa Đoan-Môn.

Khi làm lễ xong, viên Thái-Giám mặc áo bào hồng, thắt đai văn tê, từ phía hữu ngự tọa bước xuống, tuyên-chỉ ban yến ở hai bên nhà Đãi-Lậu.

Bao nhiêu phụ lão đứng xem đều nói : "Từ niên

hiệu Chính-Hòa (1680-1705) đến nay đã tám mươi năm, chưa được xem một buổi nghi lễ long trọng như thế này.

Bài Biểu ấy (in trong Hoàng Việt-Văn-Tuyển) liên đầu như sau :

黼座天開龜畤萬壽康之福

Phiên âm : Phủ tọa thiên khai, qui trù tiến thọ khang chi phúc (3).

Dịch : Ngai thêu trời mở; thẻ rùa dâng phúc thọ khang.

丹庭日麗虎拜揚保定之休

Phiên âm : Đan đình nhật lệ, hổ bái dương bảo định chi hưu.

Dịch : Sân ngự bóng soi, gối hổ mừng ơn bảo định (4).

Liên giữa như sau :

千春歷始登四紀

Phiên âm : Thiên xuân lịch thủy đăng tứ kỷ ;

Dịch : Lịch thiên xuân mới đầy bốn kỷ :

萬年蓍初遰七旬

Phiên âm : Vạn niên trù sơ đãi thất tuần ;

Dịch : Thẻ vạn thọ vừa tới bảy tuần (5).

(Còn ngoài ra, không tiện chép đầy đủ cả bài biểu ra đây).

CHÚ-THÍCH :

(1) Thánh-Thọ : Ngày sinh nhật của nhà vua.

(2) Đãi-lậu tức là hai ngôi nhà tả hữu ở trước điện nhà vua.

(3) Qui trù : Thẻ hoặc khuôn rùa, theo chữ Hán thích nghĩa là chín khuôn phép lớn của trời. Vua Vũ nhà Hạ đã theo đó mà trị Thiên-Hạ.

(4) Giữ gìn được bình định, yên ổn.

(5) Thất tuần là bảy tuần, mỗi tuần là mười năm.

III

王 府 故 事

CHUYỆN CŨ TRONG VƯƠNG PHỦ

Kính-Phủ

Sau khi Vua nhà Lê đổi ngôi, có một người đến làm thuê cho tôi, (người này nguyên là một Nội-thi của thời Chúa Tĩnh-Vương trước), biết những việc cũ trong Vương-phủ rất rõ ràng, y thuật lại với tôi rằng :

"Mỗi năm, trước tết Trung-thu độ vài tháng, Chúa "truyền lấy gấm ở trong kho ra, giao cho các Cung-"Nữ làm đèn lồng, hàng trăm nghìn chiếc rất tinh "xảo, mỗi chiếc có thể đáng giá đến vài chục lạng bạc.

"Đúng hôm rằm, Chúa ngự ra chơi Bắc cung. Cung "này có cái ao gọi là Long-Trì, rộng độ nửa đặm.

"Giồng nhiều hoa : hoa sen, hoa súng v. v. . . Bên bờ "ao đắp đất, chồng đá làm núi, chỗ cao chỗ thấp, "dàn đặt mặt trước mặt sau, trông đường nào cũng có "thế đẹp. Bên phải để riêng một chỗ ngồi dành cho "việc đàn hát. Trên bờ ao có giồng mấy trăm gốc "phù-dung, treo đèn ở trên, ánh soi xuống nước, lấp "lánh như muôn vàn ngôi sao.

"Các quan Nội-thị từ tam-phẩm trở lên, chít khăn "mặc áo đàn bà, ngồi bán hàng ở bên lề đường, đủ "thứ hàng hóa Nam Bắc. Cho đến cả hoa, quả, rượu, "chè cùng các món thực phẩm, không thiếu thứ gì, "chồng chất cao như núi.

"Các Cung-nữ đi lại mua bán, tha hồ tự do, vừa "mua vừa tranh cướp, bất cứ giá cả bao nhiêu. Lại "bắt chước những tiếng thường dùng ở nơi chợ búa "thôn quê, để thách thức trêu cợt nhau, tiếng nô đùa, "vang suốt trong ngoài.

"Đến nửa đêm, Chúa ngự kiệu xuống thuyền rồng, "các quan hầu và phi tần đều gõ ván thuyền, hát khúc "đò-đưa, thuyền chợt bơi qua bơi lại, trôi theo làn "sóng, bỗng nhiên tiếng đàn, tiếng sáo, lời ca cùng "hòa nhau, thanh âm lanh lảnh tựa khúc nhạc trời "hòa tấu trên cung Quảng.

"Chúa ngắm cảnh, lòng vui vẻ, mãi khi có tiếng "gà gáy, mới trở về cung./.

IV

阮 維 時

Ông NGUYỄN-DUY-THỜI

Quan Thượng-Thư Nguyễn-Duy-Thời là một vị văn tướng nổi danh đời Trung-Hưng. Tính ngay thẳng, nên khuyên can Chúa Trịnh điều gì, Chúa đều nghe.

Trong Vương-phủ có một cỗ xe, làm rất hoa mĩ. Một hôm ông đứng cạnh, bỗng trúng phong cấm khẩu ngã lăn vào xe, Chúa cho vực lên xe đưa về nhà, hôm sau ông vào chầu thưa rằng :

— "Hôm qua, tôi bị trúng cơn gió độc, nhờ ơn Chúa thượng tha lỗi cho. Nhưng xe này đã bị người ốm nằm vào, không đáng để Chúa-thượng dùng nữa, nên tôi xin lựa những bảo vật trong xe đem nộp lại". Chúa biết ý ông định can ngăn mình, nên không trách móc gì.

Một hôm, ông xin cáo về ở Yên-Lãng. Khi ấy Chúa có một nàng Quý-phi, người làng Mông-Phụ. Nàng quý-phi này, được Chúa rất sủng ái, nên hay cậy thế cậy thần, ông thường nói xa xôi để khuyên can.

Khi ấy, Chúa nhận thấy ông cáo về làng vắng, Chúa liền đi thuyền rồng lên kinh-lý tỉnh Sơn-Tây, để tiện đường vào chơi nhà bà Phi.

Khi thuyền Chúa đi qua Yên-Lãng, ông ra bờ sông đón mà thưa rằng : " Phía tây không có giặc dã, chỉ vì một người đàn bà mà Chúa Thượng phải đem quân lính lên tuần tiễu tận đây, thì việc nước còn ra thể thống gì nữa " : Nói xong ông liền ra lệnh cho Vệ-sĩ không được chở thuyền đi nữa. Ai không theo lời sẽ bị xử tội theo quân pháp. Vì thế Chúa phải hồi loan.

Trong phủ ông ở, có một nhà riêng, gọi là Tư-Chính-Đường. Mỗi khi ở trong triều về, ông nghỉ ở đó. Trong nhà chỉ có hai thằng nhỏ, ngày đêm chực hầu mà thôi. Người ngoài tuyệt nhiên không ai dám đến cầu khẩn việc gì, ngay vợ con ông cũng không được đến.

Một hôm, có người mắc tội, đáng chết, đã đi kêu van khắp nơi quyền quí không được, ai ai cũng không cứu nổi. Vợ người bị tội liền tìm gặp hai người hầu ông, khóc lóc nhờ nói xin lễ ông hai ngàn vàng. Hai người hầu từ chối xua tay bảo rằng : " Tướng-công tôi không phải là người mà vàng bạc làm chuyển lòng được. Nhưng tôi thấy chị lo lắng cũng thương hại, không nỡ làm thinh. Vậy để tôi ướm xem ". Nói xong, bưng vàng vào nhà, bày ngay ở chỗ giường ông nằm. Đêm khuya, ông ở trong triều về, lên giường nằm, đụng phải vàng rơi loảng xoảng, ông ngạc nhiên hỏi : " Làm sao có của này ". Người hầu quỳ lậy xin tha tội, và kể đầu đuôi. Ông ngồi im một lúc rồi bảo :

— Thôi cho đứng dậy, ta không bắt tội mày. Ân

tử hình là việc lớn, nay vì mối lợi hai ngàn vàng, mà mày còn trẻ con đã dám đương lấy cái chết, nhưng hoặc giả là ý giời chăng! Thế mụ ấy cho mày bao nhiêu ?

— Bẩm sáu trăm lạng.

— Thôi số bạc ấy cho mày, còn ta không nhận tí gì đâu, hãy đem ngay ra trả người ta.

Nói xong, lập tức ông bảo đánh xe vào cung, gõ cửa xin vào hầu, Chúa giật mình trở dạy, mời vào hỏi có việc gì khẩn cấp. Ông thưa : " Lúc ban ngày tôi xét một việc án can hệ, kẻ phạm tội phải xử tử. Đêm đến có người nói là nó bị oan không kêu vào đâu được. Vậy xin Chúa-thượng xét lại ".

Chúa cười mà rằng : " Tiên-sinh khó nhọc quá, sao không để đến mai ? "

Ông thưa : " Thần sợ để chậm một chút, lỡ có vẻ nghiêng thêm về ý riêng ". Chúa ân cần khuyên nhủ. Sau người tù ấy được thoát khỏi tội chết.

V

還劍湖

HỒ HOÀN-KIẾM

Mùa hạ năm Bính-Ngọ, niên hiệu Cảnh-Hưng (1786), đương nửa đêm, giữa hồ Hoàn-Kiếm, bỗng có

những vật đó ối hiện ra trên đảo, tia sáng nhoáng tỏa ra bốn phía, bay về bờ phĩa nam rồi biến mất.

Sau đó, sóng gió ầm ầm nổi lên. Sáng hôm sau, thấy xác tôm cá nổi trên mặt nước không biết bao nhiêu mà kể. Có người nói, ở trên nóc nhà Trung-Hòa-Đường trong phủ Chúa cũng hiện ra những vật tương-tự, ánh sáng tỏa ra tứ phía, rồi tự nhiên tắt ngấm.

Sau đó ít lâu, nhà Lê mất nước.

VI

阮 文 偕

Ông NGUYỄN-VĂN-GIAI

Ông Nguyễn-Văn-Giai, người làng Thiên-Lộc (Hà-Tĩnh), khi giữ chức Chưởng-quản Lục-Bộ (chức Thủ-Tướng), các bậc thân quí của Chúa đều kiêng nể, không dám làm sự phạm pháp.

Một hôm, viên Quận-Mã (con rể Chúa) đi đánh giặc thua bỏ chạy, ông cho bắt bỏ ngục rồi khĕp vào tử tội. Chúa muốn tha, nhưng không biết nói thế nào. Nhân đem những chỉ dụ ra để cãi lý, song rốt cuộc không cãi nổi ông.

Ông có nhiều vợ, vợ nhỏ : 5, 6 bà, bà thứ ba

được ông yêu nhất. Quận-Chúa liền đem những đồ báu ngọc, nhờ người vú đưa vào xin yết kiến bà, và đem việc Quận-Mã ra nói.

Bà Ba từ chối mà rằng: "Tướng-Công là người thanh-liêm, vả lại việc đó là việc can hệ trong Triều, tôi đâu dám can dự vào".

Quận-Chúa cố nằn-nì, bà Ba chầm chậm nói: "Thế thì sáng mai, bà sửa xôi nếp cái, lợn nhỏ luộc chín, để sẵn cả các thứ gia-vị cùng dao vào mâm chờ lúc Tướng-công đi vắng, mang tới đây mà biếu". Quận-Chúa mừng rỡ; cảm ơn ra về.

Sáng hôm sau, khi sắp sửa vào Triều, ông bảo dọn cơm sáng, bà Ba thưa: Trong Triều đã đông đủ các quan, xin để lúc về, hãy dùng cơm vậy.

Ông nghe lời ra xe đi. Khi tan chầu về đến nhà, nhân đương đói, thấy mâm đồ ăn, mở ra lại thấy sẵn dao liền thái thịt lấy xôi ăn. Ăn xong, ông hỏi sao có thức ăn đó. Bà Ba mới thú thật, ông giận lắm, phàn nàn một lúc lâu rồi nói, "Lỗi tại ta, lỗi tại ta. Chỉ vì một bữa ăn no mà tha chết cho một người, hay là ý giời đã định thế chăng"?

Vội sai đánh xe vào hầu Chúa để xin tha tội cho Quận-Mã, Chúa mừng lắm y ngay.

Lại một hôm vào Triều, đi qua chợ Cửa Đông, thấy có người bán một con cá thời-ngư, bề ngang

bảy thước. Ông đứng lại xem và khen ngợi. Khi ông ở trong Triều về đã thấy người đem cá đến dâng đứng đầy cổng mà toàn là những khúc cá Thời-ngư (2). Ông đùa bảo đem chắp cả những miếng cá đó lại xem, thì thấy đủ hình con cá, duy thiếu mất khúc đuôi. Hỏi các hàng cá mới biết bếp nhà Chúa mua để tiến rồi. Ông than rằng : "Con cháu ta chắc không được hưởng lộc nữa" (vì cá mất đuôi, tức là không có hậu). Sau quả đúng như lời ông nói.

Người cùng huyện với ông được cử lên là ông Dương-Chí-Trạch con rể của ông làm Á-Tướng ; ông lo rằng sẽ chuyên quyền.

Nhân một hôm ăn tiệc, lại có lũ phường chèo, đóng mũ áo ra múa hát, Dương-Công đã nói khẩy rằng : "Nhà ngươi có tài năng gì mà làm lắm trò như vậy" ? Ông lặng làm thinh không chấp.

Về sau, có vị Quốc-Lão là Phạm-Trứ cầm quyền chính. Một viên Tù-trưởng phạm tội đáng chết, người vợ liền đút lót với người đầu bếp của ông, nhờ mang chim sẻ vào dâng nói : « Cụ lớn ưa thích món ăn này ». Người đầu bếp nướng chả chim để ông xơi. Khi ăn xong, ông hỏi, người đầu bếp đem vàng ra lạy xin tha tội. Ông liền móc cổ họng ra hết, và bảo :

— "Thôi mày đem vàng ra ngay, ta không trách phạt gì".

Đến khi người tù xắp bị xử tử, ông vào hầu Chúa, xin tha tội chết cho hắn. Chúa nghe theo.

Hai việc nói trên kể cũng hơi giống nhau. Hai ông đều là Văn-tướng nổi danh thời Trung Hưng, mà một ông ăn lễ thịt lợn luộc, một ông ăn lễ chả chim sẻ mà nên chuyện. Vậy thì, há chẳng nên cẩn thận trọng sự ham thích đấy ru?

CHÚ-THÍCH :

(1) Phó-mẫu là người giữ việc trông nom dậy bảo các Quận-Chúa khi còn nhỏ.

(2) Thời-ngư là tên một thứ cá sống trong vùng nước ngọt, hình dẹp mà dài, sắc trắng tinh, thịt thơm ngon.

VII

如京農夫

NGƯỜI NÔNG-PHU LÀNG NHƯ-KINH

Tùng-Niên

Năm Kỷ-Dậu trước (1789), loạn lạc vừa yên, thì chứng dịch tả lại phát sinh dữ dội. Ban ngày thường trông thấy ma. Đâu đâu cũng nghe thấy những tiếng rên-rỉ, khóc than. Bạn tôi là ông Ninh-Quý-Hoằng, quê ở Côi-Trì, kể chuyện với tôi rằng :

« Làng Như-Kinh có người nông-phu ra đồng kiếm

củi, gặp một toán quân rất đông kéo đến, vội vàng bỏ gánh củi đứng nép vào bên cạnh đường, liếc trông thấy một người lính cầm kiếm đi trước, đầu đội khăn đỏ, (hồi đó thường gọi là khăn mào gà). Nhìn kỹ thì là người bạn cũ của mình. Người lính trông thấy bác nông-phu, mừng lắm chạy lại chào hỏi và vội tháo chiếc khăn đỏ quàng cho, rồi dắt vào quán mời uống rượu. Trong quán rượu thịt rất nhiều, tùy ý lấy ăn, người chủ quán không hỏi gì cả.

Lúc đó trời làm đói kém, bác nông-phu đang không có ăn, nay được bạn mời, liền ăn uống một bữa no say. Khi ăn xong thấy xe ngựa kéo đến ầm ầm, cậu lính vội giật lấy chiếc khăn đỏ đi ra. Bác nông-phu ngồi trơ nhân-mộc ở giữa quán. Mọi người trông thấy, ngờ là thần-ôn-dịch, bắt giữ lại. Bác nông-phu cứ thực tình kể lại câu chuyện và dẫn chủ quán ra xem chỗ đặt gánh củi ở bên đường, để tỏ rõ sự thực. Quả-nhiên, Chủ-quán thấy gánh củi còn nguyên, mới tha cho về ».

VIII

安 謨 農 夫

NGƯỜI NÔNG-PHU ẤP YÊN-MÔ

Ông Ninh lại kể tiếp theo chuyện sau :

« Cùng năm ấy, tại ấp Yên-Mô (một ấp nhỏ trong

vùng), có một nông-phu nghèo đói phải đi ăn mày ở bãi tha ma. Tối đến, cùng một bạn hành-khuất khác phải nằm ngủ trong một cái quán bỏ không bên cạnh đường cái. Đêm càng khuya, bụng càng đói, trằn trọc mãi không ngủ được. Trông ra chỉ thấy ánh giăng mập mờ trên đường, bỗng thấy xe ngựa kéo qua, đông như đàn cá nối đuôi, hai người nhìn nhau sợ quá chui xuống gầm sàn, đu mình lên sàn, nín hơi không dám thở. Một lúc nữa, thấy trống, chiêng, cờ, quạt, rước một chiếc kiệu bát-cống, đặt ở trước quán, rồi chiêng trống tạm yên, quân lính dừng lại.

Trên kiệu có tiếng truyền gọi Xã-lệnh ra hỏi, quân lính dạ ran như sấm. Một lúc lâu, thấy một người đội mũ phốc-đầu, mặc áo thụng (kiểu mũ áo tế thần) quì ở trước kiệu mà trình to rằng :

— Thưa tôi là Xã-lệnh, xin đến yết-kiến.

Bác nông-phu ở gầm sàn đưa mắt nhìn ra, nhận thấy người quì ấy giống hệt pho tượng Thành-Hoàng vẫn thờ ở đình làng. Trên kiệu có tiếng hỏi : "Sổ linh làm xong chưa"? Xã-lệnh cúi đầu đáp : Ấp tôi vừa nhỏ, vừa nghèo, lại mới gặp loạn lạc, dân cư bỏ chạy, chưa thấy mấy người trở về, nên chưa thể bắt linh được.

Trên kiệu lại có tiếng quát to : Ta phụng mệnh đi điểm binh, có lệnh xuống đã lâu, nhà ngươi còn lựa lời, quanh co nói khéo thực đáng trị tội theo quân-pháp.

Tức thì có mấy ông mặc triều-phục đứng chung quanh kiệu, quì xuống xin hộ rằng :

Vị thần này vốn tính minh mẫn, trung trực, đã được Thượng-đế để ý lựa chọn, hãy nên rộng tha cho. Rồi lấy khỉu tay huých vào viên Xã-lệnh bảo phải dàng ngay sổ lính. Xã-Lệnh bất đắc dĩ phải kể hai người trong ấp, một người là bác nông-phu ở dưới gầm sàn, còn một người nữa cũng là hạng nghèo đói ở trong làng, không nơi nương tựa.

Sổ dâng lên, vị ngồi trên kiệu sai các viên-chức kiểm nhận, rồi nổi trống kéo đi. Lúc đó gà đã gáy sáng.

Bác nông-phu sợ toát mồ-hôi, cùng người bạn lúm-khúm ở gầm sàn bò ra, nhưng cũng vui lòng vì đã ghe tin sắp được thoát nơi bể khổ, liền đi đến nhà những người trong ấp, cầu xin một bữa no say rồi chết. Người trong ấp cũng sẵn lòng cho. Quả-nhiên cách mấy hôm, bác ta ốm chết, và người cùng có tên trong sổ bắt lính hôm ấy cũng chết.

IX

同 春 鬼

CON MA ĐỒNG XUÂN

Kinh-Phủ

Ông Trần-Văn-Vĩ người làng Từ-Ô, khi ra Kinh

Đô thi Hội, đến trọ tại một ngôi nhà cũ của quan Nội-Thị Thuyên-quận, ở phường Đồng-Xuân (ngôi nhà này, trước kia ông ngoại tôi là cụ Thiêm-Hiến hiệu Thanh-Khê cũng đã ở). Trên gác nhà này có nhiều ma quái. Có khi thấy một vật đỏ ối, to bằng cái đấu, sáng lòe ra tứ phía, vụt cái lại tắt, có khi nghe rõ tiếng kêu ở trên xà nhà, soi đèn xem thì không thấy gì.

Ông Vĩ không tin, bảo kê giường lên gác nằm, và nói : "Nếu có ma, ta sẽ chống chọi với nó".

Ngày đêm ông đọc sách mải miết không mấy lúc nghỉ, mỏi mệt, vừa chợp mắt, thấy có cô gái sinh đẹp đến gõ vào giường ông nằm mà bảo rằng: "Này nhà Lê sụp đổ đến nơi rồi, mà bộ ông cũng chẳng đỗ đạt gì đâu, đừng gân cổ đọc sách dọa nạt tôi làm gì". Nói xong, ngâm một câu thơ rằng :

沙 場 隱 隱 見 漁 村

Sa trường ẩn ẩn kiến ngư thôn.

Nghĩa là : Ngoài chốn xa-trường, thấp thoáng thấy xóm thuyền chài.

Ông tỉnh dậy, còn nhớ rành rành, và sợ quá vội dời nhà đi chỗ khác. Khoa ấy quả nhiên ông thi trượt, và chẳng bao lâu nhà Lê mất nước.

X

阮 公 沆

Ông NGUYỄN·CÔNG·HÃNG

Quan Thượng-thư Nguyễn-Công-Hãng là một văn-tướng nổi danh đời Chúa An-Vương (tức Trịnh-Cương), đỗ Tiến-Sĩ năm 21 tuổi, làm đến Đốc-Trấn An-Bang (nay là tỉnh Quảng-Yên). Trấn này lưng dựa vào núi, mặt trông ra bể. Vua Hồng-Thuận khi trước đã có câu thơ khắc vào đá như sau :

巨 浸 江 洋 朝 百 川

"Cự tẩm uông dương triều bách xuyên".

Nghĩa là : Trăm ngọn sông chầu về bể rộng mênh mông.

Ông chép đưa các bạn đồng niên xem, nhưng lầm chữ 巨 (cự : lớn) ra chữ 匝 (Táp : vòng quanh) nên bị chế diễu.

Ông từ quan, lui về khảo cứu, học lại những điển cố, luật lệnh sổ sách của Triều-đình. Vài năm học xong, hiểu rộng, lại ra làm quan. Phàm gặp việc gì ngang trái ở trong Triều, ông đều can ngăn, lời nói thiết tha, thẳng-thắn, khiến Chúa giận cũng phải nguôi như cơn mưa tạnh.

Trong một bài Khải, tạ từ khi đi sứ, ông đã có câu :

"Xoa dịu vầy rồng, làm tan được cơn sấm sét".

Ấy là việc có thực.

Năm thứ 57, đời nhà Thanh, niên hiệu Khang-Hy, ông làm Binh-Bộ Tả-thị-Lang, gặp kỳ tuế cống, được sung làm chức Chánh-sứ. Khi xưa, đức Thái-Tổ Hoàng-Đế giao chiến với quân nhà Minh ở núi Mã-Yên (1), có chém chết viên tướng nhà Minh là An-Viên-Hầu Liễu-Thăng ; Người Minh buộc phải bồi thường, nộp cống bằng người vàng để đền mạng.

Khi nhà Mạc cướp ngôi, nhà Minh sai Cừu-Loan và Mao-Bá-Ôn sang đánh. Mạc sợ, lại xin dâng cống người bằng vàng để cầu hòa. Đầu năm Trung-Hưng, nhà Minh lại viện cớ đã giết công-thần của họ là Mạc-Mậu-Hiệp, bắt ta phải đúc người bằng vàng dâng cống để tạ lỗi, rồi dần dần thành thường lệ. Nay ông xin bãi bỏ lệ cống hiến đó.

Sau các Bộ, Viện bên Trung-quốc lại đem việc cống đó ra hỏi, ông nói :

— "Quốc-Vương tôi ngày nay theo giữ nghiệp cũ, vẫn không trễ nải việc chức cống, còn các việc thâu thành, nạp khoản, thì kẻ sứ-thần này không dám biết đến". Sau họ lại hạch đến chuyện Liễu-Thăng bị giết, ông nói:

— "Liễu-Thăng là một viên tướng của nhà Minh, nay Hoàng-Triều nhà Thanh bao gồm có hàng muôn nước, can chi phải nhắc đến chuyện cũ, yêu sách mọi điều, để trả thù cho một người. Sao đủ để khuyên răn người theo quy thuận".

Lại còn việc bắt cống hũ nước rửa ngọc trai lấy ở

giếng Loa-thành (theo sự tích Trọng-Thủy, Mỵ-Châu), ông cũng bỏ đi, mà lấy nước giếng ở Ba-Sơn đem cống. Họ thử không thấy hiệu nghiệm, liền trách, ông nói ;

— "Đó là vì khí mạch của giời đất, lâu ngày tất nhiên phải đổi".

Từ đó, hai thứ cống-hiến ở trên được miễn là bắt đầu từ ông vậy.

Khi đi sứ về, ông cùng ông Thanh-Mai Lê-Anh-Tuấn cùng làm Tể-tướng, khảng khái coi việc Thiên-hạ như việc mình, nghiên-cứu kỹ lưỡng trong mọi phát-minh, sáng-tạo, bao nhiêu qui mô trong chốn Đài Các (trỏ các cơ quan tổ chức hành chính) kể có hơn trăm năm nay, đều do ông sửa định.

Xét ra, từ đời Trung-Hưng về sau, những thể thức về mũ áo của các quan chửa được chánh đáng, ông liền nhân khi đi sứ, tìm hỏi về các phẩm phục của nhà Minh, để về sửa đổi cho hợp thời. Phàm các mũ áo đại-triều, như mũ phốc-đầu, áo bồ-phục (2) ; nền đỏ là trên hết ; thứ đến xanh huyền. Những y phục ngày thường : quan văn chít khăn lương-cân, quan võ chít khăn yến-vĩ, áo thanh cát, (hai vạt trước, vén lên buộc vào sau lưng), các quan dưới chít khăn chữ đinh, quân phục thì nón chóp kiểu thày chùa, áo chẽn tay. Những lối y-phục đó nay hãy còn dùng.

Ông lại hay khích lệ tiết tháo của các sĩ-phu,

những học-sinh trường Giám được phép ngồi ngang hàng nói chuyện với các quan, ông muốn bắt chước lối Chế-nghệ của Bắc-triều, thay đổi các thể văn, để luyện thi học-trò, nhưng việc chưa thành.

Thấy sự kinh-phí của nhà Nước không đủ, ông đề nghị giảm bớt số ruộng quân cấp cho các Công-thần ; việc này ông bị số đông Công-thần oán trách.

Khi đó, Chúa Trịnh lại muốn mở Phủ như đầu đời Trung-Hưng (việc cũ của ông Nguyễn-Duy-Thời), nhưng ông can đi mới thôi.

Trong hồi ấy, Uy-Vương (tức Trịnh-Giang) làm Thế-Tử, An-Vương cử ông làm chức Thái-Phó (thày dạy) ông liền làm tờ Khải (3) mật tâu Chúa rằng : "Thế-Tử là người nhu-nhược, không kham nổi việc lớn".

An-Vương (tức Trịnh-Cương) nói :

— "Không phải ta không biết như thế, nhưng từ ngày Thế-tử được tạm cầm quyền bính, chưa hề phạm lỗi lớn, nên ta không nỡ".

Ông cúi đầu tâu :

— "Biết con không ai bằng cha, kính xin Chúa-Thượng vì xã-tắc mà lo tính".

Chúa Trịnh liền cất tờ Khải của ông vào hộp. Một hôm, nhân kỳ đại lễ, Thế-tử làm lễ sai lầm, Chúa giận, cho vời các quan họp bàn, định truất ngôi Thế-Tử. Việc chưa thi-hành thì Chúa mất ở dọc đường, trong

khi sang chơi Cổ-Bi. Lúc đó ông ở Kỳ-Viên, Phi giấu không phát tang. Khi về Kinh, mới báo tin dữ, ông liền họp các quan ở Đô-Đường mà rằng :

— "Thế-tử có lỗi lớn, Tiên-Vương đã có nói. Nay xin lập con thứ lên nối ngôi, các quan còn đang ngồi yên (chưa tỏ ý kiến), thì ông Nguyễn-Hiệu, hiệu Lan-Khê, thày học của Thế-Tử chống lại mà rằng" :

— "Thế-tử có lỗi gì đâu. Tiên-Vương nói đó là để cho Thế-tử gắng sức tốt hơn, chớ nên khinh thị bàn đến việc đó".

Thế-tử lên nối ngôi, bắt được tờ Khải của Ông, giận lắm, bãi chức và cho bắt ông đem an-trí tại vùng Tuyên-Quang, rồi lại sai Trung-sứ đánh thuốc độc cho chết.

Hồi trước, Trịnh-An-Vương thấy kiểu đất nhà mình có câu : "Truyền ngôi được tám đời, thì sẽ thấy đại họa (tai vạ lớn) nổi từ trong vách ra", nên mới bày ra cuộc xây dựng ở Cổ-Bi để yểm-trừ tai vạ. An-Vương thường bảo ông rằng :

"Cửu-Long có kiểu đất quý, Tiên-sinh nên đem phần mộ gia-tiên đến mà táng, đừng để người khác chiếm mất".

Vì thế, ông bị nhiều người ghen ghét dèm pha.

Khi ông đi sứ Tàu, qua thành Ứng-Sơn, có làm

bài thơ viếng Trung-Liệt-Công (4) là Dương-Thúy-Am, trong có hai câu rằng :

暗主休論榮愛竪
Ám chúa hưu luận sùng ái thụ,
皇天何忍毒忠臣
Hoàng-thiên hà nhẫn độc trung-thần.

Xin dịch nghĩa như sau :

Viên Quan-thị (ái nam, ái nữ) mà được Ám-chúa thương yêu, thì có đáng kể gì, chỉ trách : Hoàng-thiên sao nỡ hại kẻ trung-thần.

Câu đó thực là lời ứng nghiệm vào cuộc đời của ông.

(Nguyên trong bài sấm có ghi :

Ông Tổ năm đời của Trung-Liệt-Công là người nước ta, theo quân Minh sang Tàu nội đời ở thành Ứng-Sơn, thuộc tỉnh Hồ-Bắc. Trung-Liệt-Công tên là Liễn đỗ Tiến-sĩ triều Minh, làm quan đến Tả-Đô Ngự-Sử, rồi vì hặc Nguỵ-Trung-Hiền mà bị hại. Sau được truy lập đền thờ ở nguyên-quán, đến nay hãy còn. Khi ông đi sứ, con cháu có đem những đạo sớ cũ còn sót lại ra cho ông xem).

Đời còn truyền tụng rằng : Lúc sinh-bình có một thầy xem bói triết-tự vào thăm, ông viết mấy chữ sau nhờ đoán :

十 二 月 花 殘

Thập nhị nguyệt hoa tàn.

Nghĩa là : Tháng mười hai, hoa rụng.

Ông thầy xem triết-tự khuyên ông nên xử sự theo lối (cấp lưu dũng thoái) (5), ông im lặng không nói gì. Chẳng được bao lâu thì xảy ra tai vạ.

Ông thầy này không ai rõ họ tên, thường hay đi lại các nơi tư thất của những bậc công khanh, quyết đoán nhiều câu rất ứng nghiệm.

Đến cuối đời Long-Đức (Lê-Thánh-Tôn) vua Hiến-Tôn là con nối, nhưng không được lập làm vua, đến ẩn trốn trên gác chuông chùa Phật-Tích, cũng gặp ông thầy triết-tự này, nhờ xem hộ và viết một chữ Cảnh (景), ông thầy phục xuống lạy mà nói :

"Mặt giời rọi xuống Kinh-đô (6) là biểu hiệu của bậc Thiên-tử rồi".

Quả nhiên, sau vua Ý-Tôn nhường ngôi. Hiến-Tôn được lên ngôi vua, đặt niên-hiệu là Cảnh-Hưng.

Một thuyết nói : Khi ông làm Tể-Tướng, có một ông quan trong Triều bị bệnh gần chết ? Người nhà đến cầu đảo tại đền Tản-Viên, rồi nằm mơ thấy có thần bảo :

« Việc sinh tử do tòa Nam-đẩu trông coi, không phải phần việc của ta ».

Người nhà cố cầu xin, thần lại bảo :

"Tướng-công Nguyễn-Hãng là bậc dị-nhân, sao không đến kêu với ông"! Tỉnh dậy, người nhà đến yết kiến ông, kể lại câu chuyện, ông liền bảo cho sống thêm một kỷ nữa (7). Sau quả như lời.

CHÚ-THÍCH :

(1) Mã-Yên nay là tỉnh Lạng-Sơn Bắc-Phần.

(2) Phốc-đầu là mũ có cánh chuồn, Bổ-phục là áo có miếng thêu ở đằng trước và đằng sau, để nhận định các cấp bậc của quan văn, quan võ.

(3) Tờ Khải là tờ sớ của các quan dâng lên Chúa Trịnh.

(4) Trung-Liệt-Công (xin coi lời ghi trong bài sấm ở trên).

(5) Cấp lưu dũng thoái là dòng nước đương chảy xiết thì phải cấp bách ngừng lại, ý nói thôi làm quan nên cáo về.

(6) Chữ Cảnh (景) trên có Nhật là mặt giời, dưới có chữ Kinh là Kinh-đô. Cả chữ trên chữ dưới nghĩa là : mặt giời trên Kinh-đô, nên ông Thầy đoán là mặt giời rọi xuống Kinh-đô, là điềm tốt, là lên ngôi vua.

(7) Kỷ ; 12 năm.

XI

阮伯暢

Ông NGUYỄN-BÁ-DƯƠNG

Ông Nguyễn-Bá-Dương, người làng Nguyễn-Xá, huyện Thần-Khê, tính không tự giữ gìn kiềm chế, hay

uống rượu. Nhà nghèo, nhưng ông vẫn coi như không. Hồi ông lên học ở Kinh-Đô, ngoài tấm áo che thân, không còn một vật gì đáng giá. Thường uống rượu chịu của một người đàn bà ở làng Kẻ-Mơ (tức là làng Hoàng-Mai ngày nay gần Hà-nội). Ông nợ tiền rượu đến chín trăm đồng, bị người đàn-bà bán rượu đón đường đòi nợ. Có cô con gái người làng Kẻ-Mơ cùng đi với người đàn-bà đó, thấy thế, vội đặt gánh xuống, can người đàn-bà không được, liền lấy tiền lưng ra trả hộ, rồi vội quẩy gánh đi. Ông chạy theo tạ ơn và hỏi họ tên, cô xua tay nói :

— « Tôi thấy cậu là người học-trò vì rượu chè mà bị xấu hổ với một người đàn bà, nên không đành lòng, mà trả hộ, chứ không có ý mong sự đền báo ". Nói rồi đi thẳng không ngoảnh lại. Ông trở lại hỏi người đàn bà, để rồi ghi vào lòng. Sau lên học ở Sơn-Tây, trọ nhà người hào-trưởng. Thường ngâm nga rồi làm văn, nhiều khi không sẵn giấy, viết cả lên mặt án thư, son mực lẫn lộn, màu gỗ đen nhèm.

Đến kỳ thi Hương, ông từ biệt nhà trọ về quê đi thi. Qua các kỳ thi hạch ở huyện và ở trấn, ông đã nức tiếng là người hay chữ. Khoa ấy ông thi đỗ Hương-tiến, năm sau lại đỗ luôn Tiến-sĩ, cùng khoa với ông Ngô-Thời-Sĩ. Các bạn thi đậu ai nấy đã xe ngựa, tôi đòi, rộn rịp, nhưng ông vẫn nằm khòeo ở nhà trọ. Có bà phu-nhân người cùng một quận với ông,

(làm bảo-mẫu cho Quận-Chúa) nghe tin ông đỗ, sai người đem kiệu đến đón, hứa gả con, cháu cho, bà đưa mấy chục con cháu, người nào cũng tha thướt gấm là, cho tùy ông kén chọn. Nhưng ông chỉ một mực xin lấy cô gái làng Mơ. Quận phu-nhân nói :

— Cũng được.

Bèn sai đem xe ngựa, vàng lụa đi đón cô gái làng Mơ về cho ông làm vợ chính, còn người cháu gái Quận phu-nhân thì làm vợ thứ. Người ở Kinh-đô đều nức-nở khen.

Làm quan tại triều, ông được tiếng là thẳng tính. Khi giữ việc hình-án ở Ái-Châu (Thanh-Hóa) có viên Án-trấn Mỗ cậy thế chính-cung Đặng-Phi, làm càn. Ông bắt trói, bắt phải bồi hoàn, nếu không sẽ đánh trượng cho chết. Mỗ phải nộp số tiền đã ăn đút là bốn trăm lạng vàng. Ông bỏ Mỗ vào ngục rồi cho xe về Kinh, đem vàng lễ ấy dâng nộp. Tờ khai trình đến Chúa Trịnh. Đặng-Phi nghe tin việc Mỗ bị nhục, khóc kêu với Chúa, Chúa cười mà rằng :

— Số vàng hiện đủ đây, còn kêu oan gì nữa.

Phi hổ thẹn, không dám nói, và lui, Mỗ đành phải chịu tội. Người châu Ái đến nay hãy còn khen và nhắc đến chuyện đó.

Có người kể chuyện rằng : khi chưa đỗ, ông du học ở Kinh-đô, một hôm gặp Bình-Trung-Công, người ở

Diên-Hưng, đương chống gậy đứng ở cửa tư-đệ ; thấy ông chợt hỏi, rồi trỏ bức bình phong có những cây thông và đá, đắp ở trên tường bảo ông đề một bài thơ, ông liền đề ngay bài tứ-tuyệt như sau :

石 上 青 松 百 尺 長
Thạch thượng thanh tùng bách xích trường,
飛 花 滿 洞 水 生 香
Phi hoa mãn động thủy sinh hương.
叮 嚀 樵 子 休 輕 伐
Đinh-ninh tiều-tử hưu khinh phạt,
留 取 他 年 作 棟 樑
Lưu thủ tha niên tác đống lương.

DỊCH
(Theo thể thất ngôn tuyệt cú)

Trên đá thông xanh trăm thước trường,
Hoa bay đầy động nước đưa hương,
Dặn dò Tiều-Tử khoan tay chặt,
Dành để năm sau nối cột rường.

Bà Hồng-Thiên dịch

GIẢI NGHĨA :

Mấy vần thơ trên tả cảnh thông, đá, hoa, động, nhưng ngụ ý nói một vị quan to, lương đống của triều-đình.

Bình-Trung-Công xem thơ khen là người tài, và ban thưởng rất hậu.

Mãi đến cuối niên hiệu Cảnh-Hưng, bài thơ đó vẫn còn.

LỜI DỊCH GIẢ. — Bài thơ trên đây, hồi trước một số Thi-hữu đã dịch đăng báo, chúng tôi, sau khi lạm duyệt, nhận thấy có bài dịch trên đây của bà Hồng-Thiên, Trợ-bút Văn-Hóa Nguyệt-San, (Nha Văn-Hóa, Saigon) là đúng với nguyên-thi hơn cả. Lời thơ tươi sáng, dồi dào ; Hơn nữa, bản dịch lại rất tự nhiên, không cầu kỳ gọt giũa, nhưng gợi được cảm xúc.

Văn hành công khí, tôi xin ghi chép vào đây, với sự đồng ý của Nữ-sĩ Hồng-Thiên.

Theo thiển-kiến, muốn dịch bài thơ trên cho sát ý, cho đúng với nguyên-thi, nên theo đúng nghĩa của từng chữ Hán, ghép lại thành thơ, không cần sửa đổi, gò bó hoặc đảo trang mất vẻ tự nhiên....

Đó là bài thơ « duy nhất » nên dịch như vậy.

Quý vị sở trường về dịch thơ, hẳn có sự nhận xét ấy. Phải chăng sự tinh ý, và sành thơ của Nữ-sĩ Hồng-Thiên là ở chỗ đó.

XII

鄧 馬 鄧 璘

QUẬN MÃ ĐẶNG LÂN

Kĩnh-Phủ

Quận-Mã Đặng-Lân là em bà Tuyên-Phi của Chúa. Tĩnh-Vương (em cùng mẹ), thường hay làm điều phi-

pháp. Y trêu ghẹo một người đàn-bà không được, liền cắt vú người ta. Người chồng đi kiện, y bị bắt giam ở ngục Ngự-Sử đài, sau vì có Phi xin cho được tha. Tĩnh-Vương đem nàng Quận-Chúa thứ hai gả cho Lân. Các đồ trang-sức và của hồi-môn, so với tiền triều, xa xỉ hơn gấp mười lần. Biệt-thự dựng ở phía tây nam kinh-thành Thăng-Long, các thứ vật-dụng như của một vị vương-giả. Lân đắc chí càng càn rỡ, nuôi trong nhà hơn trăm tiểu-đồng, thường cho đội mũ đeo gươm, ra ngoài chợ chè rượu bê tha, làm hại mọi người, quan Kinh-Doãn không kiềm chế nổi. Mỗi khi Lân đi ra, đem theo mấy chục chó săn, con nào cũng đeo nhạc vàng, khoác áo thêu, chạy trước chạy sau, cản cả đường lối. Một hôm nhân cơn tức giận, Lân giết chết nội-giám là Sử-Thọ-Hầu, rồi cắm thanh gươm ở trước cửa, không ai dám vào bắt. Quan Thự-phủ Quận-Mã Hoàng-Bỉnh-Khiêm đến quát mắng, Lân mới sợ không dám động ; bèn sai cùm lại bắt tống ngục. Đình thần đủ mặt họp bàn không biết quyết định ra sao, sau cùng xin với Phi đầy Lân ra An-Quảng. Lân vâng mệnh cùng kẻ tùy tùng trước sau đi ra khỏi cửa kinh. Nhà chức-trách sắm sẵn ghe thuyền ở bến sông Nhị-Hà, để cho y ra nơi bị đầy, nàng hầu vợ lẽ đi theo rất nhiều, tiếng đàn sáo véo von không dứt. Ra đến nơi, quan địa-phương phải làm nhà cửa cho y ở.

Khi con của Phi là Cung-Quốc-Công (Trịnh-Cán) bị

phế. Quan coi giữ, bắt Đặng-Lân giam vào ngục, rồi y nhịn ăn mà chết.

XIII

成 道 子

THÀNH ĐẠO TỬ

Thành-Đạo-Tử người ở Sơn-Tây, tuổi trẻ thi đỗ Hương-tiến, rồi chán nghề thi cử, ngao du sơn thủy. Sau gặp chân-nhân Phạm-Viên đi theo, núi cao sông lớn, vết chân trải qua hầu khắp. Một hôm cùng với hai người đạo hữu đi theo Chân-nhân ra chơi biển cả. Giữa lúc sóng to, gió lớn, bỗng thấy một con đường quanh co, khuất khúc dẫn tới một trái núi, cây cỏ um tùm, lại có những quả đào to bằng cái đấu. Chân-nhân ngồi tạm nghỉ và nghiêng bầu uống rượu, cho mỗi người mấy quả đào và bảo đừng ai giấu hạt đem về. Kẻ theo hầu đều vâng nghe. Rượu uống xong, Chân-nhân ra đi. Thành-Đạo-Tử đi sau, cho là Chân-nhân không thể biết, liền giấu hạt đào trong người. Rồi lần quần nửa ngày không tìm được đường đi ra, nghĩ có lẽ vì hạt đào giấu ở trong mình, bèn lấy vứt đi, mới đi ra được khỏi núi. Chân-nhân đang ở phía trước, ngồi rót rượu uống, thấy Thành-Đạo-Tử đến, cười mà bảo rằng :

— Sao đi chậm thế.

Rồi Chân-nhân, lấy một quyển sách bí-mật trao cho, đoạn cùng với mấy người theo hầu phơi phới bay vụt đi mất.

Thành-Đạo trở về, lang thang khắp nơi sơn thủy. một hôm, cùng với đồ đệ đi chơi, dọc đường vào gõ cửa một nhà, hỏi thăm chủ nhân. Người coi cửa mỉm cười nói :

— Chủ nhân tôi mắc chứng đau tim, bùa dấu tốn kém nhiều vẫn chưa khỏi. Chẳng hay tiên-sinh có chữa được không ?

Thành-Đạo đáp chữa được. Người coi cửa mừng rỡ vào nói với bà chủ. Bà chủ mời vào làm rượu thiết đãi và sai người nhà sắm sửa đàn tràng. Thành-Đạo ngăn đi mà rằng :

— Không cần, kìa trên nóc nhà có một con ma nó cầm ngọn giáo đâm vào tim người bệnh, bây giờ bắt một con cóc treo lên để dọa nó, tự khắc nó phải lui.

Nhà chủ nghe lời làm theo, bệnh quả nhiên khỏi, đưa biếu rất hậu, nhưng Thành-Đạo nhất định không lấy.

Thành-Đạo lên chơi núi Thu-Tinh, cầm đuốc vào soi trong hang, giữa đường đuốc tắt tối om, không biết lối nào mà ra. Trong hang có những tảng đá nát nhũn như bùn, ăn thấy mùi thơm ngon và khỏi được đói.

Sau thấy có một cái kiệu đi qua, kẻ theo hầu rộn rịp, đến xem, thì người đi kiệu là một người bạn học cùng ở với mình khi trước đã chết. Người ấy giật mình hỏi:

— Đây là nơi cửa ải của người và ma chia cách nhau. Sao bác lại đến được đây ?

Người bạn cởi áo mặc cho, Thành-Đạo thấy trước mắt dần dần sáng sủa, bèn theo lối trỏ mà đi ra khỏi hang. Về đến nhà, thì người nhà tưởng là chết đã để tang và sắp đến ngày giỗ đầu.

Thành-Đạo cùng với ông cụ họ Vũ làng tôi có quen, trong lúc uống rượu, thường nhắc nhở đến. Sau không biết ra sao.

XIV

黎 時 憲

Ông LÊ-THỜI-HIẾN

Kính-Phủ

Thái-Úy Lê-Thời-Hiến là người làng Phú-Hào, huyện Lôi-Dương, tính nết ngang tàng, không nghề nghiệp, và không hợp với ai. Ông ra chơi Kinh, quen với chàng Năm là học trò ở Chiêu-văn-Quán. Chàng Năm là con nhà kép hát; không được thi cử, nhà rất nghèo nàn. Ông thường đi lấy trộm của

người khác đem cho, chàng Năm hỏi ở đâu ra, ông chỉ cười không đáp. Một hôm chàng Năm bảo ông rằng:

— Tôi nghe xứ Quảng-Thuận (1) đất hiểm mà dân giàu, vị chúa ở đấy lại biết đãi người một cách khiêm nhượng, rõ cách xử sự của bậc bá vương. Nếu ta đến theo rồi đem mưu kế ra thuyết cho họ nghe, thì trên có thể làm được như Tề-Hoàn, Tấn-Văn, dưới cũng không mất được cái thế chân vạc. Ý bác nghĩ thế nào?

Ông thủng thỉnh nói:

— Chí tôi khác thế, nhưng tôi cũng không ngăn cản bác.

Ông hỏi định bao giờ đi, chàng Năm nói sáng mai sẽ đợi, để cùng từ biệt, ở trạm Hoàng-Mai. Ông y hẹn: Khi đi qua hiệu bán vàng bạc ở Hoàng-Đình, ông vào cuỗm lấy hai món đồ chạy đi rất nhanh, không ai đuổi kịp. Đến Hoàng-Mai, thấy vợ chồng chàng Năm đã ở đấy, tiền lộ phí không có, chỉ có mấy cân gạo. Ông đưa tặng đồ vàng, chàng Năm cầm tay từ biệt nói,

— Chuyến này tôi đi xa muôn dặm mà không chết, đều là nhờ ơn Bác, tôi há dám chẳng ghi lòng. Sau này, gặp nhau ở biên-cương, tôi xin noi theo cái chí của bác, để đền báo lại.

Hơn một tuần sau, chàng Năm vượt qua bờ cõi Châu-Hoan đến bờ phía bắc Linh-Giang "Sông-Gianh" (T. T. Kim Sử-Lược trang 304). Quân canh giữ bên sông

xét hỏi nghiêm ngặt, thuyền không thể qua được. Chàng Năm phải đẵn tre bám vào vượt ngược sóng bơi tràn đi mới sang được bờ bên nam, lại bị quân coi giữ bờ nam bắt được trói lại, đem về nộp Chúa. Sau khi trò chuyện, được Chúa rất hài lòng tha cho lại dùng làm tướng. Chàng Năm bày mọi phương kế đánh giữ : đắp lũy ở Đông-Hải, dài hơn trăm dặm, cong như hình cầu vồng, cắt ngang Nam Bắc, dựng vòm khói, đặt cửa súng, hễ có việc nguy cấp thì vừa bắn súng, vừa đốt lửa, thông báo về quốc-đô, các cửa bể Minh-Linh, Nhật-Lệ đều đóng cọc và khóa sắt để giữ cản tàu thuyền, tùy nghi xếp đặt, bố tri ràng buộc rất kiên-cố.

Đoạn đem quân qua sông, tiến lên mạn bắc, hạ thành giết tướng rất nhiều, làm cho Triều-đình phải quên ăn mất ngủ tìm mọi phương kế để chống giữ, tuy có làm giảm bớt được những trận đánh, nhưng bờ cõi vẫn chưa thu phục lại được hết.

Hồi này, ông Lê-Thời-Hiến ứng mộ tòng quân đã lập được nhiều công trạng, được thăng làm Đốc-Trấn, điều khiển việc quân tại châu Hoan. Chàng Năm nghe tin nói :

"Nay bác Lê đã làm tướng phương Bắc, ta nên tạm lánh". Liền thu quân rút lui, lại đưa thư xin trả lại những vùng đã chiếm được, tự nhận là Nam-phiên.

Ông Lê dâng thư về Triều, xin cho Nam, Bắc nghỉ binh. Nhân dân hai châu Hoan, Diễn được sống yên ổn.

Ông trọng nhậm ở Trấn hơn 20 năm, trong địa-hạt được vô sự, nên được tiến phong là Thái-Úy Hào-Quốc-Công. Khi mất, được phong tước vương, dân châu Hoan nhớ ơn, lập miếu thờ, đến nay hãy còn.

Cháu họ của ông là Thời-Điều đỗ Đông-Tạo-Sĩ tức là Tam-giáp Tiến-sĩ võ, làm chức Hữu-kiểm-điểm, có quen với tôi, đã đem chuyện cũ của Lê-công kể lại cho tôi nghe.

Một thuyết nữa nói: Khi chàng Năm qua sông, phải đi ở chăn trâu cho người. Một hôm dắt trâu qua cửa Tướng-Quốc, nghe thấy trong dinh có tiếng đọc sách, chàng Năm liền buộc trâu ở ngoài, rồi đi vào. Quan Tướng quốc bận quần áo nhà nho ngồi, cùng các học trò đọc sách. Chàng Năm chắp tay đứng dưới thềm, ghé mắt trông một lúc lâu, quan Tướng-Quốc lấy làm lạ, hỏi :

— Có biết chữ không ?

Chàng Năm thưa :

— Tôi vừa thấy Ngài giảng về Nho quân-tử và Nho tiểu-nhân, tôi rất thích được nghe.

Tướng-Quốc nói :

— Thế nào là Nho quân-tử và Nho tiểu-nhân ?

— Thưa Ngài, về Nho, tôi chưa được rõ. Tôi làm nghề chăn trâu. Xin nói về kẻ chăn trâu : Trong những kẻ chăn trâu, có người quân-tử, có kẻ tiểu nhân. Thế nào là tiểu-nhân : Đi kiếm cỏ ở ngoài đồng ruộng, đều là hạng này cả. Quân-tử thì không thế, là người có tài năng, có khí phách, buồn bực chưa gặp dịp thi thố ra, phải tạm trốn vào cái nghề đó. Ninh-Thích gõ sừng, Bách-lý-Hề cho trâu ăn, chính là những hạng chăn trâu quân-tử.

Quan Tướng-Quốc nghe nói cho là lạ, liền xuống thềm đón lên, nhưng chàng Năm xua tay rồi đi.

Dò tìm biết chỗ chàng làm mướn, Tướng-Quốc sai người đến gọi, chàng từ chối mà rằng :

« Ngày xưa vua Tề Cảnh-Công đi săn, vời Ngu-Nhân bằng cờ tinh, mà người ta không đến, là bởi không hợp lễ. Nay, quan Tướng-Quốc đã không cho tôi là kẻ hèn hạ, mà lại muốn làm nhục tôi bằng cách đòi hỏi không hợp lễ ư ? xin cam phận hèn hạ ; tôi không muốn đến.

Người đi gọi trở về trình, quan Tướng-Quốc liền tắm gội trai giới, sai sứ đem thư và lễ vật đến đón. Chàng Năm bấy giờ mới đứng dậy, mặc áo nâu ngắn, để đầu trần, đi chân không, sứ-giả xin thay áo, chàng không nghe, nói :

— "Tôi vốn là một kẻ làm mướn, sao nên thay đổi cái bản sắc của mình".

Chàng đến nơi, quan Tướng-Quốc ngảnh về phía đông, tôn thờ làm thầy, rồi tiến dẫn lên Chúa, Chúa đắp đàn, phong cho làm Tướng.

Hai thuyết trên, chưa rõ thuyết nào đúng, nên xin chép lại cả hai ra đây.

CHÚ-THÍCH :

(1) Đất Nam là đất Chúa Nguyễn.

(2) Chàng Năm trong chuyện này là ông Đào-Duy-Từ.

XV

杜 世 佳　　黃 五 福

Ông ĐỖ-THẾ-GIAI, Ông HOÀNG-NGŨ-PHÚC

Kính-Phủ

Hai ông Đỗ-Thế-Giai và Hoàng-Ngũ-Phúc, khi chưa gặp thời, làm bạn với một viên hoạn-quan. Uy-vương (Trịnh-Giang) ốm, bọn tiểu-nhân làm nát chính-sự, bốn phương trộm giặc nổi lên như ong. Viên hoạn-quan hăm hở nói :

— Tôi xem vận giời và việc người, họ Trịnh sắp mất. Sao ta chẳng phù một vị Hoàng-Tử, vào trong rừng núi, nổi nghĩa-binh như đức Cao-Hoàng khi trước, để làm nên nghiệp lớn.

Hai ông nói :

Không phải, nhà Trịnh có công lớn, ấy là mệnh Trời. Có lẽ lại phục hưng cũng nên. Hãy nên để thư xem, nếu không sẽ liệu cũng chưa muộn.

Hoạn-quan sầm mặt đứng dậy, phủi áo đi. Một lúc ông Đỗ đi ra, qua phủ Lượng-Quốc, (Phủ chúa) thấy người em thứ tư (cùng mẹ) của Uy-Vương, đương ở cửa Phủ, cùng bọn nội-giám ngồi ở đất chơi chọi gà, ông trông thấy kinh ngạc về nói với ông Hoàng rằng :

"Người ấy thật là vị Chúa của ta".

Bèn đem trầu rượu đến nói với người coi cổng để được vào yết-kiến. Vương-đệ rất trọng hai ông là người có tài năng và khí phách. Chẳng bao lâu, Uy-Vương thoái-vị, Vương-đệ được lập, hiệu là Minh-Vương. Vì hai ông đã theo từ khi vị ngộ (Chúa chưa lên ngôi) nên Chúa hết lòng tin dụng. Ông Đỗ trông coi việc trong, ông Hoàng việc ngoài, giặc cướp các nơi đều bị bắt trừ đến hết.

Viên hoạn-quan cùng phủ Hoàng-Tôn Duy-Chức, Duy-Mật cùng đi, đánh úp được vùng Trấn-Ninh mà chiếm giữ lấy, phụng Hoàng-tôn lên làm Vua, hoạn-quan tự xưng là Minh-Quận-Công, đắp thành lũy, sửa giáp binh, hơn ba mươi năm, quân ngoài biên không được cởi giáp. Chúa Trịnh mỗi khi hỏi đến việc miền tây (Trấn-Ninh), hai ông thưa :

— Mưu chủ của họ hãy còn, chưa thể mưu tính được.

Sau Duy-Chức mất, Duy-Mật lên thay, Minh-Quận chết, ông Hoàng liền nói với triều-đình :

— Nay Minh-Quận-Công đã chết, thì đánh lấy Trấn-Ninh dễ như chẻ tre vậy.

Chúa Trịnh khởi binh, sai Đốc-Trấn Hoan-Châu (Nghệ-An) là Bùi-Thế-Đạt thống xuất quan quân, ba đạo tiến đánh. Duy-Mật tự thiêu chết. Việc Trấn-Ninh được yên từ đó.

XVI

仙 跡 寺

CHÙA TIÊN-TÍCH

Kính-Phủ

Chùa Tiên-Tích ở về phía Nam Kinh-Thành, được tu bổ lại trong thời chúa Tĩnh-Vương (Trịnh-Sâm). Người ở kinh-thành, kẻ khuân tre gỗ, người giúp xẻng cuốc, để xây đắp, đi lại ở ngoài đường, mấy năm công việc mới xong.

Chùa rộng lớn, nóc chồng, cửa kép. Sân bày tám miếng đá vuông, cao chừng hai thước, trên để những chậu hoa lan, gió mát nhẹ đưa, hương bay thơm phức.

Phía sau chùa thông với đường cái, đằng trước trông xuống một con ngòi nước trong. Cây tháp ở phía hữu, cao chín từng, bốn góc đeo nhạc, trang hoàng những nét vàng xanh rực rỡ. Từ phía tây đi về phía nam, vào chùa đường xe quanh co đều lát đá cả. Con cừ uốn lượn vòng chảy ra một cái hồ. Hồ sâu, rộng, nước trong xanh, mùa hè hoa sen nở nhiều, mùi hương bay xa hàng dặm. Chung quanh bờ hồ, cây đá chen nhau. Trước chùa, về phía tả, chỗ nước cừ chảy thông ra hồ, có bắc cái cầu. Dưới cầu ghe thuyền đi lại ; trên cầu lợp thành mái nhà, cột rồng cuốn trên những tấm ván khắc trạm vẩy rồng. Bên cạnh cầu mấy chục bước, phía nam cừ và phía bắc hồ, dựng cái ly cung để làm chỗ vua chúa ngự chơi, trông những cây leo và sáu, bảy cây muỗm, trắc, thông, cành lá um tùm đến nỗi ánh mặt trời không hề soi lọt. Dưới đất bày trâu đá, hươu đá, mỗi thứ hai con, sừng châu vào nhau, chế tạo tinh tế, trông rất linh-động. Đó là vật cũ của nước Chiêm-Thành, do ông Hoàng khi đi đánh miền Nam lấy được. Bên kia hồ là nhà Kiều-nhạc-Hầu Nguyễn-Khản. Hầu là bạn áo vải của Chúa, được mặc áo thường ra vào trong cung. Mỗi khi Chúa đến chơi chùa, lại đến thăm nhà Hầu và một lần đích thân Chúa viết bốn chữ :

心腹和衷 "Tâm Phúc Hòa trung" nghĩa là Lòng dạ ôn hòa, ngay thẳng, để ban cho Trụ-trì chùa

ấy là con gái bà Thái-Trưởng Quận-Chúa (em họ về ngành ngoại của Chúa). Những khi Chúa nhàn rỗi, ngự giá chơi chùa, cùng các phi-tần nội thị thả thuyền chơi trên hồ, hát khúc hái sen. Sóng cây lồng ánh sáng trông rất ngoạn mục, chẳng kém gì những cuộc vui chơi trong Vũ-Lăng (1) vậy.

Năm Ất-Tỵ (1785) lính canh của nhà chùa nghe tiếng y ỷ như tiếng khóc than cực kỳ ai oán, lắng tai nghe thì tiếng ấy phát ra ở trên bờ hồ, lúc khóc lúc nín. Sáng hôm sau ra xem chỗ ấy, thấy nước mắt của hai con trâu đá còn ướt mà cỏ trên mặt đất đều bị xéo nát bừa bãi, hình như hai con trâu đá đã chọi húc nhau. Lính canh sợ hãi, báo cáo vào triều, triều-đình sai thợ đá đập phá cả trâu vất vào lò lửa. Chùa hiện nay bị phá hủy, chỉ còn cỏ rậm phớt phơ trong ngọn gió thu, muốn tìm lấy một hòn ngói vụn, một viên gạch nát cũng không thể được. Trò đời thịnh suy thay đổi, ngậm ngùi khôn xiết nên lời.

(1) Chuyện Ngư-phủ và Đào-Nguyên.

XVII

烈 婦 段 夫 人

LIỆT PHỤ ĐOÀN PHU-NHÂN

Kính-Phủ

Bà Đoàn phu-nhân là vợ thứ của ông Du-Lĩnh-Hầu Ngô-Phúc-Du, người làng Trảo-Nha (Hà-Tĩnh). Hầu là

con nhà tướng, trong năm Cảnh-Hưng, quản-đốc đội quân tiền-phong. Tháng 6 năm Bính-Ngọ (1786), bị chết tại trận. Bà vợ cả quy y cửa Phật, Đoàn-thị đẹp mà không con, được Hầu coi như vợ chính. Hầu mắc nạn chết, Đoàn phu-nhân vẫn cười và nói như thường ; người nhà đều lấy làm lạ. Chưa bao lâu, phu-nhân đem việc nhà dặn dò người nhà của Hầu, rồi đến lập một đàn chay ở chùa Kiến-sơ, làng Phù-Đổng chỗ tu của bà vợ cả. Làm chay xong, phu-nhân cùng bà vợ cả cùng lũ con của Hầu ra đặt bài vị ở bến Thúy-Ái, nơi Hầu chết trận khi trước, ngoảnh về phía Nam chiêu-hồn để tế, mọi người xa gần kéo đến xem đông lắm. Đoạn, phu-nhân ăn mặc chải chuốt, son phấn điểm trang, bơi một chiếc thuyền con ra giữa dòng, gieo mình xuống nước mà chết. Dân ở đấy lập miếu thờ.

Ông Huấn-Đạo An-Nhân Hà-Sách-Hiền có thơ vịnh rằng :

可 憐 二 百 餘 年 國
Khả liên nhị bách dư niên quốc,
天 理 民 彝 一 婦 人
Thiên lý dân di nhất phụ-nhân.

Dịch :

Khá thương nước cũ hai trăm lẻ,
Giữ được di luân chỉ một bà.

Diễn nghĩa :

(Thương thay một nước dựng lên đã hơn hai trăm năm (nói triều Hậu-Lê) mà đến lúc mất, chỉ có một người đàn bà giữ được lễ giời và đạo người mà thôi).

XVIII

京 城 傭

NGƯỜI LÀM MƯỚN Ở KINH-THÀNH

Tùng-Niên

Tại kinh-thành có một người làm mướn đến làm cho Phạm chân-nhân. Hắn kêu nghèo khổ, xin chân-nhân cứu giúp. Chân-nhân im lặng, bảo chìa bàn tay hữu ra, ngầm đọc chú và vẽ bùa vào, dặn sau này khi nào gặp lúc cùng quẫn, nên ngửa bàn tay ấy để xin tiền, có thể được 36 đồng. Anh phúc bạc, đừng nên lấy quá. Người kia theo lời, nhưng một hôm lại xin liền mấy lần được đến 5 quan mới thôi, nên lần sau thử không linh-nghiệm nữa.

XIX

黎 英 俊

Ông LÊ-ANH-TUẤN

Tùng Niên

Ông Lê-Anh-Tuấn khi cầm quyền chính trong

nước, bà phu-nhân từ làng Thanh-Mai đến Kinh, đi qua làng Đắc-Sở, (1) ngủ trọ ở nhà cạnh đền quan Tướng-quân Lý-Phục-Man, nằm mơ thấy tiếng quân hầu dẹp đường rồi có người nói là bà phu-nhân của quan Tướng-Quân họ Lý vào thăm. Khi ngồi chơi, Lý phu-nhân nói :

— Phu-nhân đối với tôi là chỗ quen biết, tôi muốn nói xin một điều, mong Quí phu-nhân ỵ cho.

Bà xin vâng.

Lý phu-nhân tiếp :

— Nhờ phu-nhân nói với Tướng-Công hộ rằng : nhà cũ của chúng tôi đã nát, xin lưu ý cho.

Bà hỏi duyên cớ, Lý phu-nhân nói :

— Ông Lê-Anh-Vũ triều trước và ông Lê-Anh-Tuấn bây giờ, đều là thần sau của tướng quân tôi. Quí phu-nhân quên ư ?

Lê phu-nhân vàng lời rồi bừng tỉnh, đến Kinh nói với ông Lê. Ông tự bỏ tiền ra sửa chữa đền ấy. Nay đền hãy còn.

(1) Làng Đắc-Sở : Tục gọi làng Giá, thuộc huyện Đan-Phượng, tỉnh Hà-Đông bây giờ.

XX

裴世榮

Ông BÙI-THẾ-VINH

Tùng-Niên

Cụ ngoại bảy đời của tôi là ông Bùi-Thế-Vinh, đỗ Tiến-sĩ trong năm Diên-Thành (1566-1577), quan hàm Tự-Khanh. Khi nhà Mạc mất ngôi, ông lui về quê nhà, rồi cùng ông Đỗ-Uông ở làng Đoàn-Tùng, ông Nhữ-Công-Tòng ở làng Nhữ-Xá đều bị mời ra làm quan nữa, nhưng riêng ông Bùi-Thế-Vinh lấy dao con rạch đầu gối cáo bệnh không chịu ra. Nhân lúc ấy có bà Thường-Quốc Phu-nhân, tự thắt cổ tuẫn tiết. Hai người đều được người ta khen ngợi, nhân có lời ngạn: "Con dao Đông-luân ; dây thừng phu-nhân".

Phụ lục : Câu ca dao bằng quốc âm :

Loài chi mày Thượng-thông, Thượng-nhữ (1)
Những dơ tuồng tặc-tử gian thần.
Nào dao lá trúc Đông-Luân (2)
Nào thừng tiết-nghĩa phu-nhân kia là.

(1) Thượng-Thông trỏ ông Đỗ-Uông, Thượng-Nhữ trỏ ông Nhữ-Công-Tòng.

(2) Đông-Luân là tên làng ông Bùi-Thế-Vinh.

XXI

阮公完

Ông NGUYỄN-CÔNG-HOÀN

Tùng-Niên

Ông Nguyễn-Công-Hoàn người làng Cổ-Đô, huyện Tiền-Phong (thuộc tỉnh Sơn-Tây) là thân-phụ ông Thượng-Thư Bá-Lân. Ông có tiếng hay chữ, lừng lẫy trong một thời, đối với ai ông cũng nhã nhặn, nhưng về chữ nghĩa, thì ông không nhượng ai bao giờ, đó là đặc tính của ông.

Ông Lê-Anh-Tuấn người cùng huyện trẻ hơn ông cùng với ông làm bạn không kể tuổi. Gặp kỳ khảo ở huyện, ông Lê trúng nhất, ông trúng thứ hai. Ông đem văn ra so sánh, nhất định không chịu kém. Ông Lê đỗ rồi làm quan, ông không chơi với nữa. Con ông là Thượng-Thư Bá-Lân, sớm hiểu thấu về văn cử nghiệp (lối văn đi thi) sức học cùng ông sấp sỉ ngang nhau, ông nhiều phen bắt so tài, Bá-Lân cố tránh thì bị ông trách mắng. Một lần hai cha con bơi thuyền trên sông để làm văn thi, hẹn rằng ai kém thì phải ném xuống sông. Khi làm xong, ông nhận thấy văn ông hơi kém, liền nhảy xuống sông tự trầm thật ; ông Bá-Lân khóc lóc rồi vớt lên.

Một lần đến thăm quan Tể-Tướng Nguyễn-Công-

Hãng, đến cổng ông đã gọi ngay tên. Người canh cổng vào báo, ông Hãng lật đật chạy ra đón rước. Xin ông làm thơ vịnh Lưu, Nguyễn vào Thiên-Thai, trong tiệc rượu, ông làm ngay sáu bài, đến nay hãy còn truyền tụng.

Khi xuống chơi Kinh, ông làm bạn với chân-nhân Phạm-Viên, ông hỏi về sự cùng đạt, chân-nhân nói :

Số ông không làm « đuôi đàn cháy » (ý nói không thi đỗ làm nên to được), nhưng con ông thì làm to.

Ông liền bỏ việc đời, theo chân-nhân xin học tiên thuật. Vào núi Mỹ-Lương, nhưng dọc đường hết lương ăn, ông đến một xóm nọ. Trong xóm có ông già đón khách vào, nhà làm thức ăn kỳ lạ đưa lên, nấu hấp một trẻ lên ba tuổi để thết đãi ông, ông không dám động đũa. Chân-nhân cười, gọi đem món sơn-hào. Đi không bao lâu đến chỗ ở riêng của chân-nhân, tên hầu nhỏ dọn lên món thịt chuột thối nát để uống rượu, mùi hôi bẩn xông lên gớm chết, ông lấy vạt áo che mặt không dám trông. Chân-nhân nói :

— Ông tục duyên còn nhiều, chưa thể tu được, liền đưa ông về.

Ông Bá-Lân thi đỗ Hội-Nguyên, cha mẹ đều còn. Các bạn đỗ đồng khoa đều họp cả ở làng Cổ-Đô để mừng. Ông Hoàn mặc bộ quần áo quê mùa ra tiếp khách, cười mà nói rằng :

— Thằng Bá-Lân nhà tôi mà đỗ đầu thì ra thiên hạ không còn ai nữa.

Khi ông Lê-Anh-Tuấn làm Tể-Tướng, ông Bá-Lân vì việc công bị lỗi, nghĩ không nhờ cha đi nói hộ, thì không thể gỡ được liền nói với cha. Nhưng ông Hoàn mặc kệ không nói gì. Họp cả họ lại khóc lóc van nài, ông mới khẽ gật đầu. Rồi ông đi chân không đến dinh quan Tể-Tướng, lội qua hồ mà vào để chân bê bết những bùn vào ngồi chỗ công sảnh, hỏi Tướng-công có nhà không. Lê-công áo dài chững chạc ra đón mời. Ông nói :

— Vì chuyện thằng con, tôi phải đến quấy phiền cố-nhân, một lời giúp đỡ, giá trọng nghìn vàng. Tôi không nói Tướng-công cũng lượng rõ.

Ông Lê vâng nhời, ông liền đứng dậy ra về. Ông Lê cố mời ở lại không được.

Tuổi ông càng cao, sức học càng rộng. Ông nghe ở Thanh-Trì có một người học trò tập văn trường Giám lần nào cũng trúng giải nhất, bèn tìm đến tận nơi. Đêm khuya vào làng, vì đường quanh co, phải lội qua ao, đến gõ cổng nhà người học trò mà nói :

— Ta là Nguyễn-Công-Hoàn đây, anh ra đây làm văn thi với ta nào.

Người học trò lật đật đi ra khiêm tốn từ chối. Ông không nghe, người ấy xin khất đến kỳ văn trường

Giám, ông mới trở về. Sau ông làm văn thi tại trường Giám, luôn mấy kỳ đều chiếm giải nhất, ông mới về Sơn-Tây.

Tuổi già, một lần ông đến thăm nơi thờ Thiền-sư Huyền-Quang, chiêm bao thấy Thiền-sư bảo rằng :

— Ông đã tìm ra được việc Bích-cơ (1), nên nghe đâu Thượng-Đế tăng tuổi cho ông một kỷ đấy.

Sau quả ông được sống lâu./.

(1) Bích-cơ là tên một người đàn bà, từng đã cáo gian là quyến dũ được Huyền-Quang (Việt-Nam-Phật-Giáo Sử-lược của Thích-Mật-Thể, trang 172).

XXII

黎有喬

Ông LÊ-HỮU-KIỀU

Tùng-Niên

Khi còn ít tuổi, ông Lê-Hữu-Kiều là người lãng-mạn, không chịu bó buộc theo lễ phép. Ông học ông Thám-Hoa Vũ-Thành. được ông Thám coi trọng, và giao du với chân nhân Phạm-Viện. Một lần, ông Thám ra cho bài tập, đầu bài là : « Về Sở, người Sở không tin, về Hán, người Hán sợ hãi, vậy túc-hạ định về đâu? » Chân-nhân đùa làm thử nhờ ông đưa để ông Thám chấm cho. Ông Thám giật mình nói :

— Người làm văn này phải là bậc thần tiên.

Sai người đón mời, nhưng chân-nhân không đến.

Ông Kiều đi theo mấy tháng, chân-nhân khuyên nên trở về. Sau thi đỗ làm quan, giữ nết ngay thẳng, không a dua luồn lọt, nhất là ghét đạo Phật lắm. Hồi đi sứ Tàu, qua một căn chùa, thấy ở mái hồi-lang có một pho tượng có dòng chữ vàng đề là : « Bồ-tát Lê-Hữu-Kiều », ông bừng tỉnh, Từ đấy để tâm nghiên-cứu kinh-điển nhà Phật. Khi thôi làm quan, mở ra một sở tuyên giảng đạo Phật người đến nghe giảng đạo lúc nào cũng hàng mấy trăm, phần nhiều là những người có tiếng trong rừng Thiền cả. Chúa Trịnh Minh-Vương (Trịnh-Doanh) và Tĩnh-Vương (Trịnh-Sâm) có ban cho nhiều vị sư được lên chức Hòa-Thượng. Những vị này đều là học-trò của ông.

XXIII

阮 仲 儒

Ông NGUYỄN-TRỌNG-THƯỜNG

Ông Nguyễn-Trọng-Thường người làng Trung-Cần huyện Thanh-Chương (Nghệ-An). Thuở nhỏ nhờ ông ngoại nuôi nấng dạy bảo, tuổi trẻ đã biết làm văn, khi lớn theo học ở ngoài. Một đêm ông chiêm bao thấy

một mỹ-nhân đem trà, quả đến tặng biếu, cùng ông trò chuyện nói cười thân mật. Từ đấy, thường đêm như vậy. Nhưng trải mấy năm giời, giữa hai người không hề có việc xằng bậy, nhảm nhí. Rồi một đêm mỹ-nhân từ biệt để về, ông cầm tay hỏi ngày tái ngộ thì nói :

— Chúng ta sẽ gặp nhau ở trạm Phù-Dung, tại hồ Động-Đình.

Năm mười sáu tuổi đỗ khoa Hương, sắp sửa tới Kinh thi hội. Một hôm, ông ngoại ra bài cho học-trò tập, thấy trong đám đông có một chàng thiếu-niên chưa đến giờ ngọ đã vào nộp quyển rồi đi ra. Ông ngoại xem nói :

— Có lẽ là chân-nhân Phạm-Viên đùa ghẹo ta đây.

Ông liền đặt bút đi theo. Ra đến ngoài đồng thì kịp, bèn theo chân-nhân đi chơi núi Long-Hồ. Đến cửa ải Chấn-Nam, ông quỳ gối thỉnh giáo, Chân-nhân nói :

— Đây không phải việc của ngươi. Tiền trình rộng lớn, đừng nên theo đuổi việc thừa, vô ích.

Liền trao cho tập số Thái-Ất, hẹn sẽ phải trả lại ở hồ Động-Đình.

Ông Thường thi đỗ làm quan trong ngoài nhiều nơi, nhưng rất ơ hờ, không lấy sự làm quan vui thú. Khi đi sứ Tàu, đem việc nhà dặn bảo con cái, rồi đem nhiều tiền của đi theo. Qua trạm Phù-Dung ở hồ

Động-Đình, thấy ở hai bên cạnh đường có hai cái miếu, một cái đã gần đổ nát. Hỏi, dân ở đấy nói : « cái miếu sắp đổ, thần húy là Nguyễn-Trọng-Thường, hương tàn khói lạnh đã mấy chục năm rồi, còn cái miếu kia thì thờ bà Phu-nhân.

Ông giật mình bừng tỉnh ngộ, liền bỏ tiền ra nhờ người dân ở đấy tu bổ lại. Khi đi sứ trở về, thuyền qua hồ Động-Đình, ông giở cái hộp đựng số Thái-Ất ném xuống, cái hộp theo nước cuồn cuộn mà chìm. Đêm ngủ ở trạm Phù-Dung, lại thấy mỹ-nhân đến. Sáng hôm sau, ông mất ở thuyền. Sứ-bộ đem thi hài về nước.

XXIV

佛 跡 山 記

BÀI KÝ CHƠI NÚI PHẬT TÍCH

(Chùa Thầy)

Tùng-Niên

Năm Bính-Thìn, ngày mười hai tháng ba, tôi cùng ông Nguyễn-Nghiêu-Minh, ông Trần-văn-Chi, ông Nguyễn-Quế-Nham, ông Hoàng-Hy-Đỗ đi chơi núi Phật-Tích, 7 giờ sáng từ cửa đô đi ra, đến trưa thì qua làng Kim-Thi (làng Thìa ở huyện Đan-Phượng), lên lầu chuông ở cạnh đường nhìn sang phía tây, trông

núi Phật-Tích, thấy sắc xanh xanh. Qua bến đò Đắc-Sở (Đò Giá) đến làng Thụy-Khuê, ở ngụ tại đền Nguyễn Phu-nhân ở phủ Quốc-Oai. Phu-nhân là em gái bà Thái-Phi, vợ chúa Minh-Vương Trịnh-Doanh xuất giá rồi tu sửa các chùa ở làng Thiên-Phúc, người dân ở đấy lập đền lên thờ. Đền dựa vào núi. Núi này giáp giới hai làng Thiên-Phúc, Thụy-Khuê, sử gọi là núi Thạch-Thất, tục gọi là Sài-Sơn (núi Thày), đó là nơi chứng đạo của Từ-Đạo-Hạnh đời Lý. Phía tả núi là ngọn Hàm-Long, hình thế cao ngất, có ao Long-trì bao bọc chung quanh một cái gò dựa vào núi, là chính điện chùa Thiên-Phúc. Điện kề nước, do thiền-sư họ Từ dựng nên, một gian hai chái, lối kiến-trúc rất cổ. Giữa thờ Phật. bên tả là chân-thân của thiền-sư, bên hữu là ngự dung vua Lý-Thần-Tôn. Trước ngự dung, có những tượng chim hạc và lực sĩ Chiêm-Thành, mỗi thứ đều hai, khoảng năm Vĩnh-Hựu (1735-1740) sắc truyền chế tạo, tương truyền vua Thần-Tôn triều Lê là hậu thân vua Thần-Tôn triều Lý. Hai bên cạnh chùa bắc hai cái cầu qua ao : bên tả là cầu Nhật-tiên, thông suốt vào đền Tam-phủ ở cái đảo trong ao, bên hữu là cầu Nguyệt-tiên, bắc dựa vào cánh tay hữu trái núi.

Giờ dậu lên chùa Thiên-phúc, nhà sư trụ-trì là Tịch-Khiết mời ngồi lại nói chuyện. Tịch-Khiết người làng Thiên-phúc, ăn nói nhã nhặn, bạt thiệp. Giờ tuất trở về đền Phu-nhân. Sáng hôm sau cùng

Chàn-Túy-Ông lên ngọn Hàm-Long. Ông là con giai thứ ba của Nguyễn-Phu-nhân, đỗ Hương-tiến, nay nhập tịch làng Thụy-Khuê.

Phía tả ngọn Hàm-Long độ nữa dặm, có mả và miếu thờ Lã-Nam-Đế, dân đấy nói là di tích của Lã-Gia. Sách Thiên-Nam Quốc-Ngữ nói ; "Mả Lã-Gia ở vườn trúc", chưa rõ đằng nào phải. Xét trong sử-ký thì Nam-Đế là hiệu của hai vua Lý Tiền, Hậu. Lã-Gia chỉ là Thừa-Tướng của Triệu-Ai-Vương, lời dân đấy nói hình như không đúng (chưa chắc tin được), vậy hãy cứ ghi vào đây để đợi bậc biết rộng (thức giả).

Ở mé sau lưng núi có hai cái hang ; một là Bò-cốc. (Hang Bò) nước có cá ; và một cái gọi là Thần-cốc. (Hang Thần) Tiền-triều đến ngự đây chơi, sai nội thần vào xem, thấy con rắn lớn lại phải quay ra.

Giờ Tỵ qua cầu Nguyệt-tiên, lần bậc lên núi. Trên lưng núi có bia, khắc bài thơ ngự-chế của Chúa Định-Vương (Trịnh-Căn), lên mấy bực nữa đến chùa Thiên-Phúc, riêng là nơi thiền-sư đốt hương tụng niệm khi trước. Trụ-trì chùa này nguyên là một viên nội-thần của tiền-triều, thấy khách đến, mời thiết ân-cần bằng những món ăn trong núi. Trước chùa đi xuống ba bực là vườn trúc, nay không có trúc, trong vườn dựng bốn cây tháp. Động Phật-Tích ở sau chùa, động ngoài không tối lắm, có thờ Sơn-thần ở phía bên tả. Một cái suối từ khe trên núi chảy xuống, miệng suối có cái đầu

rồng (tức là vòi nước), từ miệng suối trỗi lên, mùa hạ thì đầy, mùa đông thì cạn. Những tấm bia, mài đá tạc thành nhớn nhỏ rất nhiều, nét chữ mập mờ, đều từ hồi Trung-hưng trở về sau cả. Khoảng giữa động, vách đá đứng sững. Xếp đá trèo lên độ một trượng đến cửa động trong, đi vào phải bò, gọi là hang Cắc-cớ. Động trong ngang dọc ước độ một trượng, thiền-sư trút xác ở đó, vết đầu trên vách đá, vết chân trên mặt đá đến nay vẫn còn, người ta thường lấy son rập in. Cạnh đấy là một pho tượng của thiền-sư. Tôi có lưu-đề ở động ngoài mười một chữ : " Bính-Thìn quý xuân Tùng-Niên Phủ huề hữu đăng thử" 丙辰季春松年甫携友登此 nghĩa là tháng quý xuân năm Bính-Thìn, Tùng-niên Phủ dắt bạn lên chơi đây.

Đúng trưa lên chỏm chợ giời, mây quang trời tạnh, gió mát nhẹ đưa. Đá núi lởm chởm, cái thành hình bàn, cái thành hình ghế, hình lò rượu, hình chén rượu, vị-trí thiên-nhiên, xinh đẹp tuyệt vời. Trên đỉnh có một tảng đá phẳng. Đứng trên ngọn này nhìn ra chung quanh, các núi Phượng-Hoàng, Quy-Lân, Mã-Yên, Long-Đầu, Hoa-Phát đều quanh quất chầu cả lại. Ông Hoàng-Hy-Đỗ đốt hơn trăm cái pháo hoa, những người kiếm củi và trẻ chăn trâu đều trông nhau ngơ ngác. Trở về động ngoài Phật-Tích, Chân-Túy-Ông và Trần-Văn-Chi cùng nhau uống rượu. Vượn núi ba bốn con thập-thò qua lại ở khoảng nóc điện và cành cây. Hy-

Đỗ, Quế-Nham vỗ tay cười, hang núi nổi lên những tiếng vang đáp lại. Giờ mùi, xuống thăm chùa Phúc-Lâm ở phía bắc núi, đề vài giòng chữ lên vách :

登山遊覽不覺詩興滿山不能收拾
Đăng sơn du lãm, bất giác thi hứng mãn sơn, bất năng thu thập.

Nghĩa là : " Lên núi chơi xem, bất giác hứng thơ đầy núi, không thể thu nhặt lại được ". Lạc khoản đề là "Song-Thanh" bác Chân-Ngô đề đùa chơi nối vào rằng :

我亦不約而合
Ngã điệc bất ước nhi hợp

Nghĩa là : ta cũng không hẹn mà hợp đúng cùng một ý.

Rồi lên chùa Bối-Am ở chỏm núi Bối-Am. Chùa, nhân cái động mà làm thành, nửa gỗ nửa đá. Theo bia ở trên vách đá thì do một bà Tôn-Nữ họ Mạc về đời Hồng-Ninh (1588-1590) xuất của nhà mà dựng nên. Trụ-trì ở đó có nhiều sư nữ. Trên vách có nhiều thơ vịnh đề, xem qua một lượt rồi đi trở xuống. Dưới núi ấy có hang Dũng-Phật, thờ mấy tòa tượng cổ.

Giờ Thân, kéo Chân-Túy-Ông, Trần-Vấn-Chỉ cùng đến ngồi uống rượu ở cầu Nhật-Tiên. Sen trong ao mới mọc tốt tươi, biếc biếc xanh xanh, phơi phới trên

mặt nước. Các ông Nghiêu-Minh, Quế-Nham, Hy-Đỗ không biết uống rượu, ngồi bên bàn rượu uống nước trà. Đêm khuya mới trở về chỗ ngụ.

Ngày 14, sáng sớm khởi hành lên núi Hoa-Phát ở phía tả núi Phật-Tích, ghềnh đá chật hẹp, kém núi Phật-Tích. Trên lưng chừng núi có cái gác chuông. Phật-điện là chùa Hoa-Phát. Sư-nữ trụ-trì nguyên là vợ người họ Phan, tuổi già xuất gia đầu Phật, pha trà thết khách, có cái phong-vị lịch-thiệp của người thành-thị. Đằng sau chùa đi xuống một bực có cái tháp đá đứng sừng sững. Từ phía tả chùa, men đá đi lên đỉnh núi, thấy có một khối đá lớn bằng cái nhà, chênh vênh như chực đổ. Cạnh khối đá ấy có cái chùa nửa mái, gần đây do người ở Ô-Châu (Thuận-Hóa) quyên tiền dựng lên, chùa này hiu-quạnh vắng bóng người.

Giờ Tỵ, từ núi Hoa-Phát lên núi Phượng-Hoàng. Núi này trọng như một con chim lớn nghiêng cánh liệng chực sà xuống. Giữa mở ra một cái động đá trong thờ tượng Phật, hơi lam nặng chĩu, ướt cả áo khăn người. Trong động có 3 cái hang, hai cái nhỏ mà nông, còn một cái nhớn sâu thẳm không có đáy, tục truyền là có đường thông xuống địa-phủ. Cửa động cây cối lòa xòa, nhân đốt lửa sưởi, ngồi nghỉ một chút.

Giờ Mùi giã cảnh trở về phía đông. Đến làng Vân-Canh (vào ngủ nhờ nhà người anh họ ngoại của tôi

là ông huyện-thừa họ Phạm), đêm nói chuyện về chùa Phật-Tích, ông nói :

— Cụ ngoại bốn đời tôi là cụ Bảng-Nhỡn, có bà con gái (tức là bà cô tổ ngoại của tôi) thuở nhỏ mộ đạo Phật, chỉ đòi đi tu. Cụ Bảng tôi ép lấy chồng, bà tự đốt hai ngón tay để tỏ chí. Hồi bà xuất gia tu ở chùa Tiên-Lữ, thường sang chơi núi Phật-Tích, vào hang Thần-Cốc. Hang này tối đen mù mịt, ngày cũng như đêm. Đốt đuốc đi vào ước hai ba ngày hãy còn nghe tiếng gà, tiếng chó kêu trên mặt đất. Đi vào càng sâu càng thấy cảnh khác lạ. Ở một chỗ thấp lõm, có những xương người chồng chất, nhũ đá rủ xuống, thành ra vô số hình hiểm quái : người đi, thú chạy, giường ghế, giá áo ngổn ngang, không biết bao nhiêu mà kể cho xiết được. Bên cạnh đường có một dòng nước, sắc xanh như lam, một ông lái cầm thuyền đợi khách. Bờ bên kia trời lờ mờ sáng, chợ búa, người vật, không khác gì ở nhân gian. Hỏi thăm thì ông lái đò bảo là chợ âm-phủ. Do con đường đá đi lên phía trước, gặp một ông già khuyên nhà sư nên trở về. Nhà sư không ghe. Chợt có một con rắn to bằng cái vựa nằm chắn ngang đường, bấy giờ nhà sư mới chịu quanh về. Ra khỏi hang, tính từ ngày đi đã được một tháng hai ngày. Sư là người tu-hành có trì-giới rất cao, chắc không nói nhảm. Vậy cũng chép câu chuyện ấy vào đây.

Trên đây là kể đại-lược cảnh núi, còn những chuyện khác, tai mắt không được tiếp xúc, thì không dám nói đến !

Ngày 15, giờ ngọ, Đông-dã-tiều Tùng-Niên Phủ chép.

CHÚ-THÍCH :

(1) Phủ là tiếng trang nhã dùng để xưng tên của người đàn ông.

XXV

太 宰 逸 事

DẬT SỰ CỦA CỤ THÁI TỂ

Kính-Phủ

Cụ Thái-Tể Trung-Thuần-Công nhà tôi xưa đi công cán về, người Mạc bắt giữ lại. Bấy giờ xa giá về Thanh-Hoa, tin-tức của Triều-đình đoạn-tuyệt. Thượng-thư nhà Mạc là ông Trần-Lịch-Chiêu người làng Hoa-Thiều cùng huyện, thấy cụ là người có nghĩa khí, muốn tha cho, đêm đến ông đi qua sở giam, nói lóng là giời sắp sáng. Cụ hiểu ý bèn lần đi ra. Đến làng An-Thường thì quân đuổi theo cấp bách, cụ phải trốn vào nhà người; đào hang mà ẩn, đổi lốt làm người làm mướn, gánh một gánh rau đi. Qua sông Bái, gặp một

viên Tướng du-kích nhà Mạc là Mỗ, hắn nhìn kỹ rồi mời về nhà, làm rượu khoản đãi. Ông bỡ ngỡ không hiểu. Chợt tên ấy đưa vợ con ra lạy mà rằng :

— "Năm nọ, Ngài ở Đài-Sảnh, có người bị kiện, Ngài xử rõ được nỗi oan cho người ấy, Ngài đã quên rồi ư?" Thưa chính là tôi.

Bấy giờ cụ mới nhớ ra. Cụ ở chơi đấy qua một đêm rồi viên ấy cũng theo cụ vào Nam.

XXVI

潭 愼 徽

Ông ĐÀM-THẬN-HUY

Kính-Phủ

Ông Đàm-Thận-Huy người làng Ông-Mặc (Bắc-Ninh), bà mẹ là Mỗ phu-nhân sinh ra được ông và ông thứ tên là Thận-Giản. Trong làng bấy giờ có một ông già người làng Tả-Ao đất Hoan-Châu (Nghệ-An) đến làng làm địa-lý có nhiều sự ứng-nghiệm. Phu-nhân nghe tiếng, đến xin để hộ ngôi mả chồng. Ông già nhận lời để đất cho, nhưng cố ý trùng-trình mãi. Mỗi khi đi đâu, tối đến vẫn về ở nhà họ Đàm. Một khi gặp mưa, ông già bắt phu-nhân cõng mình, hai ông xin thay thì ông gạt đuổi đi. Phu-nhân vui vẻ cõng. Đến đêm, ông

già lẻn vào buồng ngủ thì phu-nhâu chống-cự một cách nghiêm-nghị. Ông già than rằng :

— Đó thật là một người đàn bà tiết-tháo, ta phải đền bồi mới được.

Rồi ông già chọn chỗ đất tốt để mộ cho. Sau hai ông nối nhau thi đỗ. Gặp khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông cả (con trưởng) nhân đang làm Thượng-Thư Bộ-Lại, đem quân đánh kẻ nghịch, bị thua mà chết. Triều Lê, khi Trung-Hưng, tặng tước vương và lập đền Tiết-nghĩa để thờ.

XXVII

黎 俊 懋

Ông LÊ-TUẤN-MẬU

Kính-Phủ

Triều-trước ông Lê-Tuấn-Mậu, người làng Xuân-Lôi, huyện Yên-Phong làm quan đến chức Đô-Ngự-Sử. Bấy giờ Mạc-Đăng-Dung do sự đánh vật mà được làm nên quan to. Ông nhiếc hắn rằng :

— Anh đừng cậy sức, ta rất có thể như thế được, nhưng không thèm làm đấy thôi.

Đăng-Dung tức, xin với vua cùng ông thử sức,

ông hăng hái nhận lời, bôi mỡ vào mình, cài kim vào tóc và khố, vật cho Đăng-Dung ngã suýt chết.

Khi Đăng-Dung cướp ngôi, ông thác bệnh không ra. Y cố mời mãi, ông bảo người đỡ vực vào triều, rồi nhổ vào mặt hắn mà chết.

XXVIII

楊邦本

Ông DƯƠNG-BANG-BẢN

Ông Dương-Bang-Bản người huyện Thanh-Liêm, sau được nhà vua ban tên họ đổi là Lê-Tung. Tuổi già sinh được một con giai, nhờ vợ người phường chài nuôi hộ. Lớn lên về nhà, nhưng không thiết học hành, chỉ cứ đi theo phường chài. Ông nghĩ vì tính nết đã quen không lấy làm lạ. Gặp ngày Tiên-húy, ông bị vời về Kinh, ông chiêm bao về nhà thấy những con ma tóc đỏ ngồi chễm chệ ở giường thờ, còn ông cha của ông đai mũ chỉnh-tề, nhưng đều đứng giãn ra ngoài cả. Tỉnh dậy nghĩ ra, ông cho tìm khắp chốn, nhưng thuyền trôi bè nổi, lênh đênh chẳng biết là về đâu. Nhà phường chài đem công-tử đi, nhập-tịch ở huyện Giao-Thủy, lớn lên công-tử đỗ tiến-sĩ. Khi vinh-qui, người làng bảo nhau rằng :

— Anh chàng ở đâu, sao lại đến ở làng chúng ta.

Công-tử nghe nói, dò hỏi những người thân cố mới biết được gốc rễ.

XXIX

汪 士 端

ÔNG UÔNG-SĨ-ĐOAN

Kính-Phủ

Ông Uông-Sĩ-Đoan khi chưa đỗ, ở rể tại một nhà giàu kia trong làng tôi, sinh được một con giai. Người vợ dữ tợn, hễ thấy bè bạn chồng đến chơi, đều đuổi quầy quầy và nói :

— Cái đồ dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm, làm gì mà ỏm tỏi, bằng nhắng thế.

— Gặp khoa, ông sắm sửa đi thi, người vợ keo kiệt không chịu cấp hành-lý lệ phí. Ông giận dỗi vùng vằng đi ra, người ấy đuổi theo lột hết quần áo, ông phải lội xuống ao ẩn núp. Một cô gái làng bên cạnh, cùng bà mang vải đi chợ bán, thấy thế, bảo bà hỏi xem đầu đuôi ra sao, rồi xé vải tặng để ông đóng khố. Khoa ấy, ông thi đỗ, bèn cưới người con gái ấy làm vợ. Ông làm quan trong Triều hơn 60 năm, thọ 99 tuổi.

Người con gái ấy được phong Chính-phu-nhân. Quan Bồi-tụng Sĩ-Lang, quan Huyện Cầm-Giàng Sĩ-Thiến, quan Lại-Bộ-Lang Sĩ-Trạch, đều do phu-nhân sinh ra cả.

XXX

化 虎

HÓA HỔ

Kính-Phủ

Sơn-Vi có tên Mỗ, là người để sai khiến trong ấp, vào rừng lạc đường, gặp một ông cụ già cởi áo mặc cho và dặn đi sau. Mỗ ngứa ngáy, một lúc sau đã thấy mình hóa thành một con hổ, các hổ khác kéo đến cùng mình thân cận, cùng ăn cùng ở, được thịt thì chia cho mình ăn. Một hôm về nhà, nghe thấy vợ đương khóc, Mỗ thương xót gầm lên, muốn chết, vợ sợ hãi khua thanh-la để hăm dọa. Mỗ sợ phải đi. Mỏi mệt nằm trên một tảng đá, lại thấy ông già đến bảo rằng :

— Xin trả lại cái áo mượn của ta ngày trước. Nói rồi, cưỡi lên bụng hổ lấy gươm rạch rồi lột da, đau-đớn tưởng chết được. Ông già chợt đi đằng nào mất, nhìn lại mình đã trở thành người ngày xưa, đi tập

tễnh về nhà thì sắp đến kỳ giỗ đầu. Vạch lưng ra, thấy hãy còn những vết lòng.

Chao ôi ! Mỗ là hổ mà lại là người, người đấy mà lại là hổ. Thật lạ lùng hết chỗ nói.

XXXI

黑 兒

ĐỨA CON ĐEN

Kính-Phủ

Người con gái ở phố Lai-Trào, thuộc trấn Hoa-Dương, lấy người lái buôn nước tây đen. Sau người lái buôn về nước, nàng hỏi kỳ tái ngộ thì hắn nói :

— Hễ ba năm không thấy sang, thì cứ việc đi lấy chồng.

Qua kỳ hạn ấy, nàng cải giá, lăm bạn với một người là Mỗ sinh được một người con trai, da thịt đen hệt như người chồng cũ. Muốn vứt bỏ đi, hỏi có người biết bảo :

— Đó là dư khí hãy còn sót lại, cho nên rợ Hồ có cái tục rửa ruột. Không sao (không việc gì) đâu.

Khi người lái buôn đến tìm vợ, thấy đứa con đen

kiện để đòi. Quan xử đứa con về người lái buôn, còn người vợ vẫn thuộc về Mỗ.

Sau nàng sinh mấy đứa con nữa, thì đều không khác người thường (không đen nữa).

XXXII

山 洞

HANG NÚI

Kính-Phủ

Trong hồi vào đánh miền Nam, mấy người lính đi xuyên qua rừng, thấy một cái hang. Vào xem, ban đầu thấy tối đen, nhưng sau, sáng rạng dần. Có thể trông rõ được hết, một lúc nhìn trong đó có dân-cư, tiếng nói ríu rít không thể hiểu. Bọn lính vì đói, phải cướp lấy cái ăn, bọn người kia phải tan chạy như chim. Một lúc họ lại tụ tập kéo đến rất đông. Bọn lính sợ phải ra, dùng những tên nhọn vừa đi vừa bắn lại. Về thuật với mọi người, lại kéo vào xem, thì chẳng thấy gì cả.

XXXIII

林 户 盜

ANH KẺ TRỘM LÀNG LÂM-HỘ

Người lý-tưởng Mỗ làng Lâm-Hộ, huyện Kim-Hoa,

vốn xưa là một anh ăn trộm. Hồi thân-phụ tôi Tri-huyện ở huyện ấy. Mỗ, nhân có việc đến huyện, kể lại hết những chuyện thiếu-thời, không thiếu chuyện gì. Mỗ nói : Mỗ thường cùng tên Ất sang ăn trộm ở làng bên cạnh, đêm đi qua rừng, bỗng thấy động tâm. Đến làng bên, chia nhau rình ở cổng làng. Ước chừng nửa trống canh, Mỗ nghe thấy tiếng đồ ngã huỳnh huỵch rất lớn, vội chạy lại xem. Một con hổ đương ôm Ất mà ngồi chồm-chỗm. Mỗ nhìn đăm đăm ; rồi hăng hái xông đến đánh trúng trán hổ. Hổ gầm lên mà chạy. Ất thì ngã vật ra đất, Mỗ đến gần nâng đỡ, thấy Ất hơi thở rất yếu, hai má bị cào toạc đến một tấc thịt. Mỗ hỏi, lúc lâu Ất mới nói :

— Khát lắm.

Mỗ rón rén đi tìm thấy dưới một mái nhà có rãnh nước nông, không đủ vốc tay, bèn lấy áo thấm đem lại vắt cho Ất uống. Tỉnh rồi cõng về. Đi được nửa đường đã rạng đông, Ất khỏi, Mỗ thôi làm nghề ăn trộm.

Ôi ! cứu bạn trong khi nguy cấp mà chẳng tiếc mình, đó là việc làm của những bậc liệt-sĩ đời xưa, nay lại thấy ở trong đám kẻ trộm, thật cũng là lạ lắm.

XXXIV

杜 汪

Ông ĐỖ-UÔNG

Đời Mạc có ông Đỗ-Uông, người làng Đoàn-Tùng.

Khi chưa đỗ, từ Kinh-đô về đến huyện tôi. Trời đã tối, đường đi vắng tanh, không có ai qua lại. Chợt ở trong đền Thời-Cử có mấy chục quân kỵ kéo ra, đuổi theo sau ông. Ông đi nhanh gấp đường, qua làng Hoạch-Trạch gọi lớn : "Bác Hoạch-Trạch cứu tôi với". Trong đền im lặng. Đến đền làng Minh-Luân cũng lại gọi như vậy, thần đến đáp rằng :

— « Em đối với bác Thời-Cử là tình cùng huyện, không tiện ra giúp ông anh được. Vậy ông anh nên cầu cứu với bác La-Xá ».

Ông theo lời, đến La-Xá quả có mấy trăm quân giáp-trụ theo ngay lời gọi mà kéo ra, quân địch sợ phải chạy lui. Về đến làng Đoàn-Tùng, ông đốt hương làm lễ ở sân, viết một đạo sớ đem việc ấy tâu lên Thượng-đế. Sớ đốt chưa xong, đã thấy giời nổi cơn sấm sét dữ dội, mưa xuống như đốc chĩnh nước. Đến sáng nghe người ta đồn đền Thời-Cử đã bị sét đánh tan tành rồi. Ông mừng thầm. Tự tin cậy, sau ông thi đỗ Bảng-nhỡn, sang đời Lê, làm quan đến Thượng-Thư, sắc phong Phúc-thần.

XXXV

段 將 軍 尚

TƯỚNG-QUÂN ĐOÀN-THƯỢNG

Tùng-Niên

Làng Hồng-Thị, huyện Trường-Tân có Tướng-Quân

Đoàn-Thượng, đời Lý-Huệ-Tôn cùng em con bà vú vâng mệnh đi dẹp giặc và trấn ở Hồng-Châu. Nhà Lý mất, Đoàn chiếm cứ riêng một châu ấy tự giữ. Quan Thái-sư nhà Trần là Thủ-Độ bề ngoài giả vờ giảng hòa, nhưng ngầm truyền lệnh cho Hoài-Đạo-Hiếu, Võ-Vương Nguyễn-Nộn đem trọng binh đánh úp. Hai bên đương đánh nhau kịch liệt, quân Trần lại từ miền Văn-Giang đến đánh phía trước. Tướng-quân liền bỏ Nộn quay về chống cự với phía Tây, bị nhát thương ở cổ, chỉ còn như sợi chỉ chưa đứt, phải cởi đai lưng buộc lấy, tức giận hầm hầm chạy về phía đông. Đến làng An-Nhân, có một ông già đội mũ thắt đai chắp tay đứng bên đường mà nói :

— Tướng-quân là bậc người trung-liệt, Thượng-đế đã cất dùng đấy. Lại chỉ một cái gò làng bên mà nói :

— Đây là nơi Ngài được hưởng sự thờ cúng xin đừng bỏ qua.

Tướng-quân vâng nhời. Đến chỗ ấy xuống ngựa, gối giáo mà nằm, liền có mối đùn lên đất lấp lên. Dân cư tạc tượng thờ. Đến sau đê sông Nhị vỡ, nước ngập tràn lan miếu đổ. Khi nước xuống, tượng giạt xuống làng An-Nhân, làng An-Nhân bèn dựng miếu mới để thờ. Miếu ở bờ sông An-Nhân, trước mặt trông ra đường cái chánh hai tỉnh Đông, Bắc, uy-linh hiển hách, người buôn bán qua lại khó khăn, chỉ đứa mắt với nhau. Một hôm, người coi miếu bỗng ngã lăn ra đất

lúc lâu, rồi vùng dậy ngồi lên ghế cao, gọi những người kỳ-cựu trong làng ra bảo rằng :

— Ngày mai phải quét dọn sạch sẽ vì có Đức Vua đến thăm cảnh. Người nào mặc áo đen, và đi chân không là đúng đấy. Phải chờ đón.

Mọi người đều vâng lời. Hôm sau ai nấy mũ áo chỉnh chạc đợi ở dưới đền. Trời đã về chiều, mỏi mệt đã toan giải tán. Chợt bờ bên sông, có một vị sư, mình mặc áo lục-thù, đằng sau có một tên tiểu-đồng theo hầu, đi sang qua cầu, đến trước cửa đền ngồi nghỉ. Mọi người đốt hương sụp lạy. Nhà sư lấy làm lạ hỏi, ai nấy đem lời thần, tâu lại. Nguyên bấy giờ vua Trần-Nhân-Tông đã nhường ngôi cho con, tự xưng là Điều-Ngự Đại-Sĩ, xuất gia, tu ở chùa núi Yên-Tử, bên mình mang một cái lọ, một cái bát thường đi lại trong các xóm làng, dần dần người thường chả ai biết nữa. Tối hôm ấy, dừng bước ở làng An-Nhân, nghe câu chuyện thần nhân báo trước, Ngài lấy làm thích, bèn ngủ trọ ở đấy một đêm. Ngài giảng bảo về lẽ nhân quả, khuyên nên thể theo đức hiếu-sinh của giời. Sớm hôm sau, ngài dậy sớm trở về Kinh-sư. Đến tối bỗng một cơn mưa to gió lớn nổi lên, rồi thần tọa quay mặt về đông ; từ đấy những người đi qua đường, không còn bị tai nạn gì nữa. Lịch Triều phong tặng là Thượng-đẳng-thần. (Lũy cũ Trường-Tân đến nay vẫn còn).

XXXVI

用江

SÔNG DỤNG

Tùng-Niên

Huyện Nam-Đường (nay là Nam-Đàn) có sông Dụng là con sông lớn ở Hoan-Châu. Nguồn phát ra từ Trầm-Châu, đi qua Đại-Đồng, Đồng-Luân, lướt trên trại Sa-Nam, bến Phù-Thạch mà chảy ra bể. Thường có sóng lớn mênh mông, chỗ nào cũng có vực sâu, nhất là vào khoảng những làng Đại-Đồng, Đồng-Luân càng nhiều lắm. Bên cạnh vực có những làng xóm, dân cư đông đúc. Người ta thường thấy có mấy bọn người đàn bà con gái đến chợ mua bán, y phục ngôn ngữ ra lối tỉnh thành. Có người đò theo, thấy bọn người ấy đi đến sông thì mất. Một hôm có một người dân xuống bến Đồng-Luân rửa tay, rồi hóng mát, đứng khuất vào khoảng lau sậy, thấy trên bãi cát có hai người cỡi ngựa chạy quanh ba vòng, rồi cùng sóng cương mà đi xuống nước cả. Người ấy nín thở đứng lặng xem ra thế nào. Một lúc, thấy mấy tòa lầu đài nổi lên ở giữa dòng sông, nhỏ như quyển sách, chỉ trong chớp mắt đã cao lên đồ sộ. Quan lại, kẻ hầu, người hạ đi lại nhộn nhịp khá đông. Một lúc lâu người ấy ngửa cổ không thể nhìn được, dắng lên một tiếng, lập tức những lầu đài trước mắt, chìm mất hết,

rồi có hai con cá lớn, cụt đầu, nổi ở bến sông, nước sông đỏ lòm.

Đinh-quân, người làng Đại-Đồng, làm đến Tri-phủ, một lần qua bến đò Lại Xá ở Hải-Dương, thấy trong quán có một bà già, tuổi chừng 63, 64, hỏi mình rằng :

— Ông có phải người làng Đại-Đồng không ? Sao tiếng nói giống thế ?

Đinh-quân nói :

— Làng ấy cách đây nghìn dặm, làm sao bà lại biết?

Bà già cười :

— Đại-Đồng là nơi tôi vẫn chơi khi xưa, có ông không biết đấy thôi.

Hỏi kỹ thì bà nói :

— Tôi người ở đây, thuở nhỏ ra tắm sông bị thần sông là Giang-đông-Hầu bắt lấy. Ở sông này được 3 năm thì Hầu cải bổ vào làm việc ở trấn Đông-Luân, coi vực Đại-Đồng? Ngoài những lúc hầu hạ chăn màn, tôi thường lên chợ chơi, thành quen, không phải một ngày. À cha con Thiếu-Vệ Mỗ, cha con Lý-Trưởng Mỗ, nay hãy còn cả chứ ? Đó đều là những người hào-trưởng trong làng. Thiếu-Vệ có người con gái chết đuối phải không ?

— Phải.

Thì chính một người lính hầu ở dưới trướng của

Hầu tôi là con rể đấy ! Long-Cung hay lấy vợ trên trần, đều cho bọn lính tráng đi bắt, cũng một đôi khi là Quan Phủ đi bắt lấy nhưng mà ít thấy. Ở trấn được 5 năm, một lần có cái bè từ mạn ngược xuống, chở kèm thêm 4 cây gỗ chò. Hầu thích những cây gỗ ấy, tung nước lên cho bè đắm. Mấy tên thủy-thủ chết oan, họ kiện đến quan Trấn, quan Trấn xử Hầu phải đuổi về chỗ cũ. Về đến đây, Hầu thả tôi lên, tôi theo sóng chìm nổi bồng-bềnh, hoảng hốt như trong mộng. Người nhà vớt tôi, mấy ngày tôi mới tỉnh lại. Làng mây cung nước, đến nay trước mắt còn như thấy rành rành.

Câu chuyện bà kể rất rành mạch, Đinh-quân đem chép vào quyển sách riêng trong nhà.

Đầm Đông-Liệt ở huyện ấy (Nam Đàn) cách sông khá xa, thuyền bè không đi thông vào được. Tục truyền có con thuồng-luồng ngắn vuốt, linh thiêng lắm.

Một người lái buôn nước mắm ở huyện Hưng-Nguyên, bữa kia từ Hoan-châu ra kinh-đô, đỗ thuyền ở bến sông Nhị. Bấy giờ đương mùa hạ, nước to, người lái bán hàng xong, nhưng chưa giong buồm về được. Một hôm, người ấy thấy 3, 4 người công-sai, đem rượu thịt đến cùng mình đánh chén. Tiệc rượu gần vãn, họ lấy ra một phong thư ghé tai bảo người lái buôn rằng :

— Tôi là quân hầu của thần thuồng-luồng đầm

Đông-Liệt. Thần đi đánh núi Tản-Viên, dọc đường bỏ mình, nhờ bác đưa giúp thơ này đến vực Đồng-Luân hộ.

Người lái vâng lời, nhổ thuyền xuôi Nam, thuyền đi như tên, chốc lát hơn nghìn dặm, tối hôm ấy đã đến Đồng-Luân. Người lái buôn gõ thuyền gọi, thấy dưới nước có tiếng thưa rồi nhận lấy thư, dặn người lái hãy chờ đấy. Lúc lâu nghe văng vẳng thấy tiếng khóc thê thảm. Đêm khuya, có hai người lính đội lên một cái hộp giầu, trong đó đựng 20 lượng vàng đưa để tạ ơn, người lái đò chối :

Đã được buồm xuôi nước thuận là được ban ơn rất nhiều rồi, tôi dâu dám nhận số vàng ấy. Người lái chỉ xin nhận cái hộp mà trả lại vàng. Từ đó xuôi ngược giang-hồ, một đời không gặp sự kinh hãi nào cả.

XXXVII

東 列 山

NÚI ĐÔNG-LIỆT

Núi Đông-Liệt đứng trên bờ đầm, trên đỉnh có một chỗ thủng lớn, tương truyền là vết cũ sao sa, rộng đến hơn một mẫu, nước khi dầy khi cạn. Trong núi có bàn cờ đá, cạnh bàn có một lốt bàn chân, to hơn chân

người thường. Có một người con gái giẫm chân vào đấy, bụng thấy cảm động rồi có mang, sinh ra một đứa con gái. Đứa con ấy lọt lòng ra đã biết nói, biết việc quá khứ và tương-lai. Tiếng đồn đến Triều-đình, được vời vào Kinh, hỏi việc quỷ-thần, hỏi đâu trả lời ngay đấy được. Thấy là quái dị, Triều-đình lại cho về. Được 3 tuổi thì đứa bé chết. Người ta cho là Tiên, lập miếu phụng thờ. Nay miếu hãy còn ở dưới núi.

XXXVIII

蜈 蚣 山

NÚI RẾT

Ngọc-sơn thuộc về một cái ấp, ở giữa hai châu Hoan, Ái. Ấp ấy có một ngọn núi, gọi là núi Rết. Có miếu thờ làm ngay ở cửa hang núi. Hàng năm phải lấy người làm vật cúng tế, người trong ấp cắt lượt nhau gánh chịu ; họ đem vàng bạc mua chuốc những người lang thang bốn phương, thành một thói thường. Có một anh nghèo kiết kia đến lượt phải làm vật tế thần, không biết làm thế nào. Tới kỳ, anh tắm rửa sạch sẽ, để đi làm vật hy-sinh, nhưng trong mình dấu sẵn một con dao sắc. Canh tư, anh ta hăng hái ra đi. Làng tế xong, khóa trái cửa lại, rồi về. Mỗ cầm dao chặn cửa hang đợi chừng một trống canh, thấy một mùi tanh

nồng nặc, tỏa ra bốn phía, rồi một con rết cực kỳ lớn như cái mộc (lá chắn) rầm rầm từ trong hang bò ra. Anh giơ dao đâm ngay, chỉ chốc lát thì con rết chết. Từ đấy không còn cái quái ấy nữa. Núi này nay thành một nơi danh thắng cùng với núi Phục-Dực nổi tiếng như nhau.

XXXIX

內 道 場

NỘI-ĐẠO-TRÀNG

Tùng-Niên

Triều Lê khi mới trung-hưng, việc binh-đao vừa tạm yên, thì giống ma quỷ ở rừng núi và yêu quái nổi lên rất nhiều, dân gian thật là khổ sở. Tại làng An-Đông, huyện Quảng-Xương, có người tên là Trần-Lộc, vốn làm nghề phù thủy. Một hôm đi qua núi Na, nhân đương ngày hè nắng dữ, ngồi nghỉ ở khoảng rừng cây tươi tốt. Bỗng ở trên đỉnh núi, có một ông già đầu bạc phơ phơ, dựa vào đỉnh núi ngó xuống lấy nón mà vẫy, Trần-Lộc sắn áo đi lên, quá (xế) trưa thì lên đến đỉnh, phục xuống làm lễ bái yết. Ông già vỗ về rằng :

— Nhà ngươi là người thành thật, đốc hậu. Thượng-đế đã có ý lựa chọn, sai ta trao cho những bí-quyết, bèn ghé vào tai mà bảo :

— Đó là những phép Phật thượng-không, nhà ngươi nên siêng năng làm việc tế độ, tòa sen sẽ chẳng xa gì.

— Nói xong thì không thấy đâu nữa. Trần-Lộc trông lên trên không bái tạ. Rồi trở về đem những phép ấy ra thử dùng thì đều linh-nghiệm, được nổi tiếng về nghề bùa phép. Người ta gọi Trần-Lộc là Phật-Tổ Như-Lai ; hai con là Tả-Hữu, Tôn-Thánh ; người đồ-đệ giỏi nhất là Tiền-quan Tôn-Thánh ; còn ngoài ra là Bồ-Tát, Kim-Cương, Minh-Sư, Thượng, Trung, Hạ thặng v. v. . . Mỗi hàng một danh hiệu mỗi khác. Nghe núi Mỏ-Diều có một con yêu, thường làm tai nạn cho những khách qua đường, liền sửa soạn hành trang đi đến để trị. Con yêu vận lối cung-trang, giữ trên đầu núi, cùng Tổ-sư chống cự ba ngày không phân thua được. Tổ-sư tức lắm, phóng một cái quyết lật đổ núi. Yêu hóa làm con quạ bay vút lên trời. Tổ-sư lại phóng mấy cái quyết trúng vào mình nó, nó phải sa xuống đất mà chết.

Mười hai cửa bể ở miền Tây-Nam, mỗi cửa đều có một vị thần, thường làm cho nước bốc cao lên như núi, chốc lát lại đổ xuống tan đi, thuyền bè nào gặp phải, không thể sống sót được. Tổ-sư sai đồ-đệ đi bắn, trừ được chín, sót lại ba. Xảy có việc phải đi trông nom ở Sùng-Sơn, nên không trừ nốt được.

Bấy giờ vua Thần-Tôn mắc một bệnh lạ, có người

bảo là cái nhân-quả kiếp sau của vua Lý-Thần-Tôn (xem ở Lĩnh-Nam trích quái) trong triều ngoài nội đều lo ngại. Đại Nguyên-súy Thanh-Vương tính kế, xin vua nhường ngôi cho Thái-tử rồi xưng Thái-Thượng-Hoàng, ở cung riêng để chữa bệnh. Dùng qua bùa thuốc trong mấy năm không chút hiệu-nghiệm gì cả. Nghe tiếng Tổ-sư, Triều-đình sai Trung-sứ đến đón mời. Tổ sư nghĩ vì cái yêu-khí ở vùng tây nam mới yên, chưa dám đi ngay, liền cử đồ đệ là Pháp-bộ Kim-Cương đi thay, đấm vào ngực mà niệm chú. Hơn một tháng, Thượng-hoàng khỏi bệnh, trở lại ngôi rồng, truyền xuống dựng riêng trường Nội-đạo để được vẻ vang. Kim-Cương trở về, đường qua làng Bố-Vệ, giữa khi người làng đang làm lễ tế thần. Kim-Cương đứng đái ở trước đình, bị mấy người trẻ tuổi ở trong làng tức giận trói lại. Kim-Cương nói mãi mới được tha về, bèn bắt một cái quyết trói rồi đi. Lập tức già trẻ trong đình, ai nấy hai tay chập vào nhau mà ngồi dựa vào cột, chỗ năm người, chỗ ba người, muốn giằng gỡ ra cũng không thể được, cả làng đều kinh-ngạc. Có người nói vừa nãy có một Thuật-sĩ vô-lễ, người làng trói rồi thả ra, hay là hắn chăng. Cho người đi tìm thì chẳng thấy đâu cả. Việc đến tai Triều-đình, vua nói :

— Đó là Pháp-Bộ Kim-Cương đó.

Hỏi đến Tổ-sư, Tổ sư sợ, trách mắng Kim-Cương, rồi xét lại bao nhiêu bài quyết đã trao cho đều thu lại

hết, chỉ còn lại những bài quyết thỉnh Phật, và trừ tà lưu hành ở đời. Ở vùng Giang-Bắc, có một phái gọi là Nội-Đạo-Tràng, lấy trượng (gậy) trị bệnh, đó không phải là phái này.

XXXX

亞 夫 人

BÀ VỢ THỨ ÔNG NGUYỄN-KIỀU

Bà vợ thứ ông Hạo-Hiên Nguyễn-Kiều là Đoàn-thị-Điểm, người đất Giang-Bắc, nguyên là em gái ông Tĩnh-nguyên Đoàn-Luân. Bà nổi tiếng văn-học, cùng anh vui việc bút nghiên, vẫn thường kình địch nhau về văn thơ. Một buổi tối bà ngồi trước đài-trang tô-điểm, ông Đoàn thì rửa tay ở trên cầu ao, ông Đoàn đọc rằng :

照 鏡 畫 眉 一 點 翻 成 兩 點

Chiếu kính họa my, nhất điểm phiên thành lưỡng điểm (1) (Trước kính vẽ mày, một nét thành ra hai nét).

Bà liền đối lại ngay :

臨 池 玩 月 隻 輪 轉 作 雙 輪

Lâm trì ngoạn nguyệt, chích luân chuyển tác song luân (2) (Bên ao ngắm nguyệt, một vòng hóa ra hai vòng).

Ông Thái-học-sinh Đặng-Trần-Côn mến tiếng, đưa bài thơ để được xin vào thăm. Bà cười mà rằng :

— Cậu học-trò mới học ấy, bõ gì nói chuyện.

Ông Đặng tức giận trở về, cố chí mài giũa kinh sử, Sau trở nên một bậc Danh-sĩ.

Bà kén chồng khe khắt lắm, bao nhiêu người muốn lấy bà đều không vừa ý. Đến khi đã quá tuổi cập kê, về làm vợ ông Hạo-Hiên. Trong chốn khuê môn, vợ chồng kính trọng nhau như khách, đương thời cho là một chuyện đẹp.

Ông Hạo-Hiên mất, những học trò theo học ông trước, nay lại theo học bà, thành danh được đến mấy chục người.

Trong tập Tục-truyền-kỳ, có ba chuyện đền thiêng ở Cửa Bể : Hải-khẩu linh-từ, Vân-Cát thần-nữ, An-ấp liệt-nữ, của bà làm còn lưu hành ở đời.

Người cháu là Mỗ, con gái ông Tỉnh-Nguyên, bà vốn yêu dấu, lấy ông Nguyễn-Xuân-Huy, Đốc-Trấn Sơn-Nam. Khi ông Xuân-Huy cùng người con giai mất, bà có câu đối (làm thay) rằng :

泉 下 承 歡 應 知 君 有 子

Tuyền hạ thừa hoan, ưng tri quân hữu tử.

夢 中 對 話 諱 謂 妾 無 夫

Mộng trung đối thoại ; thùy vị thiếp vô phu.

Nghĩa là :

Dưới suối hầu vui, con, đành rằng chàng có ;
Trong mơ trò chuyện, chồng, ai bảo thiếp không !

Câu này ý nói chồng và người con giai đã chết, nay bố con sẽ được gặp nhau, cùng vui ở nơi chín suối thì rõ là chàng có con ; vợ ở lại nơi dương-thế, vẫn được gặp chồng, cùng nhau trò chuyện trong giấc mộng, thì ai nỡ bảo là không có chồng.

Năm 78 tuổi, bà còn đi lại chốn kinh-kỳ, mở trường dạy học trò.

CHÚ THÍCH :

(1) Nét : nghĩa của chữ điểm (點)
Soi kính vẽ mày, một nét hóa thành hai nét (chữ điểm ở đây là tên bà Điểm, nghĩa là một bà Điểm hóa hai bà Điểm).

(2) Vòng : nghĩa của chữ Luân (輪)
Kề ao ngắm nguyệt, một vòng hóa thành hai vòng (nghĩa là một ông Luân thành hai ông Luân).

QUYỂN NHÌ

Dịch - giả : ĐẠM-NGUYÊN

QUYỂN HẠ

I

朱 文 貞

Ông CHU-VĂN-TRINH

Kính-Phủ

Đời nhà Trần có ông Chu-Văn-Trinh tức là Văn-An, tự là Linh-Triệt, hiệu là Tiều-Ẩn tiên-sinh, người làng Quang-Liệt, huyện Thanh-Trì, đỗ Tiến-sĩ, làm quan đến chức Tư-nghiệp ở Quốc-Tử-Giám. Đời vua Dụ-Tông, dâng sớ xin chém 7 người, rồi treo mũ từ quan, về ẩn ở núi huyện Chi-Linh, dạy học-trò. Sĩ-phu đều kính ngưỡng như núi Thái-Sơn, sao Bắc-Đẩu. Quan Tư-Đồ Chương-Túc-Hầu Trần-Nguyên-Đán có tặng thơ rằng :

Nguyên văn chữ Hán



Phiên âm :

Phủ miện hoàn khuê tâm dĩ hôi,
Phong sương an cảm khốn hàn mai.
Bạch vân vạn điệp sơn phi yểm ;
Tử mạch đa kỳ ngã mã đồi.
Huệ trướng vật kinh cô hạc oán,
Bồ luân hảo vị hạ dân hồi.
Hy triều xã tắc thiên phương tộ,
Khẳng sử Tiên-sinh lão bích ôi.

Dịch văn :

Trâm hốt, cân đai, đã nguội lòng,
Gió sương đâu dám phạm mai đông.
Muôn trùng mây bạc, non che khuất ;
Bao lối đường hoa, ngựa biếng giong.
Màn huệ kinh gì lời hạc oán ;
Xe bồ quay lại, bụng dân mong.
Đương triều xã tắc, giời còn tựa,
Sao để Tiên-sinh chốn thẳm cùng ?

Giải nghĩa bài Thơ trên

Mũ, đai, trâm, hốt (tức là việc công danh), thì lòng Tiên-sinh đã nguội lạnh rồi. Ngày nay, Tiên-sinh đã như một cây mai mùa đông giá lạnh, thì gió sương không dám phạm đến.

Mây trắng muôn đợt cài lấp cửa núi, che khuất chỗ Tiên-sinh ẩn dật ; Đường đời lắm lối, làm cho con ngựa của Tiên-sinh đã mỏi chồn rồi, không muốn giong ruổi nữa.

Nằm trong màn huệ, không giật mình vì tiếng hạc lẻ kêu đêm Nhưng xe bồ của Tiên-sinh cũng nên, vì lòng dân trông cậy mà quay lại.

Vả chăng, xã tắc của Hoàng-Triều đương được lòng trời giúp đỡ, thì lẽ đâu lại để Tiên-sinh ẩn náu ở chốn non xanh xa thẳm.

(Những câu thơ trên tỏ lòng ngưỡng mộ biết chừng nào).

Ấy ông được đời kính trọng như vậy.

Đời truyền rằng : khi ông dạy học ở thôn Cung-Hoàng, trong bọn học trò có hai người thiếu-niên, dung-mạo kỳ-vĩ, không bao giờ ngồi cùng chiếu với các học-trò khác. Có người trông thấy họ đi từ dưới nước lên. Ông biết là Thủy-thần, gặp năm nắng to, ông sai đi làm mưa. Hai người từ chối, thưa :

— Thượng-đế phong tỏa cả sông hồ, không lấy đâu ra một giọt nước nào mà làm mưa được.

— Ông bảo lấy nước ở nghiên mực. Hai người nói :

— Lời thày dạy không dám trái, nhưng trái ý Thượng-đế ; sẽ bị nghiêm phạt.

Hai thiếu-niên đi, một lúc mưa xuống như trút. Bỗng chốc thấy có hai con thuồng-luồng bị cụt đầu rơi xuống, ông thu nhặt rồi đem chôn, ở ngoài cánh đồng làng, tục gọi là mả thuồng-luồng.

Sau khi ông mất, người làng dựng đền thờ ngay trên chỗ nền cũ nhà học, những bậc thân-sĩ trong làng

đều được phối hưởng. Trong năm Cảnh-Hưng, ông Bùi Huy-Bích cầm quyền, dò hỏi đòng họ còn được 16 người, thấy đã đổi sang họ Nguyễn, và đều ngu độn không biết gì, ở vào hạng cùng dân cả. Ông truyền lấy lại họ cũ, và chọn một trẻ em dạy cho học, để sẽ tiến dẫn lên Triều-đình, xin phong ấm cho, như việc xưa bên Trung-hoa đối với nhà Nho đời Tống là ông Trình, ông Chu, nhưng chợt có biến, nên việc ấy chưa làm được.

II

黎公膺

Ông LÊ-TRÃI

Tiền triều có ông Lê-Trãi, hiệu Ức-Trai tiên-sinh, nguyên họ Nguyễn. Cha là ông Phi-Khanh (hàm Tự-Khanh) người huyện Phượng-Nhỡn. Tính ưa phong-thủy, nhân dời mộ tổ đến táng ở làng Nhị-Khê, huyện Thương-Phúc, do vậy, làm nhà ở làng ấy.

Ông đỗ Tiến-sĩ đời nhà Hồ, làm quan đến chức Ngự-Sử Đài Chánh-Chưởng. Nhà Hồ mất, ông theo cụ Tự Khanh tránh loạn ở Côn-Sơn, có câu thơ : 夜 依 半 斗 望 中 原 "Dạ y ngưu đầu vọng trung nguyên" nghĩa là "đêm lần trông sao đẩu, sao ngưu mà vời trông đất nước", đủ tỏ tấm lòng ưu thời mẫn thế của ông thường biểu lộ rõ trong Thi Ca.

Hồi này, có người làng Hoắc-Sa (Sơn-Tây) là Trần-Nguyên-Hãn làm nghề bán dầu, buổi tối qua làng Thụy-Hương, vào ngủ ở đền Hy-Khang Đại-Vương Lý-ông-Trọng. Đêm khuya thấy vị Thần ở làng bên cạnh đến rủ Vương cùng lên chầu đức Thượng-Đế, Vương từ chối nói là nhà có vị Quốc-công ngủ trọ. Lúc gà gáy vị thần ấy đi chầu về, Vương hỏi hôm nay, Thiên-đình bàn việc. có những hiệu lệnh gì ? Vị thần nói :

— Thượng-Đế xét đến nước Nam chưa có chủ, nên có sai Lê-Lợi làm vua, Lê-Trãi làm tôi.

Trần tỉnh dậy, bèn đi dò tìm được ông Trãi bảo cho biết. Ông đến hỏi lại, thì nằm mơ thấy Vương bảo rằng :

— Việc bí mật ở Thiên-đình, không thể tiết-lộ. Chị Tiên-Dung biết rõ cả đấy. Và người đàn bà nói thì Thượng-đế không quở trách. Vậy nên đem một vạn vàng nan đến lễ, chị ấy sẽ kể cho mà nghe.

Ông theo lời ; đến cầu bà chúa Tiên-Dung, rồi mơ thấy bà gọi. bảo rằng :

— Này Lê-Trãi ! "Lê-Lợi làm vua, Lê-Trãi làm tôi, nhà ngươi còn chưa biết ư ?"

Hỏi kỹ lại, thì nói Lê-Lợi là người ở Lam-Sơn, đất Thanh-Hóa.

Ông liền cùng ông Trần tìm đến, thấy Lê-Lợi

đương mặc áo nâu ngắn, vác bừa, dắt bò từ ngoài đồng về. Các ông xin vào ở lại một đêm, nhân khi gặp ngày Tiên-hủy, nhà Lê-Lợi giết lợn làm cỗ. Ông xuống bếp đun nấu, thấy Lê-Lợi cầm dao thái thịt, vừa cắt vừa ăn, liền bảo riêng với ông Trần rằng :

— Bà Tiên-Dung nói lừa ta đấy !

Rồi đến đền để đòi vàng lại. Đêm ấy bà Tiên-Dong lại bảo :

— Lê-Lợi làm vua, đã có mệnh-lệnh nhất định rồi ; chỉ vì Thiên-tinh chưa giáng đấy thôi, sao không đến mà đợi ?

Bấy giờ Lê-Lợi đã được quyển Binh-thư và thanh gươm thần, đêm nằm đóng cửa, đọc sách. Ông nhòm trộm và cùng ông Trần đẩy cửa bước vào. Lê-Lợi tuốt gươm xông ra, hai người đều phục xuống đất nói : « chúng tôi đường xa, lặn lội tìm đến, chỉ vì Minh-Công có thể làm chủ thiên-hạ được đấy thôi ». Lê-Lợi cười mà lưu lại, mưu việc khởi binh. Ông bảo chưa nên vội. Bèn dựng nhà dạy học, thường chế ra những cái trống bỏi, nấu mật đặc nặn ra những hình con gà con chó, cho lũ trẻ làm đồ chơi. Trẻ khác thấy thế đua nhau nói với cha mẹ đến xin theo học. Lại thường lấy mỡ viết khắp lên những lá cây trong rừng mấy chữ sau đây :

黎利爲君黎虎爲臣

"Lê-Lợi vi quân, Lê-Trãi vi thần" (Lê-Lợi làm vua, Lê-Trãi làm tôi).

Sau kiến ăn mỡ, đục thành nét chữ. Những người đi kiếm củi thấy thế, cho là một sự thiêng liêng, người nọ bảo người kia, nhân thế người đến nương theo càng ngày càng đông.

Năm Mậu-Tuất (1418) dấy quân, trước sau gồm hơn hai mươi trận đánh, ông thường dự bàn mưu lược trong quân trướng.

Năm Bính-Ngọ (1426) đánh ở Tụy-Động, quân ta đại thắng, tiến đến áp bức thành Đông-Đô, Thành-Sơn-Hầu nhà Minh là Vương-Thông đóng thành chống giữ.

Năm Đinh-Mùi (1427), nhà Minh sai An-Viễn-Hầu Liễu-Thăng, Kiềm-Quốc-Công Mộc-Thạnh chia đường đều tiến, đến cứu Đông-Đô. Vua Lê-Lợi đánh nhau với giặc ở núi Mã-Yên, chém chết Liễu-Thăng, bắt sống bọn Hoàng-Phúc, Thôi-Tụ, hơn ba trăm người. Mộc-Thạnh đương đêm phải chạy trốn. Vương-Thông mở cửa thành ra hàng, vua tha cho được trở về Bắc. Từ đấy hai nước thông hiếu, bao nhiêu giấy tờ đều do ông soạn thảo. Khoảng năm Thiệu-Bình (1434-1439) bài biểu tạ việc thăng quan có những câu :

轅門杖策，臨大節而半生忠義自知。

Viên môn trượng sách, lâm đại tiết nhi bán sinh trung nghĩa tự tri ;

虎口捐身，決和議而兩國干戈以息。

Hổ khẩu điền thân, quyết hòa-nghị nhi lưỡng-quốc can qua dĩ tức.

DỊCH :

Quất ngựa tới cửa quân, gặp tiết-lớn mà nửa đời phơi trung nghĩa ;

Giấn thân vào miệng cọp, quyết giảng-hòa cho hai nước gác can qua.

Đó, là những lời đúng sự thực cả. Vì công lao lớn được ban quốc tính, trao cho chức Vinh-Lộc Đại-phu, Nhập nội Hành-Khiển, Tri Tam-Quán Sự.

Ông Trần sau được phong tước đến Quốc-công, khi mất được phong Phúc-Thần. Nay có đền thờ ở làng Hoắc-Sa.

Văn thơ của ông Trãi có khí lực dồi dào. Khoảng năm Thuận-Thiên (1428-1433) làm những bài văn như Bình-Ngô đại-cáo, bia Thần-Đạo ở Vĩnh-Lăng, Lam-Kinh, đều có chép trong sách Thực-lục, ở đây khỏi

phải chèp thừa. Khoảng năm Thiệu-Bình, nhà vua tặng bà Chiêu-Nghi làm Hoàng-Thái-Phi (Bà này không phải sinh mẫu của Thái-Tôn, nhưng có công nuôi dậy nên vua cũng coi như mẹ), ông phụng mệnh thảo bài chế như sau :

朕 惟
Trẫm duy
克 敬 惟 親
Khắc kính duy thân
遹 追 來 孝
Duật truy lai hiếu
撫 高 帝 艱 難 之 業
Phủ Cao-đế gian nan chi nghiệp
惟 中 閨 翊 亮 之 勤
Duy trung khuê dực lượng chi cần
載 啟 大 號 於 朝 廷
Tái dương đại hiệu ư triều-đình
用 妥 淑 靈 於 幽 寂
Dụng thỏa thục linh ư u tịch
具 位 某
Cụ vị mỗ
秉 持 懿 德
Bỉnh trì ý đức
經 事 先 朝
Kinh sự Tiên-triều

遭板蕩之乾坤
Tao bản đãng chi càn khôn
共梳沐其風雨
Cộng trất mộc kỳ phong vũ
奉承箕箒無忘洒掃之心
Phụng thừa cơ trữu, vô vong sái tảo chi tâm
紉補衣裳期盡彌縫之益
Nhân bổ y thường, kỳ tận di phùng chi ích
一心在御
Nhất tâm tại ngự
十載雁麾
Thập tải my khuy
芒碭氣雲雎水風沙允備嘗於險阻
Mang-đường khí vân, Tuy-thủy phong sa, doãn bị thường ư hiểm trở
滹沱麥飯萊亭豆粥常相助其渴飢
Hô-đà mạch phạn, Lâu-đình đậu chúc, thường tương trợ kỳ khát cơ
致鶯極之莫安
Trí ngao cực chi điện an
多鷄鳴之儆戒
Đa kê minh chi cảnh giới
方母后不幸而升逝
Phương mẫu-hậu bất-hạnh nhi thăng thệ

獨 朕 身 有 賴 其 扶 持
Độc trẫm thân hữu lại kỳ phù trì
深 懷 顧 復 之 恩
Thâm hoài cố phục chi ân
敢 復 追 崇 之 典
Cảm phục truy sùng chi điển
粵 考 成 周 之 遺 制
Việt khảo Thành-Chu chi di chế
宜 加 太 妃 之 新 封
Nghi gia Thái-phi chi tân phong
于 以 彰 保 佑 之 功
Vu dĩ chương bảo hựu chi công
于 以 盡 哀 榮 之 禮
Vu dĩ tận ai vinh chi lễ
於 戲
I hi
褘 翟 命 服 流 輝 無 間 其 存 亡
Vi dịch mạnh phục, lưu huy vô gián kỳ tồn vong
馬 鬣 漏 泉 貢 彷 有 光 於 溟 漠
Mã liệp lậu tuyền, bí sức hữu quang ư minh mạc.

DỊCH NGHĨA : Trẫm nghe :

Đối với đứng thân,
trước nên hiếu kính ;
Giữ được cơ nghiệp lớn lao của Cao-đế ;
Nhờ công siêng năng giúp đỡ của Đức Bà.
Vậy :

Phải tôn hiệu lớn ở Triều-đình ;
Để thỏa hồn thiêng nơi u-tịch.

Đức Bà mỗ,

Giữ gìn đức tốt,
Thờ phụng tiên triều.
Gặp buổi trời đất chông chênh ;
Từng cùng gió mưa tắm gội.
Nâng niu khăn túi, một lòng không sai.
Khâu vá áo xiêm, mười năm chẳng thiếu.

Đức Cao-Hoàng,

Từng trải những bước gian nan, (như vua Hán-Cao), nào mây ráng ở Nam-Đường (1), gió cát ở Tuy-Thủy (2).
Lại qua những buổi cơ-hàn, (như vua Quang-Võ), nào cơm chiêm ở Hô Đà (3), nào cháo đậu ở Lâu-Đình (3).
Đều có Đức Bà : chia sẻ đắng cay.
Sớm hôm săn sóc.
Khi Đức Mẫu-Hậu băng hà ; Trẫm được nhờ ơn dìu dắt.
Nhớ ơn dưỡng dục, đám nhãng truy sùng,
Vậy, nay theo qui chế cũ của nhà Thành-Chu,
Tôn phong Bà làm bậc Thái-Phi.
Để tỏ công phù-trì, để hợp lễ thương kính,

Than ôi !

Áo xiêm đâng tiến, vinh quang chẳng cứ mất còn ;
Nắm đất vun bồi, rực rở khắp nơi minh mạc.

Khi tặng bà Chiêu-Nghi làm Trinh-Ý Nguyên-Phi, ông phụng soạn bài chế rằng :

朕 惟
Trẫm duy

聖 人 制 禮 道 莫 重 於 親 親
Thánh nhân chế lễ, đạo mạc trọng ư thân thân ;
朝 廷 推 恩 義 尤 敦 於 貴 貴
Triều-đình suy ân, nghĩa vưu đôn ư quí quí.
載 頒 制 綍
Tái ban chế phất ;
用 貴 幽 扃
Dụng bí u quynh.

具 位 某
Cụ vị Mỗ

淑 慎 柔 嘉
Thục thận nhu gia,
端 貞 靜 一
Đoan trinh tĩnh nhất.
當 乾 坤 草 昧 之 際
Đương càn khôn thảo muội chi tế,
形 弓 閫 勃 儉 之 風
Hình cung khổn cần kiệm chi phong.
靈 山 藂 桂 之 艱 難 尤 資 主 饋
Linh sơn khưu bỉ chi gian nan, vưu tư chủ quỹ,

凜 露 衣 裳 之 藍 縷 正 賴 彌 縫

Lẫm lộ y thường chi lam lũ, chính lại di phùng.

每 念 佐 輔 先 朝 之 功

Mỗi niệm tá phụ tiên triều chi công,

豈 忘 保 佑 冲 人 之 德

Khởi vong bảo hựu xung nhân chi đức.

時 方 大 定

Thời phương đại định,

人 已 云 亡

Nhân dĩ vân vong,

欲 伸 至 孝 之 情

Dục thân chí hiếu chi tình,

敢 後 追 崇 之 典

Cảm hậu truy sùng chi điển.

是 用 擇 寘 三 妃 之 列

Thị dụng trạc chí tam phi chi liệt,

以 昭 異 數 之 榮

Dĩ chiêu dị số chi vinh.

於 戲

i hi

生 養 雖 殊 恩 有 同 於 罔 極

Sinh dưỡng tuy thù, ân hữu đồng ư võng cực,

死 生 無 間 期 默 佑 於 永 終

Tử sinh vô gián, kỳ mặc hựu ư vĩnh chung.

DỊCH NGHĨA : Trẫm nghe :

Thánh nhân đặt lễ, đạo không gì trọng hơn yêu mến người thân ;

Triều đình ra ân, nghĩa chẳng gì hậu hơn tôn trọng bậc quý,
Nay ban chế sách, để làm sáng rọi nơi tối mờ.

Đức Bà mỗ,

Người vốn Tính hạnh nhu mì, đoan trang tĩnh nhất.
Đương khi mờ tối bao trùm trong khoảng trời đất ;
Đã tỏ tinh thần cần kiệm ở chốn cung vi.
Khi ở núi Linh-Sơn, lương thực khô khan, từng nhờ lo liệu ;
Hồi ở trại Lẫm-Lộ, áo xiêm rách rưới, thường cậy vá may.
Những nhớ đến công giúp đỡ tiên-triều,
Há lại quên ơn phù-trì tiểu-tử.
Buổi vừa bình định, người đã qua đời,
Tình chí hiếu muốn tỏ ra.
Lễ truy sùng phải nhớ đến,
Vậy tôn Bà lên hàng ba vị Hậu-phi, để tỏ sự vinh quý bậc biệt.

Than ôi !

Sinh nuôi dẫu khác, ơn săn sóc chính cũng như nhau,
Sống thác là thường, việc hộ trì hẳn là còn mãi.

Đó là những bài văn hay, làm cho người đọc được khoái trá.

Có lần ông bị lỗi phải hạ ngục, nhưng lại được tha ngay. Dần thăng lên đến Môn-hạ Tả-Gián-Nghị-Đại-Phu, kiêm Hàn-Lâm Thừa-Chỉ Học-Sĩ, tước Tế-Văn-Hầu. Tính điềm đạm có chí ẩn dật. Thơ tặng bạn, có hai câu rằng :

身外浮名烟閣迥
Thân ngoại phù danh yên các quỳnh,
夢中花鳥故山知
Mộng trung hoa điểu cố sơn tri.

DỊCH :

Việc được ghi công trên gác khói cao thẳm cũng chỉ là phù-danh ở bên ngoài ;

Thực ra, ta vẫn mơ màng cái cảnh hoa nở chim kêu ở chốn núi rừng xưa.

Ông có cái biệt-thự ở Kinh-Bắc gọi là Tiêu-Viên. Cuối năm Thiệu-Bình, ông đến cửa ải Nam-Quan đợi mệnh Bắc-triều. Bấy giờ Thái-Tông Hoàng-Đế ngự giá Bắc-tuần, đến chơi Tiêu-viên, rồi băng hà đêm hôm ấy. Người ta bảo vợ ông là nàng Nguyễn-Thị-Lộ đã giết vua, nên ông bị tội, cả một nhà không kỳ lớn bé đều bị chu di. (Chém bỏ thây ở ngoài chợ).

Khi xưa đánh nhau ở núi Mã-Yên với quân Minh,

quân ta bắt được Thượng-Thư nhà Minh là Hoàng-Phúc. Hoàng giỏi phong-thủy, khi ở nước ta đã đi xem khắp các kiểu đất và có ghi cả. Đến nay Hoàng bị bắt, ông Nguyễn-Trãi coi là tù binh, không cần kính trọng. Hoàng cười bảo rằng :

— Mả tổ nhà tôi có Xá-văn-tinh, nên dù có nạn cũng chỉ trong trăm ngày mà thôi ; không như mả nhà ông, có vạ rất lớn bị tru diệt.

Ông không tin. Sau Hoàng được tha về, mà ông thì vì Thị-Lộ mà mắc tai vạ. Người ta cho là ứng nghiệm.

Nay xét mả tổ nhà ông ở Nhị-Khê, huyệt táng ở ruộng bằng phẳng, người thì cho là cách "Tướng-quân mở cờ", người thì cho là hình "Tướng-quân cụt đầu". Vì hướng nam có cái gò rùa quay đuôi lại. Trong bản Kiểm-ký của Hoàng-Phúc nói rằng : "Nhị-Khê mạch đoản, họa thảm chu di" chính là trỏ vào đấy vậy.

Đời truyền khi ông chưa hiển đạt, ở làng Nhị-Khê dạy học-trò, một hôm trỏ cái gò ngoài đồng bảo học-trò :

— Ngày mai các anh giẫy cỏ ở cái gò ấy để dựng nhà học.

Học trò vâng lời. Tảng sáng hôm sau, ông nằm mơ thấy một người đàn bà đến nói :

— "Tôi, người còn yếu, con còn nhỏ, xin hãy thư cho ba bữa, để tôi được dời đi nơi khác".

Tỉnh dậy, ông ra đồng xem, thấy học trò đã dọn cái gò xong rồi. Họ bắt được hai quả trứng; hỏi lý do, họ nói :

— Vừa rồi thấy con rắn, chúng con đánh nó cụt đuôi chạy mất.

Ông cầm hai quả trứng về nuôi giữ. Đêm hôm ấy giong đèn đọc sách, ông thấy một con rắn trắng leo trên xà nhà, rỏ giọt máu xuống sách, ướt chữ đại (代) (là đời), vết máu thấm xuống ba tờ giấy. Ông tự hiểu mà rằng :

— Nó sẽ báo oán ta đến ba đời sau.

Trứng rắn nở ra được hai con, một dài một ngắn, ông sai đem thả xuống sông Tô-Lịch ở làng bên, nay những rắn ấy làm thần sông.

Khi ông hiển-đạt, thường mỗi ngày ở Triều-đình về, qua phố hàng Chiếu, gặp một người con gái nhan sắc rất đẹp. Hai bên dùng thơ đùa cợt, rồi ông yêu mến, lấy về làm thiếp. Trong năm Thiệu-Bình, người ấy thường đi lại vào trong cung cấm, vua Thái-Tông cho làm chức Nữ Học-Sĩ. Đến khi vua thăng-hà, Triều-đình đem nàng ra tra hỏi. Nàng nói là do ông xúi. Vì thế nên ông phải tội. Khi bị hành hình, người con gái ấy hóa làm con rắn, bò xuống mặt nước mất.

Ông có một người thiếp chạy trốn xuống vùng Sơn-Nam, ẩn ở nhà người, rồi sinh ra được một người

con trai là Anh-Võ. Sau lâu, nhà chủ mới biết người đàn bà ấy là vợ lẽ của ông. Khoảng năm Quang-Thuận (1460 - 1469) vua Thánh - Tông lên nối ngôi, thương ông mắc oan, xuống chiếu rửa tội, truy tặng là Thái-Sư Tuệ Quốc-Công. Dò hỏi về con cháu ông Trãi, mới tìm được Anh-Võ đem về. Nhớn lên, Anh-Võ làm quan ở Đài-sảnh, rồi phụng mệnh đi sứ Tàu. Khi qua hồ Động-Đình, thấy trên mặt nước xuất hiện một con rắn, rồi sóng gió nổi lên dữ dội, ông khấn xin cho đi xong việc nước, sóng gió mới im. Sau khi đi chầu vua Tàu về, đến hồ Động-Đình, thuyền bị úp sấp mà chết đuối, được truy tặng Thái-Sư Sùng-Quốc-Công.

Trong năm Cảnh-Hưng (1740 - 1786) làm sổ dân chính, Triều-đình bàn muốn rút bớt ân trạch đối với những công-thần khai quốc. Khi xem đến đạo sắc của ông Trãi, quan Thị-Lang Bộ-Hộ là Bảng-Nhỡn Lê Quý-Đôn xé đi mà rằng :

— Đây là loạn thần tặc tử, còn cáo sắc làm gì ?

Nói chưa dứt lời thì mơ màng ngủ lịm đi, thấy hai người lính đến bắt đem đi một nơi : chung quanh có tường bao vây và những cây cổ thụ, thân cây lớn hàng mười vòng tay người. Trên điện có đến mấy chục chiếc ghế bành chạm rồng, hành lang phía hữu đặt một cái sập cao, có một vị văn-quan ngồi, đội mũ phốc-đầu, mặc áo bổ phục, (5) hai bên tả hữu có người đứng uy

nghiêm. Lính điệu ông Bảng-Nhỡn vào, bắt quỳ xuống dưới thềm. Vị văn-quan ngồi trên sập cao quát lớn :

— Ta là Tế-Văn-Hầu đây, nhà ngươi là một gã tiểu-sinh mới học, sao dám càn giỡ xúc phạm đến bậc bề tôi cũ có công của Triều trước, tội đáng chết không thể tha thứ.

Ông Bảng-Nhỡn nín hơi không dám ngửng mặt trông lên. Cạnh đấy có một viên khăn mỏng, áo tấc, van xin hộ. Một lúc lâu, Tế-Văn-Hầu mới nguôi giận mà nói :

— Công danh, sự nghiệp của ta, cố nhiên không thèm so sánh với nhà ngươi. Duy ngươi thường hay tự kiêu là tay giáp-bảng, thì về thử đọc bài Bình-Ngô Đại-Cáo của ta, nếu ngươi có viết được hay hơn, thì xé sắc của ta, mới không có lỗi.

Tỉnh dậy, ông Bảng-Nhỡn phải vội viết trả đạo sắc như cũ. Các công-thần nhân thế không bị rút bớt ân trạch.

Ôi ! Ông là người có những công lao to lớn như thế, mà không giữ nổi được mình, con cháu lại bị chu di gần hết. Chó cỏ, rồng đất (4) vẫn là mối than chung từ xưa đến nay, thực đáng buồn thay. !

CHÚ-THÍCH :

(1) Hán Cao-Tổ khi còn hàn vi, phải ẩn náu ở núi Mang-Đường. Sách nói " thường có đám mây ngũ sắc che ở bên trên.

(2) Hán Cao-Tổ bị quân Sở vây ở Tuy-Thủy, nhờ một trận gió bão tung cát mù mịt. mới được giải vây mà thoát nạn.

(3) Khi vua Quang-Võ vì hết lương thực ở sông Hô-Đà, Phùng-Dị dâng cơm, lại khi vua bị đói ở Võ-lâu-Đình, Phùng-Dị dâng cháo.

(4) Đời xưa cúng tế thường tết chó cỏ, nặn rồng đất để cúng. Cúng xong thì vứt đi. Vì thế người ta thường ví vào những công thần, sau khi đánh đông giẹp Bắc xong; lại bị coi rẻ.

(5) Bổ phục là thứ áo trước ngực, sau lưng có thêu kim tuyến và chỉ tơ ngũ sắc. Áo quan văn có những hình cầm ; áo quan võ có hình thú, để nêu rõ phẩm trật các quan.

III

裴 公 拎 虎

Ông BÙI-CẦM-HỔ

Ông Bùi-Cầm-Hổ người làng Độ-Liêu, huyện Thiên-Lộc, học rộng và có tài kinh tế, (trị nước giúp đời). Khi ông ở Kinh-đô, có một người đi buôn ở xa về, người vợ nấu canh lươn cho ăn, rồi chết, (có thứ lươn giống rắn có nọc độc, có thể làm chết người). Quan xử tội người vợ. Ông biết là oan, cố sức phân biện, việc ấy được sáng tỏ trước công lý. Vì thế, ông được triệu dùng làm quan trong Triều. Đình thần thấy ông không đỗ đạt gì mà làm nên, nhiều người không phục. Gặp khi có kỵ ở Thái-miếu, chọn giờ lành làm lễ trước lúc giời sáng. Theo lệ, các quan hôm ấy, phải

trai giới sạch sẽ, đến họp ở hành-lang Thái-miếu từ nửa đêm, nhưng một mình ông đến túc-trực từ ban tối (từ giờ Dậu : 18-20 giờ). Đêm hôm ấy mưa to gió lớn, chốc lát Ngự giá đến nơi : các quan không một ai tới cả. Vua nghĩ là lễ lớn không nên đổi lại giờ khác, sai ông kiêm làm cả mọi việc. Một mình ông tới lui, trong việc trở đậu (1) mọi việc dâng lễ, hết thảy đều hợp nghi tiết. Bấy giờ những thuộc viên bộ Lễ, ý định làm quẫn ông, đốt trầm trong lư hương lại không lót gio ở dưới. Ông liền rút chiếc khăn ướt trong túi để lót dâng đến vua, tâu là lư-hương nóng, xin lấy khăn đỡ, rồi lui xuống, mặt không mất dáng vẻ bình thường. Lúc đọc chúc, cây nến ở trên điện bỗng tắt, ông cứ đọc mò mà không sai một chữ nào cả. Khi đốt được lửa thì ông đã đọc xong. Vua phải khen tài. Trong năm Thái-Hòa (1443-1453) ông làm quan đến Ngự-Sử Trung-thừa, lĩnh chức An-phủ trấn Lạng-Sơn, rồi thăng Tham-Tri Chánh-Sự. Làng ông ở giáp bể ven núi, thường khổ về nạn nắng và lụt, ông liền thuê người xếp đá lên làm cái đập men theo núi Hồng-Lĩnh, rồi khơi dẫn nước ngòi cho chảy quanh queo vào đồng ruộng, như kiểu kênh đào đời xưa. Cái cừ ấy đào thành, dẫn được đủ nước cày cấy cho hơn nghìn khoảng ruộng, lợi cho người làng nhiều lắm.

Khi mất, người ta lập đền thờ ở dưới núi Bạch-

Tụy và được vua phong là Phúc-thần. Cuối đời Cảnh-Hưng, miền Hoan-Châu loạn lạc, duy đất ấy không lợi cho việc hành quân, (về cả quân bộ và quân kỵ), nên được yên ổn.

CHÚ-THÍCH :

1) 俎 Trở : Cái mâm để dâng muông sinh lên lễ ;
豆 Đậu : Cái đài có nắp dậy, để dâng thịt cúng tế.
(Hai chữ này nói về việc dâng lễ cúng)

IV

鬼 詩

THƠ MA

Kính-Phủ

Chùa Nguyệt-Đường ở gần trấn Hoa-Dương là một nơi đô hội. Gần đây, có một người qua chơi, thấy trên vách có đề một bài thơ tứ-tuyệt rằng :

幾 年 不 到 月 堂 門
Kỷ niên bất đáo nguyệt đường môn
上 刹 依 依 鎖 淚 痕
Thượng sát y y tỏa lệ ngôn
宿 草 墳 前 妻 妹 恨
Túc thảo phần tiền thê muội hận
荒 邱 一 壘 葬 三 魂
Hoang khâu nhất lũy táng tam hồn.

DỊCH VẦN :

Mấy năm không đến Nguyệt-đường-môn,
Cột, tháp, (1) y nguyên, ngấn lệ còn !
Cỏ ngập trốc mồ em với vợ,
Gò hoang một dãy táng ba hồn.

Bài thơ trên lời rất thê thảm, nên người ta ngờ là THƠ MA.

GIẢI NGHĨA :

Đã mấy năm nay, không tới chùa Nguyệt-Đường. Cảnh chùa còn nguyên phong ngấn lệ.

Vàng cỏ xưa um tùm trước mồ như bao trùm nỗi hờn của vợ và em gái, chôn vùi trong bãi hoang vu.

CHÚ-THÍCH :

— Sát sát : cái cột phan ; cái tháp (cảnh nhà chùa).

V

范 五 老

Ông PHẠM-NGŨ-LÃO

Tùng-Niên

Làng Phù-Ủng, huyện Đường-Hào, có ông Phạm-Ngũ-Lão, nhà chuyên nghề làm ruộng. Ông mặt mũi khôi ngô, tài gồm văn võ. Nhà ông liền đường cái, nên thường ngồi xếp bằng tròn vót nan ở ven đường. Một hôm, nhân khi Đức Trần-Hưng-Đạo từ Vạn-Kiếp về Kinh, qua đó. Quan quân đi trước đến nơi quát đuổi,

ông vẫn ngồi im không đứng dậy. Quân lính lấy ngọn giáo đâm vào đùi, ông cũng cứ ngồi yên như cũ. Khi xe Đức Hưng-Đạo đến, ngài lấy làm lạ hỏi, ông thưa rằng :

— Tôi đương mải nghĩ một việc, nên không để ý đến.

Ngài càng lấy làm lạ, hỏi đến sự học thì thấy kinh, truyện, binh thư, đều thông hiểu, ứng đáp trôi chảy. Ngài sai lấy thuốc rịt vào chỗ bị đâm, rồi cho ngồi xe sau về Kinh. Đến nơi, Đức Hưng-Đạo tiến lên Triều-đình, cho cai-quản cấm-vệ. Vệ-sĩ không phục, tâu xin cùng ông thử sức, ông bằng lòng. Nhưng trước khi đấu sức, ông xin phép về nghỉ nhà 3 tháng. Về nhà, ngày nào ông cũng ra cái gò lớn ngoài đồng, đứng cách một tầm mà nhảy lên, nhảy mãi đến nỗi cái gò phải sụt mất một nửa. Hết hạn nghỉ, ông lại trở lại Cấm-thành, cùng bọn vệ-sĩ so tài. Tay đấm chân đá, đi lại vùn vụt như bay, ngàn người không địch nổi, ai nấy đều phải phục là giỏi. Gặp khi Tù-trưởng Ai-Lao đem hơn một vạn con voi kéo sang cướp phá hai trấn Hoan, Diễn, đi đến đâu, quân kỵ quân bộ của ta đều phải vỡ chạy. Triều-đình sai ông đi đánh, ông truyền cho những dân trong vùng làng nào cũng phải chặt những khúc tre gốc dài năm, sáu thước, chất đống chửa để sẵn đấy. Khi gặp giặc, ông ra lệnh cho các quân đứng lại, một mình đi chân không vào, vớ những khúc tre mà đánh vào

chân voi. Voi đau kêu rống và chạy tán loạn, quân Ai-Lao bị thua, đương đêm phải trốn.

Hưng-Đạo-Vương hai phen bắt giặc Hồ, Nguyên. Ông Phạm-Ngũ-Lão giúp sức rất nhiều.

Ông làm đến Điện-Súy Thượng-Tướng-Quân. Khi mất, được thăng làm Phúc-thần, dựng miếu thờ ở ngay nền nhà cũ.

Ông có thơ rằng :

橫槊江山恰幾秋
三軍貔虎志吞牛
男兒未了功名債
羞咱人間說武侯

Phiên âm :

Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ chí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ-Hầu.

Dịch vần :

Ngọn giáo non sông trải mấy thâu,
Ba quân tỳ hổ át sao ngưu (1).
Công danh nếu để còn vương nợ,
Luống thẹn tai nghe truyện Vũ-Hầu (2).

(Trích Nam-Hải Dị-Nhân của Phan-Kế-Bính, trang 84)

Ấy cái chí hăng hái, cứng mạnh của ông đã biểu lộ rõ trong những vần thơ trên.

GIẢI NGHĨA :

Để bảo vệ giang sơn, ông cầm ngọn giáo ngang dọc đã mấy thu rồi. Ba quân của ông hùng mạnh như hùm, như báo, át cả sao Ngưu.

Là kẻ nam nhi mà chưa trả xong cái nợ công danh thì há chẳng hổ thẹn khi nghe người ta nói đến chuyện Gia-Cát Vũ-Hầu ru ?

Sau đó, ông Phạm-Quý-Thích ở làng bèn làm bài thơ để miếu thờ ông Phạm-Ngũ-Lão, có những câu sau :

三 朝 事 業 餘 編 在
萬 古 江 山 一 槊 橫
Tam triều sự nghiệp dư biên tại,
Vạn cổ giang sơn nhất sáo hoành.

Dịch nghĩa :

Sự nghiệp hiển hách trải ba triều, sử sách hãy còn ghi đó.

Với một ngọn giáo cầm ngang, ông đã bảo vệ được cả một giang sơn.

Lại có câu rằng :

書 生 亦 有 吞 牛 志
悔 恨 遺 吟 和 不 成
Thư sinh diệc hữu thôn ngưu chí,
Trù trướng di ngâm họa bất thành.

Dịch nghĩa :

Kẻ thư-sinh này cũng có chí lớn (nuốt cả sao Ngưu), thế mà muốn họa thơ ông, lại không họa được.

CHÚ-THÍCH :

1) Câu thứ hai bài thơ trên : (Tam quân tỳ hổ thôn ngưu chí), có chỗ dịch là : "Ba quân hùng mạnh như tỳ, hổ, chí nuốt cả trâu". (Một nhân-viên trong Hội-đồng duyệt-sách cũng dịch như thế).

Lại có chỗ dịch là : "Ba quân hùng mạnh như tỳ, hổ, có thể ắt được cả sao Ngưu". (Nam-Hải dị-nhân liệt truyện, trang 84). Đó là căn cứ vào câu cổ thi : "Khí xung ngưu đẩu 氣 冲 牛 斗" nghĩa là có khí mạnh ắt được cả sao Ngưu, sao Đẩu.

Tả thơ thường dùng bóng dáng như xem hoa trong gương, trông giăng đáy nước, (鏡花水月). Câu thơ chữ Hán trên cũng có ý hình dung sức hùng mạnh của ba quân dưới sự chỉ-huy của một kiện tướng, và đề cao tinh-thần chiến đấu quả hăng hái, ắt được cả sao Ngưu, sao Đẩu.

Vậy xin ghi theo lời dịch của Phan-Kế-Bính, trong cuốn Nam-Hải Dị-nhân liệt truyện, là một cuốn sách đã được dùng làm tài-liệu giáo khoa (chương trình học thi Tú-Tài).

2) Vũ-Hầu là Gia-Cát-Lượng tức Khổng-Minh dựng nên nhà Thục-Hán ở Tứ-Xuyên, Trung, nghĩa, tài, trí, tiếng thơm truyền đề muôn đời.

ĐẠM-NGUYÊN

IV

會 試

THI HỘI

Tùng-Niên

Từ hồi Trung-hưng trở về sau, mỗi khi gặp khoa

thi Hội nào, ngày vào trường, kỳ thi thứ nhất, thì từ đầu trống canh năm, trong ngoài đều phải sẵn sàng, nghiêm chỉnh đâu đấy. Từ mờ sáng, trước quân Cảnh, sau quân Tất (1), Hoàng-thượng ngự ra điện Giảng-sách, hoặc gọi là Điện thí. Soái-phủ (chúa Trịnh) đến trước Ngự-Tọa ; làm lễ tham yết. Hoàng-thượng đứng dậy, và truyền miễn lạy, mời ngồi. Trăm quan đều đội mũ phốc-đầu, mặc áo bổ-phục (2), đi hia, đeo đai chững chạc. Quan Khởi-cư Thị-thần nghĩ soạn đầu bài thi tiến trình, quan Khâm-Sai chịu mệnh mà đi ra cửa, ngồi kiệu che lọng vào trường ra đầu bài thi. Gần trưa, Ngự-giá về cung. Đến kỳ thi thứ hai, thứ ba và thứ tư thì Soái-phủ đi thay, các bề tôi theo hầu chỉ phải đội mũ bình đính, mặc áo thụng xanh, đi giầy buộc giải, làm lễ bốn lạy dâng đầu đề, rồi quan Khâm-sai chịu mệnh đi ra như kỳ thứ nhất. Trải qua các triều vua chúa đều lấy làm lệ thường.

Niên hiệu Cảnh-Hưng, khoa thi năm Ất-Mùi, Thánh-Tổ Tĩnh-Vương (Trịnh-Sâm) đến điện Giảng-sách, truyền cho trăm quan, mũ áo triều yết phải đúng như khi Hoàng-Thượng ngự ra xem. Quan Thượng-Thư Nguyễn-Bá-Lân chỉ mặc thường phục làm lễ bốn lạy, lên thưa rằng: "Từ xưa các đấng Liệt-thánh Tiên-vương, vẫn giữ đạo tôn phù nhà vua, truyền dõi trải hơn hai trăm năm, nay một sớm thay đổi, sợ để sự ngạc nhiên cho mọi người đến xem". Nguyễn-Hoàn là

Sư-Phó Đại-Thần không biết can ngăn Chúa còn xin chém đầu ông Nguyễn-Bá-Lân để tạ thiên-hạ. Chúa không vui lòng, bèn hồi loan.

Tối hôm ấy, một người học trò ở trong trường ra, về nghỉ, thay áo bên ngoài điện, ban đêm nghe thấy trong điện có tiếng người nói ;

"Ba giường (3) đã đứt, nhà Lê còn lâu dài sao được". Bừng dậy tìm xem, trong điện vắng vẻ không còn một ai cả, bèn ra về. Sau khi (vạc đồ) thay đổi triều vua, người ấy mới kể câu chuyện này với người quen.

CHÚ-THÍCH :

(1) Quân Cảnh, quân Tất là những quân lính phòng vệ trước sau và dẹp đường khi nhà vua ra vào.

(2) Xem chú thích nơi trang 129.

(3) Ba giường tức là tam cương (ba mối giường)

VII

陶 母 塚

Ngôi mộ bà mẹ ĐÀO-KHẢN

Tùng-Niên

Đất làng Đa-Ngưu, huyện Văn-Giang, trấn Kinh-Bắc, đã được các nhà phong thủy cho là kiểu đất đẹp hình con trâu nằm. Trong tập Địa-kiểm của Cao-Biền có câu "Thấy cỏ thì ngừng, thấy thừng thì đứng", chính là trỏ vào kiểu đất này vậy.

Trong năm Cảnh-Hưng đời Lê, có một họ to kia nhờ thầy Địa-lý tìm giúp kiểu đất tốt để táng, đào phải cái huyệt trong quan ngoài quách, sơn son đỏ chói, trên khắc 4 chữ : "Đào-Khản chi mẫu", nghĩa là Mẹ của Đào-Khản. Việc đến tai Súy-Phủ sai quan đến xét, rồi lại lấp giả nguyên như cũ.

Về ngôi mả này, đời truyền khi ông Đào-Khản có tang, có người khách đến viếng, trỏ chỗ trâu nằm bảo là nên táng (việc có chép ở trong sử-ký nhà Tấn rành rành đủ làm chứng cớ). Chưa từng nghe thấy nói là chôn ở cái gò đất hình con trâu nằm. Vả lại mả mẹ mà ghi mượn tên con, cũng là việc chưa từng thấy. Xin cứ chép vào đây để đợi những bậc biết rộng. Năm gần đây, sông Ứng-Mộ ở huyện Vĩnh-Lại, nước chảy đục hoắm vào một cái gò lớn, làm bật ra một cái quan tài sơn son thiếp vàng trên có dòng chữ : "Phục-Ba Tướng-Quân chi thiếp" nghĩa là vợ lẽ quan Phục-Ba Tướng-quân... Lại ở một làng thuộc về xứ Sơn-Nam cũng vậy. Nên phụ chép vào đây.

CHÚ-THÍCH :

Đào-Khản danh thần đời Tấn-Minh-Đế (323-325) phong Tràng-sa quận công, từng làm Đô-Đốc quân sự 7 châu, cầm binh hơn 40 năm, rất hùng nghị, sáng suốt, quả quyết.

VIII

東華門古廟

CÁI MIẾU CỔ Ở CỬA ĐÔNG-HOA

Thành Thăng-Long (Đông-đô) đắp từ đời vua Lý-Thái-Tổ. Hồi ấy nhà vua xuống lệnh rất là nghiêm-khắc, những học-trò ở trường Quốc-Học cũng phải ra cuốc đất đội sọt. Phạm-Sinh tên là Khởi-Trương người yếu ớt không kham nổi việc nặng nhọc, đứt hơi ngã lăn ra bên cạnh cửa Đông-Hoa, bị phu tráng đắp đất lấp đi. Sau mấy tháng, người vợ biết tin mới ở nhà quê lên chịu tang, ngoảnh vào tường thành mà gào khóc ba ngày không dứt, thành bỗng nhiên đổ, Phạm-Sinh lộ ra, mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sống, ai trông thấy cũng phải kinh dị. Việc đến tai Triều-đình, sai dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, đến nay hãy còn. Nay có người nói là miếu Cửa-Đông ở thành Lạng là nhận lầm vậy.

IX

野寺伽藍

TƯỢNG GIÀ-LAM TẠI NGÔI CHÙA Ở NGOÀI CÁNH ĐỒNG

Tùng-Niên

Tháng quý hạ (tháng ba) năm Mậu-ngọ tại làng Kim-Ngưu, huyện Văn-Giang, có vợ chồng anh Mỗ,

cùng nhau gánh cỏ nát ra đồng để vun khoai. Buổi trưa bỗng thấy một người đàn ông to lớn cao hơn một trượng, mặt đỏ như gấc ở trong một ngôi chùa giữa đồng đi ra, lôi người đàn bà vào trong chùa. Mỗ vừa chạy vừa kêu, về đến cổng làng, thì người làng kéo ra rất đông ; cùng Mỗ kéo đến cái chùa ấy. Mọi người vào chùa, thấy người đàn bà đứng dựa cột ở gian bên hữu phía trước mặt Phật điện, mê man như say rượu. Pho tượng Già-Lam thì sắc mặt thốt nhiên biến đổi, trên tay hữu còn phủ một cái khăn vuông của người đàn bà. Ai nấy đều cho là lạ, liền đạp đổ pho tượng và phá hủy đi.

X

崖 膺 碑

BIA NÚI THÀNH NAM

Kính-Phủ

Tương-Dương Thành-Nam thuộc phủ Trà-Lân trấn Nghệ-An, xây đắp từ đời nhà Trần. Vì thành ở phía Nam sông lớn, đằng trước cách xa độ một dặm có núi Thành-Nam nên gọi là Thành-Nam ; Vua Minh-Tông nhà Trần thân đi đánh Ai-Lao, xa giá về đến Kiềm-Châu, sai từ-thần là Nguyễn-Trung-Ngạn khắc đá ghi công, chính là chỗ ấy.

Đời Lê, trong năm Cảnh-Hưng, rợ Mang-Thai kết liên với Lao-Lung đi đánh phá Ai-Lao, tiến gần đến Trấn-Ninh, quan Đốc-đồng Bùi-Huy-Bích phụng mệnh đi kinh-lý việc ngoài ven, dừng xe ở Tương-Dương, trèo lên núi xem bia. Chữ bia khắc to bằng bàn tay, sâu đến một tấc. Ông Bùi lấy mực đặc quét vào để rập lại.

Nay chép bài bia ấy như sau :

皇越朝陳第六帝章皃

Hoàng-Việt Trần-Triều đệ lục đế, Chương-Nghiêu

文哲太上皇帝受天眷

Văn-Triết Thái-Thượng Hoàng-Đế, thụ thiên quyến

命奄有中夏薄海内外罔不

mạnh. Yểm hữu trung hạ, bạc hải nội ngoại, võng bất

臣服暴爾哀牢猶梗王化屡

thần phục. Toại Nhĩ Ai-Lao, do ngạnh vương hóa. Tuế

在乙亥孝秋帝親帥六師巡于西鄙

tại ất-hợi quí thu, Đế thân súy lục sư, tuần vu tây bỉ.

占城國世子真臘國遣羅

Chiêm-thành quốc thế-tử, Chân-lạp quốc, Tiêm La

國臣婁酋長臣葵擒卓勒新

quốc thần, Man tù-trưởng thần Quỳ. Cầm Sa-Lặc, Tân-

附岔婁酋長道譽卓婁諸部

phụ Bồn man. Tù-Trưởng đạo thanh Xa man chư bộ,

各奉方物爭先迎見獨
các phụng phương vật, tranh tiên nghinh kiến. Độc
逆倮執迷畏罪未即來朝季
nghịch Bồng chấp mê úy tội, vị tức lai triều. Quý
冬帝駐蹕于密州巨屯之原乃
đông, Đế trụ tất vu Mật-Châu Cự-Đồn chi nguyên, nãi
命諸將及蠻夷之兵入于其
mạnh chư tướng, cập Man di chi binh, nhập vu kỳ
國逆倮望風奔走送降
quốc, nghịch Bồng vọng phong bôn tẩu. Toại giảng
詔班師辰開祐七年乙亥冬
chiếu ban sư. Thời khai-hựu thất niên, Ất-hợi đông
閏十一月日勒石
nhuận, thập nhất nguyệt nhật lặc thạch.

DIỄN NGHĨA :

Hoàng-Việt triều Trần, vị vua thứ sáu là Chương-Nghiêu Văn-Triết, Thái-Thượng Hoàng-Đế, vâng chịu mạnh giời quyến cố, gồm có cả cõi trung hạ, trong đất ngoài bể đâu đâu cũng đều thần phục. Vậy mà Ai-Lao là một xứ nhỏ, còn dám ngang ngược trái mạnh nhà vua. Năm Ất-hợi (1335), cuối mùa thu, vua thân đem sáu đạo quân đi tuần ở cõi tây. Thế-tử nước Chiêm-Thành, bầy tôi nước Chân-Lạp, nước Tiêm-La, tù-trưởng dân Mán là Quỳ-Cầm Xa-Lặc, tù-trưởng Bồn-Man mới quy phục và các bộ mán Thanh-xa, đâu đấy đều đáng lễ-vật, (địa-phương) tranh nhau đón rước xin

vào lậy mừng. Duy có nghịch Bồng giữ lỗi sợ tội, không lại chầu ngay. Cuối mùa Đông, vua đóng quân ở cánh đồng Cự-Đồn tại Châu-Mật. Sai chư tướng và quân các rợ kéo vào nước nó, nghịch Bồng theo gió chạy trốn. Vua bèn xuống chiếu thu quân về. Niên hiệu Khai-Hựu thứ bảy, năm Ất-hợi mùa đông, ngày tháng II nhuận, khắc đá.

XI

太 宰 公

CỤ THÁI-TỂ

Kính-Phủ

Cụ Tổ tám đời nhà tôi là quan Thái-Tể Trung-Thuần, húy là Thực, người làng Vân-Điềm, huyện Đông-Ngạn. Ông nội húy là Bồn được tặng phong Thái-Bảo Duyên-Phúc-Hầu. Thuở trẻ trong làng có viên nội thần Mỗ mời thầy địa-lý đến xem đất, điểm một cái huyệt. Ông đi chăn trâu trông thấy, liền ghi nhớ lấy. Sau Mỗ táng ở chỗ khác, Hầu rước tiên-phần đến táng ở huyệt này. Ông Thái-Tể thuở nhỏ chăm chỉ học-hành. Bấy giờ quan Thượng-Thư Đàm-Cư ở làng Ông-Mặc cùng huyện, là người được hưởng phong ấp ở Vân-Điềm, thường xem ngôi đất ấy, biết rằng rồi ông sẽ làm nên, bảo người lý-trưởng nên miễn những tạp dịch cho ông, để ông được chuyên vào việc học. Không

bao lâu ông đi học về, cùng người trong làng làm việc cho ông Đàm, ông Đàm trông thấy hỏi tuổi, rồi ra câu đối rằng :

十 八 力 能 撥 土
Thập bát lực năng đài thổ

(nghĩa là 18 tuổi có sức khuân vác được đất)
Ông liền đối ngay rằng :

九 五 龍 飛 在 天
Cửu ngũ long phi tại thiên

(nghĩa là cửu ngũ tượng rồng bay trên giời ; cửu ngũ là hào cửu ngũ, chữ sẵn ở trong kinh dịch).

Đàm Công khen ngợi mà rằng :

— Gã này mai sau, ta sẽ không thể theo kịp được.

Ông Đàm liền vào nhà trong bàn việc hôn nhân, đem người cháu gái gả cho ông. Bà này sau được phong Quận phu-nhân. (Ông Tổ bảy đời tôi là quan Thái-Phó Cung-Ý húy Nghi là do bà sinh ra vậy).

Năm Ất-Mùi, niên hiệu Quang-Hưng thứ 18 (1595), đời vua Thế-Tông nhà Lê, mở khoa thi thứ nhất của đời Trung-Hưng, ông thi đỗ Đình-nguyên Nhị-giáp Tiến-sĩ. Làm quan đến Tán-trị Dực-vận công-thần, Thượng-thư Hộ-bộ, Quốc-lão Thái-Phó, Lan Quận-Công, về trí-sĩ. Khi mất được tặng Thái-Tể và ban tên thụy là Trung-Thuần. Con ông là Cung-Ý đỗ Tiến-sĩ

khoa Kỷ-Mùi, niên hiệu Hoằng-Định, làm quan đến Lại-bộ Thượng-Thư Thiếu-Phó Dương Quận-Công, khi mất tặng hàm Thái-Phó, ban tên thụy là Cung-Ý.

Thuở còn hàn-vi, ông cùng ông Đàm-Nhị thi đã trúng thức (1) ở làng Ông-Mặc, đến cầu mộng ở đền Châu-Võ huyện Yên-Phong. Ông nằm chẳng thấy gì, duy ông Đàm thấy bài thơ rằng :

言 覃 玉 耳 夢 祥 明
Ngôn Đàm ngọc Nhĩ, mộng tường minh,
第 一 開 科 第 一 名
Đệ nhất khai khoa, đệ nhất danh.
父 貴 子 貴 孫 又 貴
Phụ quí, tử quí, tôn hựu quí.
子 孫 世 世 出 公 卿
Tử tôn thế thế xuất công khanh.

(Hai chữ Ngôn (言) Đàm (覃) chắp lại thành chữ Đàm, (譚) ; Hai chữ Ngọc (玉) Nhĩ (耳) chắp lại thành chữ Nhị, (珥) là tên ông Đàm-Nhị).

DIỄN NGHĨA

Bốn câu thơ trên nghĩa là : Đàm-Nhị chiêm bao đã tỏ tường ; Tên đỗ thứ nhất ở khoa thi thứ nhất : Cha quí, con quí, cháu cũng quí ; Con cháu nối đời làm đến công khanh.

Về sau ông Thái-Tổ thi đỗ làm quan, con cháu hiển quí đúng như câu thơ trên.

Đời truyền rằng ông học ông Thượng-Thư Nguyễn-Công-Phong ở làng Kiệt-Đặc. Khi nhà Mạc mất ngôi, ông Kiệt-Đặc ở ẩn, không ra làm quan và tiến ông Nhị vào Triều, nên ông được trọng dụng. Trong năm Hoằng-Định, ông làm quan đến Lễ-Bộ Thượng-Thư, tước Mỹ-Khê-Hầu. Khi ông làm Thượng-Thư Bộ-Lễ, được đứng đầu hàng quan văn, ông cố từ không nhận. Chúa Trịnh hỏi cớ, ông nói vì trên còn có ông Kiệt-Đặc là Thầy-học. Chúa khen phải rồi nhắc ông Kiệt-Đặc lên đứng đầu hàng. Chuyện này thấy có ở sách Công-Dư-Tiệp-Ký tục-tập, nay cũng phụ chép vào đây để tham khảo.

CHÚ THÍCH :

1) Trúng thức : Khi thi, làm bài vở đúng khuôn phép, nhưng chưa đủ phân điểm lấy đậu Cống, Cử, Tiến-Sĩ. Hoặc cũng có thể hiểu là đã trúng kỳ khảo hạch, đáng được dự kỳ thi hương, vì văn bài làm đã trúng phép tắc.

LỜI DỊCH GIẢ :

Câu đối trên rất hay, vì ông đã nhanh trí nghĩ được câu chữ sẵn trong sách để đối, lại hay về chữ CỬU NGŨ nghĩa là chín năm, đối với mười tám (THẬP BÁT). Lại chữ THỔ là đất đối với chữ THIÊN là giời Đối trọi như thế là hay, vả lại tỏ rõ được khí phách anh hùng.

XII

渡 江

ÔNG ĐỘC

Kính-Phủ

Sông Độc ở xứ Sơn-Nam phát nguyên từ sông Hát, là chi lưu của sông Phú-Lương (Sông Nhị) chảy đến làng Độc-Tín ở huyện Kim-Bảng, hợp với sông Lương mà thành ra sông Độc. Chỗ ngã ba sông, trên bờ có miếu thờ Thần sông, vốn linh-thiêng lắm, những thuyền buồm qua lại tất phải đến yết lễ, nếu không thì cột, buồm, chèo, lái chẳng cái gì còn. Giữa sông có một cái cột không biết dựng lên từ bao giờ. Tục truyền: người ta có chuyện thề bồi, thường đến ôm cái cột ấy, ai gian trá sẽ bị bó chặt vào cột, lôi tuột xuống nước. Khoảng năm Cảnh-hưng, chúa Trịnh ngự giá tuần du phương Nam, thuyền qua chỗ ấy, giữa khoảng sông, bỗng nổi lên một cái bãi, nước sông khô cạn, thuyền không đi được. Chúa sai khơi đào, nhưng đào đến đâu lại đầy đến đấy. Sai người đến lễ khấn Thần đền, hứa sẽ tiến phong. Thì chỉ chốc lát, trong nước bỗng có hai con rắn xuất hiện, dài hơn một thước, to bằng ống tre, bò ngoằn ngoèo qua cái bãi ấy. Rắn bò đến đâu, cát tan ra đến đấy, nước sông lại đầy lên như cũ. Chúa thấy sự linh thiêng, tiến phong cho Thần đền là bậc Thượng-đẳng.

Một người lính thị-hầu là Mỗ, khi đến thu thuế ở làng, thường ra sông tắm, ngồi ở bến hóng mát, lấy sáo ra thổi. Tiếng sáo véo von rất hay. Chợt thấy một con rắn nhỏ bò đến bên cạnh, ngang nhiên cất đầu lên, mắt đỏ như mặt giới. Mỗ bèn nói đùa rằng :

— Mày muốn nghe ta thổi sáo chăng ? Hãy theo ta về nhà.

Con rắn liền bò lên nón Mỗ mà nằm. Mỗ đem về đến đình, trong đình mọi người đang uống rượu, mời Mỗ vào thết đãi. Chiều tối ra về, dọc đường đánh rơi cái nón, con rắn nằm lăn ở đất, không dậy. Mỗ giận nói :

— À mày lại dỗi với tao à.

Liền lấy gót chân nện chết.

Trong tháng ấy, vị Quản-Lĩnh Hầu Mỗ ở Kinh-đô bị ốm nặng, thuốc thang cứu chữa mãi không công hiệu. Người nhà mời thầy phù-thủy đến lập đàn thỉnh tướng. Tướng bốc đồng lên nói rằng :

— Hầu ốm không cớ gì khác, chỉ tại tên Mỗ nó giết con thần sông mà nên. Kíp bảo nó đến đền chịu tội, nếu để thần sông quá giận, thì bệnh sẽ không thể khỏi được.

Gọi Mỗ đến hỏi, Mỗ kể rõ đầu đuôi và nói :

— Tôi làm lỗi thì tôi xin chịu lỗi, không dám để lụy đến Ngài.

Hầu bèn sắm lễ vật cho Mỗ đi. Mỗ ngầm lấy vải quấn chặt từ rốn xuống đến đầu gối, cài những con dao nhọn vào, lại dấu riêng trong khố một con dao sắc. Đến nơi, xuống ôm cái cột. Một lúc bị cuốn rút xuống nước, nhưng chỉ ngập từ bụng trở xuống. Ước một trống canh lại ngoi lên vẫy thuyền. Người nhà Mỗ đón coi thấy tay Mỗ đầm đìa những máu. Mọi người đứng xem đều sợ hãi toát mồ hôi, Một lúc Mỗ lại ôm cột, nhưng hồi lâu không bị trụt xuống, bèn lên bờ về. Sáng hôm sau, trên sông vô số những thuồng-luồng, ba-ba chết nổi, nước sông đỏ ngầu. Rồi viên Quản-Lĩnh kia cũng được vô sự.

XIII

鵬 祖 墳

MẢ TỔ QUẬN BẰNG

Kính-Phủ

Quận Bằng Nguyễn-hữu-Chỉnh, người làng Đông-Hải, huyện Chân-Phúc. Đời trước vốn hào-phú bậc nhất trong một vùng. Thân-phụ ông thích về phong-thủy, nghe nói ông Giám-Sinh họ Đỗ ở huyện Thanh-Chương theo chân-nhân Phạm-Viên đi chơi, học được nhiều bí quyết, bèn mời đến nhờ tìm đất để táng mả hộ. Giám-Sinh nhận lời, cắm cho một cái huyệt ở núi Côn-

Bằng. Rồi đó người vợ có thai. Khi sinh, Đỗ-Giám-Sinh đến cửa nghe thấy tiếng trẻ khóc, giật mình mà nói :

Đó là một kẻ gian-hùng ở thời loạn. Làm lầm lỡ cho thiên-hạ chính là ta rồi.

Đứa trẻ ấy khôn lớn lên chính là Quận-Bằng. Khoảng năm Chiêu-Thống, làm đến Đại-Tư-Đồ Bình-Chương Quân-Quốc Trọng-sự. Một thầy tướng xem tướng Quận-Bằng trở ra, nói rằng :

— Đó là sao Thiên-Cẩu giáng xuống, ngôi đến Vương-Công, nhưng tai vạ tất không thể tránh được. Chưa bao lâu Quận-Bằng mắc nạn. Đúng như lời nói đó.

XIV

清 錦 廟

MIẾU THANH-CẨM

Tùng-Niên

Miếu Thanh-Cẩm ở đường Đông-Các, huyện Thọ-Xương thờ vị liệt-sĩ là ông Mỗ (họ tên chưa thể tra xét được) đỗ tiến sĩ đời nhà Mạc làm quan đến Đài-sảnh. Bấy giờ Thành-Tổ Triết-vương (Trịnh-Tùng) đem nghĩa quân ra đánh Đông-đô (Thăng-Long) chúa Mạc phải bỏ Kinh-thành chạy trốn sang bắc, Vương đem quân đuổi theo. Việc đã nguy cấp, ông khoác đai vàng áo gấm từ

hồ Thái-cực đi ra phố Đông-các, cản cương ngựa của Vương. Vương rung chuông đứng dừng lại hội họp các tướng, bàn rồi đem ra chém. Đoạn rồi lại nổi hiệu trống tiến quân, nhưng chúa Mạc đã qua sông rồi. Nghĩa-quân rút về, họ Mạc lại chiếm giữ Long-Biên, bèn dựng miếu thờ ngay ở chỗ ấy, chắn ngang đường đi, hương lửa đời đời phụng tự.

Đời Hy-Tổ Nhân-Vương (Trịnh-Cương) thường đã có lần sai phá miếu, dưới miếu có mả, đầu mình còn nguyên, khơi đào rồi dùng một cơ binh kéo lên mà không nhúc nhích, vì thế miếu không bị phá hủy nữa.

CHÚ-THÍCH :

Theo quân-chế tiên-triều, một cơ binh là năm trăm người.

XV

范 仙 遥 事

DẬT SỰ ÔNG TIÊN HỌ PHẠM

Tùng-Niên

Phạm chân-nhân tên là Viên người làng An-Bài, huyện Đông-thành, đã từng được gặp tiên (đầu đuôi việc gặp tiên có chép trong tập tiểu truyện của ông Ngô-Phúc-Lâm, nên không viết ra đây). Đời truyền khi Chân-nhân đắc đạo trở về, cha là ông Thượng-Thư

đương cầm quyền ở Kinh-Đô, gặp ngày giỗ bà mẹ phu-nhân Mỗ, chân-nhân dẫn bốn tên gia-đồng khiêng một mâm biếu ông Thượng.

Ra khỏi cổng làng, ông bảo bọn gia-đồng nhắm mắt mà đi. Chốc lát mở mắt đã đến chợ Cầu-Rền ở Kinh rồi. Lúc trở về cũng như vậy.

Một hôm ông mặc đồ sô gai chống gậy vào nhà giữa mà khóc rầm lên, Các anh em đều trách là sao lại làm như vậy. Không bao lâu ông Thượng-Thư mất. Chân-nhân bảo các anh em rằng :

— Tôi là một đứa con hư của cha mẹ, đi bỏng lòng lâu năm, nay xin nằm rơm gối đất, chầu chực bên cữu để chuộc lỗi xưa. Các việc lớn chọn ngày ma chay, xin để phần các anh cả.

Mọi người bằng lòng. Đến kỳ sắp đưa ma, các anh em sắm sửa mọi thứ để làm nhà trạm, duy Chân-nhân vẫn lặng im chẳng làm gì cả. Đến trước hôm cất đám một ngày, mới ra ngoài đồng xem ngắm những chỗ làm lễ đình-dư và thượng-thực, một lúc trở về. Sáng hôm sau đưa đám đến những chỗ ấy, đã thấy sẵn sàng nhà cửa đồ sộ, đều là quán ngói của các làng chung quanh, lợn rượu cỗ bàn, các thực phẩm kỳ lạ chẳng thức gì là không có đủ. Tế xong những cỗ ấy dọn ra thiết đãi bạn bè khách khứa, Đêm hôm ấy, những quán đó đâu lại về đấy cả, rồi ông hóa tiên đi mất.

XVI

鄧 公 璨

Ông ĐẶNG-CHẤT

Tùng-Niên

Ông Trạng-nguyên làng Phù-Đổng là Đặng-Chất, khi chưa đỗ một mình học tập ở một cái nhà. Một hôm dậy sớm, thấy người đàn bà bên láng giềng phơi hai cái yếm ở sân, người ấy đi khỏi thì bị người đàn bà ở cùng nhà lấy mất. Tối về, hai mụ đàn bà ấy cãi nhau ầm ĩ mà không dứt khoát được rồi sửa xôi gà cùng nhau ra thề ở đền Đổng-Thiên-Vương. Ông đùa chơi dùng bút ghi lấy. Sau mấy tháng người đàn bà ăn trộm cũng vẫn như cũ không sao cả, ông cười mỉa mai rằng :

— Quỷ thần linh thiêng, ta đủ biết rồi !

Đêm, thần đến gõ cửa bảo :

— Ông Trạng ! Ông Trạng ! Sau này ông xử sự ở Triều-đình, sẽ lấy một mạng người để đền bù cho hai cái yếm phải không ?

Ông sợ hãi giợn người, sáng ra phải đến đền tạ lỗi. Nhưng cũng nhân thế mà từ đó trong lòng được tự mừng vui rằng sau này hẳn đỗ Trạng.

XVII

阮 公 尊 奎

Ông NGUYỄN-TÔN-KHUÊ

Kính-Phủ

Ông Nguyễn-Tôn-Khuê người làng Phúc-Khê, huyện Ngự-Thiên (Hưng-Nhân — Thái-Bình). Thuở nhỏ, ông ngụ ở kinh-đô, không thiết học-hành, hàng ngày chỉ theo bọn trẻ đùa nghịch. Cha giận đánh đập, ông đến ẩn ở chùa Diên-Hưng hàng tuần (10 ngày). Đói thì ăn trộm oản quả cúng Phật để ăn. Người ta biết, mách với người cha, cha đến bắt về nhiếc mắng rất nhục nhã. Ông xin từ nay chăm chỉ đi học, rồi đến học ở trường ông Thám-Hoa Vũ-Thành. Ông Vũ là bậc tôn-sư thời bấy giờ, những học trò làm nên nổi tiếng nhiều lắm, Khi ông mới đến học, cũng không có gì là xuất sắc. Một hôm ông Vũ ra đầu bài thơ "trống mái" để làm tập, bài thơ ông làm, có hai câu tam tứ như sau :

並 立 山 頭 玄 石 亂
Tịnh lập sơn đầu huyền thạch loạn
雙 飛 漢 表 黑 雲 迷
Song phi hán biểu hắc vân mê.

Nghĩa là :

Cùng đứng đầu non, thì đá xanh cũng phải lộn

xộn ; cùng bay trên giời, thì mây đen cũng phải mờ. Ông Vũ khen ngợi rằng :

— Gã này mai sau tất sẽ nổi tiếng thơ hay. Năm 28 tuổi, ông thi đỗ Tiến-sĩ khoa Tân-Sửu, (niên hiệu Bảo-Thái). Bấy giờ ông Nguyễn-Đức-Đôn ở Vĩnh-Kiều vẫn tự phụ mình học rộng, sau kỳ thi thứ tư, ở trường ra, nói với mọi người rằng :

— Khoa này đỗ đầu, trừ ra có Nguyễn-Tôn-Khuê, chứ còn những người khác đều phải lui tránh ta ba xá (30 dặm là một xá).

Lúc ra bảng, ông trúng thứ nhất mà ông Vĩnh-Kiều trúng thứ hai. Vào đình đối, ông đỗ Hoàng-Giáp. Sau hai lần phụng mệnh sang sứ Trung-Hoa, làm quan đến Hộ-Bộ Tả-Thị-Lang phong Hầu-Tước. Ông giữ đạo thẳng, ghét sự cong queo, không chịu kiêng nể gì cả, nhân thế bị viên Đại-Thần cầm quyền là Việp Quận-Công, kiếm chuyện tâu hặc, phải giáng xuống Hàn Lâm Thị-Độc và truất phế về làng, thọ hơn 70 tuổi mới mất". Khi đi sứ có tập thơ "Sứ Hoa tùng vịnh", đến mấy trăm bài, được người Trung-Hoa phê-bình, hết sức khen ngợi. Đến nay trải hơn năm mươi năm, trong nước vẫn còn truyền tụng. Con là Tôn-Bảo làm Tri-phủ Trà-Lân, Tôn-Thực làm Hiền-Phó Kinh-Bắc, cũng đều nổi tiếng thơ hay.

XVIII

邯 江 祿 郡 主

Ông QUẬN-LỘC Ở HÀM-GIANG

Kính-Phủ

Quận-Lộc ở Hàm-Giang là Đinh-Văn-Tả, hồi tuổi trẻ tính hào hiệp, thường chơi với lũ vô lại, có sức mạnh hơn người, hết thảy đồng bọn đều kính phục. Trước làng có một con sông to, rộng chừng một dặm, thường xuống bơi lội chơi đùa thành thói quen. Một hôm cùng bạn bè uống rượu la cà ở bờ sông, nghe bên kia sông có tiếng chiêng cúng tế trong đình, bạn nói khích đố sang lấy trộm cái chiêng đem về. Ông nhận lời. Đêm hôm ấy, ông lội qua sông sang lấy trộm chiêng, đem về đến giữa sông mới đấm vang lên, người làng bên kia tỉnh dậy đuổi theo, không kịp, phải lộn về.

Sau ông mắc lỗi, phải giam ở ngục Đông-Môn. Bấy giờ đương buổi dụng binh, ở biên thùy phía nam Chúa Trịnh sai các tướng võ đắp ụ ở trước lầu Ngũ-Long, luyện tập thi bắn. Ông chợt cùng bọn ngục tốt đi qua đứng lại xem cười mà rằng :

— Bắn có thế mà không trúng, không biết Triều-đình dùng bọn họ làm gì !

Người bắn tức giận đưa súng cho ông, bảo ông

bắn. Ông lấy một cái súng lớn, cặp vào bên má, bắn luôn mấy phát, phá vỡ ba cái đích. Người bắn ấy rất là kính phục. Bọn tướng võ, bảo thử bắn lại cho xem, ông bắn phát nào trúng phát ấy. Việc đến tai Chúa, truyền tha tội và cho theo quân đi đánh phương Nam. Khi gặp quân địch, quan quân đóng giữ ở trên núi, quân địch tiến đánh, tướng sĩ đều lui chạy. Ông một mình phục trong bụi rậm, đợi quân địch đến, chĩa súng bắn ra. Quân địch sợ có mai phục, phải rút lui. Quan quân thừa cơ quay lại đánh, bên địch phải thua chạy. Do vậy ông nổi tiếng. Trải nhiều lần lập nên công lớn, ông được phong tước Quận-Công. Nhưng ông nộp hết các sắc phong để xin xóa tên trong sổ tội-nhân. Rồi sau đó lại lập chiến công, làm quan đến cực phẩm. Năm 80 tuổi ốm nặng, Chúa thân đến thăm và hỏi có muốn điều gì không. Ông nói nếu được ngay lúc chưa chết này, Chúa phong cho làm Phúc-thần, thì nhắm mắt đi sẽ không còn điều gì ân hận nữa. Chúa ưng cho, sai tuyên sắc ngay ở trước giường. Chưa bao lâu khỏi bệnh, lại sống mấy năm nữa mới mất.

Con cháu ông sau nhiều người trở nên bậc dũng tướng, đánh giặc rất giỏi.

Bấy giờ Quốc-Lão Đặng-Đình-Tướng, con cháu đều làm nên quý-hiển, áo xanh, áo tím đầy triều. Người ta đặt ra câu ví rằng : "Họ Đinh đánh giặc, họ Đặng làm quan", đó là đúng với sự thật.

Cháu xa của ông là Nhạ-Hành, ưa đọc kinh-sử, tính rất nhã nhặn, có phong-độ của người nho-sĩ. Cuối đời Chiêu-Thống làm đến Chấn-Khấu Đại-Tướng-quân, tước Hàm-Quận-Công. Năm Kỷ-Dậu (1789), đem cả gia quyến theo vua chạy sang Trung-hoa. Khi bà mẹ mất, ông có câu đối rằng :

日沉西嶺水東流，古今常態.
Nhật trầm tây lĩnh thủy đông lưu, cổ kim thường thái.
母夢南柯君北渡，家國俱憂.
Mẫu mộng nam kha quân bắc độ, gia quốc câu ưu.

DỊCH
(Lục-bát)

Thói thường vẫn thế xưa nay,
Đông đông nước chảy, non tây bóng tà.
Phần lo việc nước việc nhà,
Vua sang đất bắc, mẹ già cảnh nam.

Thuật cổ

DỊCH NGHĨA :

Non đoài bóng xế, nước chảy dòng đông, thói thường kim lại cổ.

Đất bắc vua đi, mẹ về cõi phật, lo thay nước với nhà.

Lời lẽ thảm-thiết, nghe thấy, ai ai cũng phải ngậm ngùi.

XIX

左 沟 先 生

TẢ-AO TIÊN-SINH

Kính-Phủ

Thầy địa-lý Tả-Ao là ông Mỗ, người làng Tả-Ao, huyện Nghi-Xuân (Hà-Tĩnh). Thuở nhỏ mồ côi cha và nghèo. Vì mẹ đau mắt bị lòa, ông theo một người khách buôn ở phố Phù-Thạch về Trung-hoa học nghề chữa mắt. Thầy thuốc khen ngợi có hiếu, hết lòng dạy cho. Khi nghề thuốc đã thành, sắp sửa về nước, chợt có thầy địa-lý chính tông, đau mắt đã lâu không khỏi, đến mời thầy thuốc này chữa cho. Thầy già yếu không thể đi được, sai ông đi thay. Khi thầy địa-lý khỏi mắt, trông mặt mũi ông, rồi nói :

— Gã này có thể dạy được đây.

Bèn đem hết cái học của mình ra truyền dạy cho. Hơn một năm, thày muốn thử sức học của ông xem ra thế nào, bèn lấy cát làm ra các hình sơn thủy, vùi một trăm đồng tiền ở dưới, đưa cho ông một trăm cây đinh để thử điểm huyệt. Ông điểm xong gạt cát ra xem thì trúng đến chín mươi chín huyệt, chỉ sai có một mà thôi. Thầy địa nói :

— Khá lắm.

Bèn cho ông về. Lúc chia tay, thầy có dặn rằng :

— Hễ đi qua núi Hồng-Lĩnh, chớ có ngẩng trông.

Ông vâng lời ra về. Đến nhà thì mẹ hãy còn mạnh. Đem phương thuốc học được ra chữa thì mẹ khỏi. Chợt nhân có việc đi qua núi Hồng-Lĩnh, nhớ lời thầy dặn, không biết vì duyên cớ thế nào, thử trèo lên núi trông xem, ngắm được một cái huyệt rất quý, cười mà rằng :

— À thầy dặn ta không được ngẩng trông là vì cớ thế.

Bèn về đem tiên-phần đến chôn. Không bao lâu, ông sinh ra được một con giai. Bấy giờ người Minh trông thiên-văn đều nói :

— Các ngôi sao đều chầu cả về phương Nam, nước An-Nam họ được đất rồi.

Nhà vua xuống chiếu cho các nhà phong-thủy, ai đã cắm đất cho người An-Nam hay là dạy học về nghề phong-thủy, thì phải dùng kế phá hỏng đi, nếu không sẽ phải tội chu di tam tộc. Chiếu ấy ban xuống, thầy địa-lý đoán lại chỉ có ông chứ không còn ai, bèn sai con sang để dò thám. Sang đến nơi, con thầy địa-lý hỏi ông rằng :

— Từ khi về nước đến nay, đã táng được ngôi tiên phần nào chưa ?

Ông đem tình thực kể. Người khách ấy bèn ngầm

đào trộm ngôi mả và lừa đem đứa con giai ông về Trung-hoa.

Chưa bao lâu thì mẹ ông mất, ông định đem táng ở một cái huyệt ngoài hải-đảo. Ngày giờ đã định, không may bị sóng gió, cản trở, không thể ra chôn được, thành ra lỗi kỳ. Ông than rằng :

— Đó là cái huyệt miệng rồng, năm trăm năm mới mở một lần mà mở chỉ trong một khắc. Nay đã lỡ rồi, còn gì nữa. Thật là số mệnh của ta.

Từ đấy, ông không tưởng gì đến sự tự tạo gia-nghiệp nữa, thường đi chu du bốn phương, đặt mả cho người. Sau khi mất chỉ còn có hai người con gái.

Khi trước ông còn ở nhà, thường đã ngắm sẵn một cái huyệt cho mình, nói đó là kiểu một con chó đuổi đàn dê, táng chỉ ba ngày sẽ thành địa tiên. Tuổi già, ông ở Kinh-đô về, người đã yếu sẵn, có đem theo một người học-trò cùng về, định dặn bảo về công việc sau. Nửa đường, người học-trò lại chết. Ông về đến nhà thì ốm nặng, bảo người nhà khiêng đến huyệt ấy. Nhưng đường xa xôi, liệu chừng không thể đến nơi được, bèn trỏ cái gò bên cạnh đường mà nói :

— Đó là một ngôi đất huyết thực. Bất đắc dĩ thì chôn vào đấy cũng được.

Ông xuống cáng, trỏ phương hướng cho người nhà đào để chôn lấp mình. Sau quả nhiên làm Phúc-thần.

Chao ôi, phương thuật của ông kể cũng rất lạ. Vậy mà họ tên không truyền lại, đáng tiếc thay. (Có thuyết nói : Ông họ Hoàng, tên Chỉ).

XX

潮口故城

THÀNH CŨ TRÀO-KHẨU

Kính-Phủ

Thành cũ Trào-Khẩu ở làng Trào-Khẩu, huyện Hưng-Nguyên (Nghệ-An), người Minh đắp nên trong năm Vĩnh-Lạc. Đức Thái-Tổ tiên triều từ thôn Đỗ-Gia qua sông kéo sang vây đánh, chính là chỗ đó. Phía tây bắc thành có núi bao bọc, còn phía đông nam thì xây gạch. Lâu năm thành đổ, gai ngập ngút mắt. Đằng cửa Nam là chuồng nuôi ngựa. Trên núi có hòn đá cắm cờ hãy còn. Lưng chừng núi có miếu Tuyên-Nghĩa, họ tên vị Thần đền ấy không rõ. Trong thành có một cái ao, tương truyền là di tích người Tàu đề của. Trâu bò xuống đẫm bùn đi lên, thường có những đồng tiền bám ở lông.

Khoảng năm Cảnh-Hưng, ông Bùi-Huy-Bích làm Đốc-Đồng Nghệ-An, những lúc việc quan nhàn rỗi, thường lên chơi đấy, ông có bài thơ vịnh cảnh đó bốn câu giữa như sau.:

鬼廟岩腰名不攷
Quỉ miếu nham yêu danh bất khảo,
旗竿石上跡猶存
Kỳ can thạch thượng tích do tồn.
野牛戲浴埋錢窟
Dã ngưu hí dục mai tiền quật,
官馬閒遊砌甓門
Quan mã nhàn du thiết bích môn.

DỊCH :

Miếu quỉ sườn non tên chửa rõ,
Cột cờ mặt đá vết còn đây.
Trâu đồng đua tắm hang chôn của,
Ngựa khách chơi rong cửa gạch xây.

Nghĩa là :

Lưng chừng núi có đền ma, chưa khảo xét được tên họ. Cờ cắm trên đống đá, dấu tích hãy còn ; Trâu đồng đua tắm ở trong cái vũng có chôn của ; Ngựa nhà quan đua chơi ở cái cổng xây gạch. (Còn nhiều câu khác không chép hết ra đây, vì đã ghi rõ trong "Nghệ-An tập" của ông Bùi.

XXI

武公膺
Ông VŨ-DUỆ

Tùng-Niên

Làng Trình-xá, huyện Sơn-Vi (Sơn-Tây), có ông

Trạng-Nguyên Vũ-Duệ, ông vốn là con nhà nông. Lúc còn nhỏ, cha mẹ đi làm ruộng, ông cùng bọn trẻ lấy đất nặn một con voi, gắn bườm làm tai, ghim con địa làm vòi, lấy bốn con cua đội bốn chân voi cho nó đi. Chợt có người khách đến đòi nợ, hỏi :

— Cha mày đi đâu ?

Ông nói :

— Cha tôi đi giết người.

Hỏi :

— Mẹ đi

Ông nói :

— Mẹ tôi đi làm sống người.

Người khách lấy làm lạ, hỏi lý do.

Ông đòi có thưởng cho, mới nói rõ.

Khách bảo :

— Nếu mày không dấu ta, ta sẽ xóa nợ cho nhà mày.

Ông liền đưa ra nắm đất dẻo, bảo khách phải in tay vào làm tin. Khách cũng gượng in tay vào. Ông mới cười mà nói rằng :

— Cha tôi đi rồ mạ. Mẹ tôi đi cấy lúa (1).

Khách rất lấy làm kỳ.

Bữa khác, lại đến đòi nợ, ông liền giơ nắm đất ra làm tin, khách không nói sao được nữa, khuyên người

cha nên cố cho ông đi học, và xin biếu món nợ ấy để giúp thêm tiền dầu đèn.

Niên-hiệu Hồng-Đức thứ 21, ông đi thi, đỗ đầu rồi làm quan đến Ngự-Sử-Đài Đô-Ngự-Sử,

Gặp khi trong nước xảy ra nhiều việc biến cố, ông theo vua Chiêu-Tôn chạy vào Thanh-Hóa. Quyền-thần Mặc-Đăng-Dung đem quân đến đón về, ông mắng chửi tàn-nhẫn, rồi mang cả quả ấn Ngự-Sử gieo mình xuống cửa Thần-Phù tự-tử.

Đến hồi Trung-Hưng, ấn Ngự-Sử đúc mãi không thành, bèn sai bọn thuyền chài lặn xuống cửa bể ấy mò tìm, thấy ông vẫn đội mũ, mặc áo đeo ấn, ngồi như khi sinh thời (tính từ khi ông mất đến lúc ấy đã hơn sáu mươi năm). Bấy giờ mới đưa tang ông về huyện Sơn-Vi.

CHÚ-THÍCH :

Theo ông Vũ-Duệ, rồ mạ làm cây lúa chết đi là giết người ; Cấy lúa làm cây lúa tốt nở bông thóc là làm sống người.

XXII

阮 公 文 偕

Ông NGUYỄN-VĂN-GIAI

Kính-Phủ

Ông Thượng-Thư Nguyễn-Văn-Giai thuở nhỏ học ông Thái-học-Sinh Mỗ, người cùng làng. Nhà nghèo, nhân có sức khỏe hơn người, ông thường đi gánh thuê

để lấy tiền mua sắm dầu đèn. Một hôm, đi gánh thuê về ,giời nóng bức, ông lội xuống tắm ở cái ao trước cửa nhà thầy. Trong lúc mải bơi lội, quần áo để trên bờ bị kẻ vô-lại lấy mất, ông phải ngâm mình dưới nước mãi không dám lên. Bên kia ao có cô con gái một ông Giám-sinh, ra ao định giặt, nhưng thấy ông tắm, đành phải quay vào. Một lúc lâu trở ra, lại như vậy. Rồi một lúc nữa, cô ra đi lại trên bờ ao, bỏ lại mấy chục thước vải, mà về. Ông cảm lòng, lấy cuộn vải đóng khố, đi về nhà.

Sau khi thi đỗ, ông đến nói với ông Giám-Sinh; xin lấy cô gái ấy làm vợ thứ, ông Giám-sinh nói :

— Thiếu-nữ vô duyên, hôm qua tôi đã trót nhận lời gả cho một người học trò của tôi, mà tức là bạn đồng-khoa của ông đấy. Mong ông đừng lấy làm ngờ.

Chợt ông đồng-khoa kia đến, hai bên thảo luận mãi không giải quyết xong, ông nói :

— Tôi vốn đã có vợ từ lâu, không phải dám tham sắc đẹp để mua cười với bạn. Chỉ vì hồi tuổi trẻ hàn-vi, từng được đội ơn người thiếu-nữ ở đây đã để mắt xanh đến, nên tôi đã dốc lòng xin hỏi cưới từ đấy. Giời đất quỷ thần hẳn đều soi xét tấm lòng ấy, tôi há dám để mờ tối đi ru ?

Nhân kể rõ câu chuyện ngày xưa. Ông Giám-Sinh

liền vào trong nhà hỏi chuyện con gái, thì cô cũng nói đúng như vậy, ông bèn đem cô ấy gả cho ông Giai. Đó là bà phu-nhân thứ hai, ông yêu quí như bà cả vậy.

XXIII

純 陽 祖 師 廟

MIẾU THUẦN-DƯƠNG TỔ-SƯ

Tùng-Niên

Ngõ hàng Nghiên ở thành Thăng-Long có miếu Thuần-Dương tổ-sư, không biết khởi có từ bao giờ, Chân-nhân Phạm-Viên thường gặp ông Thuần-Dương ở đó.

Họ Trương ở làng Như-Kinh đời trước vốn nghèo lắm, phải bán hàng nước ở bên cạnh đường. Sớm chiều chỉ kiếm được đủ sống. Một hôm thấy một vị đạo-nhân râu ria tốt đẹp, qua lại rồi vào ngồi nghỉ. Trương đón mời rất cung kính. Đạo-nhân cảm lòng tốt, bèn đặt cho một ngôi âm phần. Việc xong, hỏi tên họ thì đạo-nhân nói :

— Ta họ Lã, nhà ở đầu phố hàng Nghiên.

Trương ghi nhớ lấy, rồi sai người đến tạ lễ, hỏi thăm khắp cả, chẳng có ai họ Lã, chỉ có tòa miếu Thuần-Dương. Từ cuộc binh hỏa năm Bính-Ngọ trở về sau, các bậc già cả qua đời, những người cúng vái

nhận lầm là miếu thờ bà Chúa Liễu-Hạnh, hoa vàng, hài vóc bày đầy trước án. Một vị thần tiên râu ria tốt đẹp, mà nhận lầm là bà Chúa Liễu-Hạnh, còn gì đáng thở than hơn ?

XXIV

大 人

NGƯỜI TO LỚN

Tùng-Niên

Các động, các trại ở Tuyên-Quang, phần nhiều ở chen vào cả tận hang núi, dân bản-thổ thường làm nhà sàn để tránh thú dữ. Hồi quan Đốc-Đồng Nguyễn-Đình-Thạc ở trấn, có một người to lớn vào nhà ở trong xóm bắt người mà ăn, nhà có mười người ăn mất chín. Một người chạy trốn được lên báo với quan. Quan cho súng lớn đến bốn phía bắn vào. Người ấy ngồi chết trên nhà sàn, chân bỏ thõng xuống tận đất. Lôi ra thì thấy thân thể trần truồng, dài hơn hai trượng, tóc ngắn đến vai. Ông lấy làm lạ, về thuật chuyện với quan Bình-Chương Phan-Trọng-Phiên Tướng-công. Tướng-công nói :

— Đó là mòt giống người ở miền biên giới tây-nam. Hồi năm Giáp-Ngọ (1774) tôi đi đánh phương Nam, có thấy ở trong vũ-khố của họ Nguyễn một bộ

da người, dài lớn cũng xuýt xoát như thế, trong chứa đầy trấu. Hỏi kẻ lại (1) coi giữ, họ nói là bắt được ở trong rừng. Vậy người này hẳn thuộc về giống ấy.

CHÚ-THÍCH :

吏 Lại : người làm việc giấy tờ, về công việc quan.

XXV

范 廷 重

Ông PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG

Kính-Phủ

Ông Thượng-Thư Phạm-Đình-Trọng người làng Kinh-Dao, huyện Giáp-Sơn, là bậc tài kiêm văn võ, vượt trên mọi người. Khi còn đi học, ông làm bài phú "BẮC MÔN TỎA THƯỚC" như sau :

嗚 呼 華 夷 望 重
Ô hô ! Hoa Di vọng trọng,
社 稷 功 高
Xã tắc công cao.
枚 數 宋 朝 巨 俊
Mai sổ Tống triều cự tuấn,
幾 如 寇 老 辰 髦
Kỷ như khấu lão thời mao.

何 故 不 在 中 書 調 鼎 任 商 衡
Hà cố bất tại Trung-thư ; điều đỉnh nhậm thương hành
之 重
chi trọng ;
却 乃 遠 臨 沙 塞 折 衝 當 漢 閫
Khước nãi viễn lâm sa tái ; triết xung đương Hán khổn
之 勞
chi lao.
畢 竟 見 忌 于 人 難 平 者 事
Tất cánh : Kiến kỵ vu nhân ; Nan bình giả sự.
要 盟 恥 甚 於 真 宗
Yếu minh sỉ thậm ư Chân-Tôn ;
沮 約 仇 深 於 王 子
Tử Ước cừu thâm ư Vương-Tử.
澶 淵 下 閉 門 來 手 伏 既 膠 宿 怨 之
Thiền uyên hạ bế môn thúc thủ, bỉ ký dao túc oán chi
未 舒
vị thư ;
泰 山 巔 牒 玉 泥 金 茲 更 處 奸 謀
Thái-Sơn điên diệp ngọc nê kim, tư cánh lự gian mưu
之 見 沮
chi kiến tử.
故 久 淹 河 上 之 翔 期
Cố cửu yêm hà thượng chi cao tường,
豈 特 爲 朔 方 之 捍 衛
Khởi đặc vị sóc phương chi hãn ngữ.

Nghĩa là :

Than ôi ! Có vị vọng trọng đối với Trung-Hoa và Man-Di, có công to đối với Xã-tắc.

Hãy kể những bậc tuấn kiệt trong Triều-đình nhà Tống ; đã có mấy người được như ông già Khấu-Chuẩn. Cớ sao không ở trong tòa Trung-thư, điều hòa việc lớn ; Lại phải ra ngoài quan tái xa xăm, giữ gìn cửa ngăn nhà Hán.

Đó là : bị người ghen ghét, gặp việc bất công.

Vua Chân-Tôn lấy làm thẹn về việc cùng giặc giảng hòa ; Vương-Khâm-Nhược rất tức tối về việc bị cản trở trong ý muốn.

Dưới thành Thiền-Uyên đóng cửa bó tay, Khâm-Nhược đã sao quên được mối hờn. Trên núi Thái-Sơn sắp được dát ngọc nề vàng, còn sợ mưu gian cản trở. Nên ông còn lơ-lửng trên sông, há chỉ vì việc chống giữ phương Bắc.

DỊCH VẦN

(Theo thể Phú)

Than ôi !

Công to cùng xã tắc ;
Giá trọng khắp ngoài trong ?
Kể các bậc tuấn-hiền Triều Tống ;
Đã ai bằng đại-lão Khấu-Công.

Sao chẳng để ở trung-thư, chức hệ trọng
thương-hành điều đỉnh ?
Lại đưa ra nơi Quan-ải, việc gian lao
hán-khổn triết xung.

Chẳng qua !

Người những ghét ghen ;
Đời hay khe khắt.

Phải thề cùng giặc, vua Tống đã thẹn thùng ;
Trái ước mang hờn, chàng Vương còn thắc mắc
Dưới Thiền-Uyên bó tay đóng cửa,
hận xưa vẫn đó chưa nguôi ;
Trên đỉnh Thái phong ngọc, đắp vàng,
mưu đối còn e bị mắc.
Nên mới để mãi ông quanh quẩn ven sông
Chứ phải đâu vì việc chống ngăn ải-bắc.

Đọc bài phú này của ông, ai cũng đều phải lấy lạ. Sau ông thi đỗ Tấn-sĩ khoa Kỷ-Mùi (1739), niên l Vĩnh-Hựu. Rồi nhân có tang, nghỉ quan về. giờ giặc Ninh-Xá nổi lên, vùng Đông-nam rối loạn, thường nói với những người quen biết rằng :

— Dẹp yên giặc ấy phi tay tôi không xong.

Không bao lâu, vì có công lừa bắt được tu giặc Nguyễn-Cừ, được thăng Công-Bộ Hữu-Thị-L Bá-Tước.

Trước đây, dư đảng giặc Ninh-Xá tôn người làng Lôi-Động huyện Thanh-Hà là Nguyễn-Hữu-Cầu lên làm thủ-lãnh, lui ra giữ Đồ-Sơn là nơi tựa núi, cách biển, làm thế cố thủ. Triều-đình đem quân đánh mấy năm không được, sai ông làm chức Hiệp-thống-lãnh, cùng Việp-Quận-Công Hoàng-Ngũ-Phúc chia đường đều tiến, lập trại ở trên núi nhòm xuống. Đánh mãi không phá được giặc, ông bèn cho chặt mấy trăm cây thông, đục rỗng ruột bên ngoài đánh đai sắt, bên trong nhồi đá sỏi, thuốc súng cùng chất dẫn lửa, rồi từ trên cao đốt ném vào trại giặc, giặc chết hại rất nhiều. Sau giặc dùng ván gỗ thông để che. Ông lấy nhựa thông tẩm vào vải to, cắt vụn ra trộn lẫn với sỏi và thuốc súng, lại ném xuống như trước. Những miếng vải ấy thành ra những mồi lửa đốt cháy ván, giặc phải tan vỡ chạy về phía bắc. Đồ-sơn được yên. Vì công đánh dẹp ấy, ông được thăng Phó Đô-Ngự-Sử Chánh Thống-Lĩnh.

Chẳng bao lâu, Cầu lại họp đồ đảng vào cướp phá vùng Đông-bắc, hoành-hành không ai chế-ngự nổi (lúc đó người ta thường gọi là giặc Ma-chơi (Du-hồn tặc). Cầu có tài dùng ít quân mà đánh nổi nhiều. Trong khi giao-chiến, Cầu cho phóng ngựa xông bừa vào trận, làm cho quân nào cũng phải rối tan. Duy có ông và Quận-Việp bày trận nghiêm chỉnh, nên chưa từng bị thất lợi. Giặc vẫn phải sợ, gọi ông là con thần-lằn, gọi Quận-Việp là thằng quạ đen, ý bảo khó lòng phạm

đến được. Một lần, ông dẫn mười hai quân kỵ, gặp giặc đến ai nấy đều sợ, muốn đi cho mau. Ông ngăn lại, đi vòng xuống một con đường nhỏ trong đồng. Con đường ấy kề bên cạnh một cái giếng, cỏ mọc nham nhở, bùn nước đục ngầu, người vô tình không thể nhận biết được. Ông ngồi ở cạnh giếng để chờ quân giặc. Giặc đến còn cách khoảng một đường tên, hô to lên rằng :

— Con thằn-lằn, hôm nay thì chúng tao phải bắt được mày.

Ông cũng quát :

— Thằng giặc nhãi ranh kia, ta lại không chém được đầu mày ư ?

Giặc tức giận đổ xô xuống đuổi, người và ngựa đều lăn cả xuống giếng, Những quân theo hầu muốn xuống bắt, nhưng ông không cho, bảo kíp chạy đi. Khi giặc ra khỏi giếng, ông đã về đến huyện Giáp-Sơn rồi.

Ông hành quân rất thận trọng, không cần lợi nhỏ. Hễ bắt thần gặp giặc thì rung chuông, dàn quân vây bên ngoài, nếu giặc đi thì theo dõi ở đằng xa. Thường thả những quân kỵ đi diễu để ngăn cản sự cướp bóc. Vì thế giặc phải lúng túng, lo chạy thục mạng rồi cùng quẫn phải xin đầu hàng. Triều-đình định ban cho tướng giặc Nguyễn-Hữu-Cầu lãnh ấn Ninh-Đồng Tướng-quân, phong tước Hầu-Hướng-Nghĩa, ông can và nói :

« Dã tâm của giặc lang-sói ấy, thề nào cũng không hịu để cho ta dùng đâu.» Bèn lại dẫn quân đuổi đánh, lảng giặc vỡ chạy. Cầu phải chạy vào Biều-Giang ở Nghệ-An, bộ-tướng của ông là Phạm-Đình-Trạo bắt lược, từ đấy mới yên. Triều-đình luận công, ông được lặc cách phong làm Tuyên-Lực Dương-Võ Công-Thần, hăng Binh-Bộ Thượng-Thư, tước Hải-Quận-Công và bổ àm Đốc-Xuất trấn Nghệ-An.

Khi trước, ông cùng viên Thự-Phủ Luyện Quận-Công là Đỗ-Thế-Giai có mối hiềm khích. Gặp ngày rừ-tịch, ông ở Nghệ-An, thấy Trung-Sứ đem đến ban cho rượu thuốc. Viên tướng thân yêu ở dưới cờ là Thanh-Kỳ toan rút đao giết sứ-giả, rồi xin ông cất quân về kinh-đô để trừ bọn gian bên cạnh Chúa. Ông gạt đi bảo không nên. Sáng hôm sau, ông mặc triều-phục lễ vọng về Kinh rồi vào tư-thất rót rượu ngự ra uống, lại mật viết thư cho quan Đốc-Đồng Trần-Danh-Lâm đến dặn dò việc sau. Ông Trần đến, thì ông đã đổ máu ra chết. Bấy giờ Thanh-Kỳ nghe tin ông mất, sắm sửa binh-mã, định đem cả Châu-Hoan theo về họ Nguyễn (Chúa Nguyễn ở phương Nam). Ông Trần được thư của ông, đánh lừa Thanh-Kỳ đến trên cái gác, rồi phục quân giáp-sĩ bắt mà chém đi. Tin buồn đưa về đến Kinh, ông được truy tặng làm Phúc-thần, lập miếu thờ ở núi Càn-Hương ; phong cho con là Đình-Nghi tước Đông-Ngạn-Hầu. Khoảng năm Cảnh-Hưng, Đình-Nghi

làm đến Phó Đề-lĩnh. Khi cố Thái-tử bị phế, giam ở dinh ông Nghi. Ông lấy lễ trừ-quân (1) mà thờ phụng. Chúa giận, bãi chức Đề-Lĩnh, vì thế ông lật đật không làm to được. Niên hiệu Chiêu-Thống (khoảng năm 1781-1784) năm Đinh-Mùi, truy-lục công ấy, Triều-đình cử ông làm Trấn-Thủ Hải-Dương. Năm mậu-Thân (1788), ông mất ở nhà.

Thanh-Kỳ cũng người làng Khinh-Dao (họ tên chưa rõ). Tuổi trẻ khỏe mạnh, theo ông Phạm-Đình-Trọng đi đánh giặc, cai quản đám nghĩa-sĩ Thanh-Hà, Tứ-Kỳ. Khi ông làm thống-lĩnh thường ngồi ở trong chiếc thuyền, chỉ có người nàng hầu yêu, và Thanh-Kỳ hầu bên. Một lần sáng sớm, người nàng hầu ra rửa tay, kêu lớn là có giặc. Ông cứ ngồi yên không nhúc nhích. Thanh-Kỳ chạy ra thì bọn Cầu đã bíu được vào thuyền sắp sửa trèo lên. Hai bên đánh nhau, một lúc lâu, Cầu phải lặn xuống nước đi mất. Ông Phạm vì thế tin yêu hắn lắm. Nhưng hắn có tính ngông ngạo hay làm những việc trái phép. Ông đã nhiều lần muốn giết, nhưng lại thôi. Sau hắn bị bệnh chết.

Tương truyền rằng, khi ông chưa đỗ, ở huyện Nghi-Dương có một viên Giám-Sinh già là Giáp, chơi với một viên Giám-Sinh trẻ là Ất, người cùng huyện. Ất chết, Giáp đến lo liệu giùm việc tang. Năm Kỷ-Mùi (1739), gặp khoa thi Hội, Giáp lên Kinh thi, đường đi qua hạt Thượng-Hồng. Trời tối, Giáp thấy Ất hiện lên mời mình về nhà. Cửa nhà lộng lẫy, kẻ

hầu người hạ tấp nập, rất oai vệ. Ất sai mổ trâu đặt tiệc thết đãi. Giáp hỏi về việc tương-lai của mình, Ất chau mày nói :

— Bác sẽ gặp phải cảnh nhà tan mệnh cùng, còn hỏi đến công danh làm gì.

Giáp van nài xin cứu cho. Ất nói :

— Khoa này đầu bài phú có nhiều ẩn khúc, hễ gặp người thí-sinh nào là Phạm-Đình-Trọng thì bảo giúp cho người ta, người ấy sẽ là vị cứu tinh của Bác.

Sau đó một lát thì đi ngủ. Sáng sớm hôm sau, trở dậy từ biệt ra đi, ngảnh lại trông thì thấy là đền ông Phạm-Ngũ-Lão, làng Phù-Ủng. Hỏi thăm dân cư thấy nói ban đêm có một con trâu vô cớ ngã lăn ra chết. Giáp ghi để chuyện ấy vào lòng. Khoa ấy đi thi vào trường thứ ba, đầu bài phú ra là "Tuyển hiền nhậm năng" (kén người hiền, dùng người giỏi). Có một thí-sinh (cùng vi) hỏi Giáp có nhớ bốn chữ ấy xuất xứ ở đâu, làm ơn bảo giúp. Giáp hỏi tên chính là Phạm-Đình-Trọng, liền bảo giúp cho biết. Khoa ấy ông Phạm đỗ Tiến-sĩ. Chưa bao lâu, giặc đông nổi dậy, vợ con Giáp đều bị nạn cả. Giáp chỉ còn trơ một mình, đến nương nhờ ông Phạm-Đình-Trọng, ông thường cấp giúp cho, chỉ được đủ sống. Mấy lần dâng sớ quân công, ông định biên tên Giáp vào, để đề bạt, nhưng rồi việc nửa chừng lại thôi. Thành ra Giáp trọn đời chỉ là một viên Giám-Sinh.

CHÚ-THÍCH :

(1) Trừ quân tức là ông vua sẽ nối ngôi, cũng gọi là Hoàng-tử hay Thái-tử.

XXVI

天 姥 寺

CHÙA THIÊN-MỤ

Kính-Phủ

Chùa Thiên-Mụ ở huyện Hương-Trà, Thuận-Hóa, (Kinh đô Huế), dựng trên một ngọn đồi, và có vẻ đẹp thiên-nhiên của núi khe.

Tương truyền : Khi xưa có nhà Địa-lý, đi xem đất, khai đào sông núi, thấy một mụ già bảo người làng dựng chùa để đón các linh-hồn về núi. Vì thế đặt tên là chùa Thiên-Mụ (Bà già nhà Trời).

Ngôi chùa này, khi trước đã được Đoan-Quốc-Công Nguyễn-Hoàng tu bổ, đến sau cũng kế tiếp sửa chữa lại.

Trong chùa có một khánh đá, tiếng lớn và trong, có ghi là : "Chính lịch nhị niên tạo" (正 曆 二 年 造) nghĩa là khánh tạc năm chính lịch thứ hai.

Hội-chủ là Thế-Tổ Minh-Khang Thái-Vương. Ngay cạnh tòa thờ Phật, có bài vị tổ-khảo 7 đời của nhà Nguyễn.

Khi nhà Nguyễn mất, một người bề tôi cũ là Mỗ đến chùa bái yết, có đề thơ như sau ở vách chùa :

可憐二百年基業
Khả lân nhị bách niên cơ nghiệp,
不及山僧一夢長
Bất cập sơn tăng nhất mộng trường.

DỊCH NGHĨA :

Khá thương thay cơ nghiệp gây dựng đã hai trăm năm nay, mà không dài bằng một giấc mộng của nhà sư trên núi.

Vào khoảng năm Cảnh-Hưng (1740-1786), chùa đã ít nhiều đổ nát, có quan Đốc-Đồng châu Hoan là Bùi-Huy-Bích vâng chiếu chỉ nhà vua đi tuyên dụ, thường cùng quan Đốc-Thị là Trương-Đăng-Quỹ đi thuyền lên xem và có thơ rằng :

阮家七世碑空在
Nguyễn gia thất thế bi không tại ;
僧舍千間瓦半零
Tăng xá thiên gian ngõa bán linh.

DỊCH NGHĨA :

Bảy đời họ Nguyễn bia còn trơ lại đó ;
Ngàn nóc nhà chùa, ngói đã trụt mất quá nửa.

Lại rằng :

掛帆一片登臨處
Quải phàm nhất phiến đăng lâm xứ ;
閱拂苔階閱摹銘
Nhàn phất đài giai duyệt khánh minh.

DỊCH NGHĨA :

Giương một chiếc buồm, lên vẫn cảnh,
Phẩy thềm rêu để đọc bài minh khắc trên khánh đá.

XXVII

還 劍 湖

HỒ HOÀN-KIẾM

Kính-Phủ

Hồ Hoàn-Kiếm ở bên cạnh phường Báo-Thiên, thành Thăng-Long, thông với nước ngoài sông, hình thể rất to rộng. Hồ này là nơi đức Thái-Tổ Hoàng-Đế (triều trước) đánh rơi thanh kiếm.

Hồi Thái-Tổ khởi nghĩa, ngài bắt được một thanh gươm cổ. Khi làm vua, Ngài thường vẫn đeo thanh gươm đó. Một hôm chơi thuyền ở trong hồ, chợt thấy một con ba-ba rất lớn nổi lên mặt nước, bắn nó không trúng. Ngài bèn lấy thanh gươm mà chỉ. Bất đồ, thanh kiếm rơi xuống nước mất, con ba-ba cũng lặn theo. Ngài giận, sai lấp cửa hồ lại, đắp cái bờ ngang, tát hết nước để tìm, nhưng chẳng thấy đâu cả. Đời sau, nhân cái vết bờ ấy chia hồ ra làm hai : tả-vọng, hữu-vọng. Cuối đời Cảnh-Hưng, bỗng có một vệt sáng từ cái đảo trong hồ vọt lên cao, sáng rực tan ra rồi tắt, người ta cho là thanh bảo kiếm bay đi.

XXVIII

京 城 門

CỬA KINH - THÀNH

Kinh-Phủ

Bốn của kinh-thành xây từ đời vua Lý - Thái - Tổ (1010-1028). Năm gần đây, phá bớt từng ngoài cửa Đại-Hưng. Khi phá được nửa vời, thấy một con rắn lớn bằng cái đòn tay, mình đen vằn trắng, từ trong gạch đá chui ra, bò sang nóc nhà hàng phố rồi bò vụt đi đằng nào mất. Bắt được 3 con rắn con, đều giết đi cả.

Tương truyền rằng năm Cảnh-Hưng, phá cửa Bạch-hổ, bắt được ở trong khe một con rùa nhỏ như đồng tiền, đầu và chân vẫn còn cựa động (nên cũng phụ chép vào đây).

XXIX

黃 公 峯

Ông HOÀNG - SẦM

Ông Hoàng-Sầm ở Thù-Sơn, đời đời làm nghề cày ruộng, cha mất sớm, để lại cho cái di-sản mấy sào ruộng, mẹ con nương tựa nhau mà sống. Năm 24 tuổi, vẫn chưa biết một chữ nào cả. Cùng huyện có quan Thượng-Thư Nguyễn-Doãn-Địch, trí-sĩ về làng ; Quan

huyện sở tại bắt dân phu đi đón rước. Ông Hoàng-Sầm cũng có trong số ấy, sung vào chân khiêng kiệu cô con gái. Trong khi khiêng, ông liếc mắt nhìn trộm, thấy cô Tiểu-thư là một người sắc đẹp tuyệt vời, trong lòng rung động. Về nhà, ông nói với mẹ muốn được lấy cô con gái ấy, mẹ cười mà bảo không được. Ông không nghe, mua buồng cau, cố ép mẹ phải đi giạm, lại đi theo sau sợ mẹ dối mình. Bà mẹ lại lần nữa tự trái ý mình (để chiều ý con), đến đứng loanh quanh mãi ở cửa nhà quan Thượng. Quan Thượng lấy làm lạ hỏi, bà mẹ sợ kêu xin tha tội và kể việc con giai thúc bách. Quan Thượng cười mà rằng :

— Không hề gì.

Rồi Quan-Thượng sai gọi ông đến để xem người ra sao. Ông mặc một chiếc quần đùi đến phục lạy trước thềm, quan Thượng nói :

— Con gái nhà quan không lẽ lại gả cho một người bạch ốc. Hễ anh sau này làm nên sự nghiệp như ta, mới có thể lấy con ta được.

Ông lạy hai lạy rồi nói :

— Xin vâng theo như mệnh, nhưng mong quan lớn giữ lời hứa cho.

Về nhà, ông không nói gì với mẹ, đi bán trộm một sào ruộng được ba mươi quan tiền, tới Kinh-đô, tìm đến một bậc Danh-nho để xin học. Học trong 3 năm đã

giỏi lắm, lấy cớ là học trò, tên bị bỏ sót, xin đi khảo, trúng ở huyện Hiệp-Hòa (nay thuộc Bắc-Giang), rồi đi thi hương đỗ Giải-nguyên. Ông nhờ một người làng đến nói với quan Thượng-Thư, xin đừng sai lời trước cũ, rồi lại tới Kinh ngay. Bấy giờ con gái quan Thượng-Thư tuy có mấy đám dạm hỏi, nhưng chưa thành hôn, vẫn còn ở nhà, Khoa Mậu-Tuất, niên hiệu-Đại-Chính (1530-1540) đời nhà Mạc, ông 27 tuổi, thi đậu Thám-Hoa. Hôm vinh-quy, làm lễ cưới ngay ở sân nhà quan Thượng-Thư, người làng cho là một sự vinh-hạnh ít có.

Ông làm quan đến Lễ-Bộ Tả-Thị-Lang Hoành-Phúc-Bá.

XXX

鄧 陳 琨

Ông ĐẶNG-TRẦN-CÔN

Tùng-Niên

Ông người làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trì, bạn của đấng Tiên-quân tôi xưa. Tính thích rượu, buông thả không chịu bó buộc (1), trong khoảng trường ốc, văn-chương ông nổi tiếng lừng thiên-hạ. Bấy giờ chúa Uy-Vương bị bệnh, phải dời đến ở cung Thưởng-liên, (Thưởng-sen). Kinh-thành tối đến cấm lửa rất ngặt. Ông đào hầm dưới đất để đọc sách, không bỏ trễ lúc

nào. Thường đề tranh "Tám cảnh Tiêu-Tương", bài "Cảnh mưa đêm ở sông Tiêu-Tương" như sau :

菰 蒲 澤 國 四 滄 滄
Cô bồ trạch quốc tứ thương thương
誰 把 琳 瑯 滴 夜 長
Thùy bả lâm lang trích dạ trường
乍 過 幽 蘭 啼 楚 客
Xạ quá u lan đề Sở khách.
忽 來 暗 竹 泣 娥 皇
Hốt lai ám trúc khấp Nga Hoàng
蘋 州 冷 遍 漁 燈 細
Tần châu lãnh bức ngư đăng tế
蓬 底 秋 驚 旅 鬢 黃
Bồng đề thu kinh lữ mấn hoàng
拂 掠 疎 峯 猿 樹 外
Phất lược sồ phong viên thụ ngoại
滄 歌 聲 斷 水 茫 茫
Thương-ca thanh đoạn thủy mang mang.

DỊCH :

Bốn bề xanh ngắt cỏ cùng mương,
Ai đó đêm dài, nhỏ ngọc-lang.
Lướt tới chòm lan, kêu Sở-khách (1) ;
Vụt qua khóm trúc khóc Nga-Hoàng (2).
Bãi Tần lạnh thấu, đèn chài lụi ;
Mái cỏ thu sang, tóc khách vàng.
Nhấp nhổ sườn non, cây lẫn vượn,
Thương-ca vừa dứt, nước mênh mang.

GIẢI NGHĨA :

Cỏ cao nước cả bốn bề xanh xanh. Ai đem reo những hạt ngọc trong lúc đêm dài (nói về mưa). Trận mưa kia, khi chợt qua khóm lan tối tăm để than người khách Sở ; khi vụt đến bụi trúc âm thầm để khóc nàng Nga-Hoàng.

Bãi rau tần đầy khí lạnh, làm cho đèn chài phải lụi nhỏ, gốc cỏ bồng héo hắt vì hơi thu ghê rợn làm cho mái tóc của người lữ-thứ cũng phải điểm vàng.

Chợt thấy trên những ngọn núi cao có mấy con vượn chạy nhảy ngoài vòm cây. Khúc ca Thương-lương vừa rứt tiếng, mặt nước sông đã đầy mênh mông.

CHÚ-THÍCH :

(1) KHÁCH SỞ : Sông Tiêu-Tương thuộc về đất nước Sở đời xưa. Khách Sở đây ý trỏ vào ông Khuất-Nguyên. Ông là người tôi trung bị gièm rồi bị đuổi, phẫn uất tự-trầm ở sông Mịch-La. Trong khúc ly-tao của ông có câu than kẻ dở thì được tiến dụng, mà người hay thì bị ghét bỏ.

(2) NGA-HOÀNG, NỮ-ANH là 2 vợ vua Ngu-Thuấn. Tục truyền vua Thuấn băng-hà ở đất Thương-Ngô, hai bà này theo xuống đến sông Tương, khóc lóc thảm thiết, nước mắt vấy vào những khóm trúc thành ra vằn ngấn. Từ đấy vùng này sinh ra một giống trúc có vằn.

(3) THƯƠNG-LƯƠNG : Trong bài Ngư-phủ từ của Khuất-Nguyên, có nói khi ông bị đuổi, chơi ở bên sông, gặp lão phường chài vừa chở thuyền đi vừa hát :

"Nước sông Thương-Lương trong chừ, để rửa dải mũ ta. Nước sông Thương-Lương đục chừ, để rửa bàn chân ta".

Cảnh Sơn-Thị tình lam (Chợ núi quang tạnh hơi lam) có những câu :

人家麓外煙光淨
Nhân gia lộc ngoại yên quang tĩnh
酒店林間秋色明
Tửu điếm lâm gian thu sắc minh

ĐỊCH NGHĨA :

Căn nhà của dân ở ngoài núi, hơi khói quang tĩnh : Quán rượu ở trong rừng, có màu tươi của mùa thu. và :

換米樵夫穿洞去
Hoán mễ tiều-phu xuyên động khứ
賣鮮漁子傍溪行
Mãi tiên ngư-tử bạng khê hành

ĐỊCH NGHĨA :

Người kiếm củi đi đổi gạo ; phải chui qua động mà đi ;
Người thuyền chài đi bán cá, phải đi men qua các khe suối.

Cảnh viễn phố qui phàm (Bến xa buồm về), có những câu :

日 暮 無 人 迎 棹 問
Nhật mộ vô nhân nghinh trạo vấn
五 湖 多 少 水 煙 秋
Ngũ hồ đa thiểu thủy yên thu

DỊCH NGHĨA :

Trời đã tối, không có ai đón thuyền để hỏi ;
Năm hồ hẳn có ít nhiều khói nước mùa thu.

Cảnh giang thiên mộ tuyết (Buổi tối trên sông tuyết xuống) có những câu :

混 沌 千 山 埋 草 樹
Hỗn độn thiên sơn mai thảo thụ
朦 朧 萬 頃 失 烟 波
Mông lung vạn khoảnh thất yên ba

DỊCH NGHĨA :

Hàng ngàn ngọn núi bao la, ắt cả bóng cỏ cây ;
Muôn khoảnh mờ mịt, mất cả những làn khói sóng.

và :

漁 翁 迷 却 蘆 花 渚
Ngư-ông mê khước lô hoa chử
向 夜 歸 來 玉 滿 蓑
Hướng dạ qui lai ngọc mãn soa

DỊCH NGHĨA :

Người phường chài quên cả đường về bãi hoa lau ;
Đêm đến ra về thấy ngọc giắt đầy áo (ý nói mưa, hay tuyết).

Cảnh Bình-sa lạc nhạn có những câu :

細 雨 蒹 葭 蕭 瑟 裏
Tế-vũ kiêm hà tiêu sắt lý
又 添 秋 色 滿 南 江
Hựu thiêm thu sắc mãn nam giang.

DỊCH NGHĨA :

Mưa phùn trên khóm cỏ kiêm-hà tả rõ cái cảnh tiêu sắt ;

Bến Giang-Nam đã chan-chứa màu sắc mùa thu.

Những thơ này, phong cách cao trội. Kể từ đời Trung-hưng đến giờ, thi phú đều phải nhân đó mới chấn khởi lên được.

Các bài phú tám vần liên châu của ông, những người học đi thi, thường giữ gìn một cách quí báu.

Bài phú "Trương-Hàn nhớ rau rút cá mè" có những câu :

冷 淡 村 醪 半 飽 了 八 王 之 成 敗
Lãnh đạm thôn-hào, bán hướng liễu bát vương chi thành bại.
尋 常 野 品 數 杯 殘 兩 晉 之 是 非
Tầm thường dã phẩm, sổ bôi tàn lưỡng Tấn chi thị phi.

DỊCH NGHĨA :

Món ăn nơi thôn dã tuy đạm nhạt, nhưng nửa bữa cũng bàn xong việc thành bại của tám vị vương ;

Những thực phẩm chốn đồng quê tuy tầm thường, nhưng tàn cuộc rượu, cũng tỏ rõ những điều phải trái của hai triều Tấn.

Bài phú "Trương-Lương mặc áo vải" có những câu :

副車空恨一襟博浪之沙痕暗濕
Phó xa doanh hận nhất khâm, Bác lãng chi sa ngân ám thấp ;
黃石秘傳半袖圯橋之露點初晞
Hoàng-thạch bí truyền bán tụ, Dĩ-Kiều chi lộ điểm sơ hy.

DỊCH NGHĨA :

Một vạt áo hãy còn dầm dấp ướt, vì ngấn cát ở đất Bắc-Lãng, phó-xa không đánh trúng Tần-Thủy-Hoàng.

Nửa ống tay giấu quyển sách bí truyền của ông Hoàng-Thạch, vừa khô vết sương ở cầu Dĩ-Kiều.

ĐIỂN TÍCH :

(Chùy đánh Tổ-long ở Bác-lãng và Hoàng-thạch-công cho sách Trương-lương).

Bài phú "Tiếng gõ cửa" (2) có những câu :

門叩幾聲手報無言之綸綍
Môn khấu kỷ thanh, thủ báo vô ngôn chi luân bột ;
Vài tiếng gõ cửa, dùng tay báo tin Vua, không phải cần lời Vua nói ;
規恢一字喉通未到之關河
Quy khôi nhất vũ, hầu thông vị đáo chi quan hà.
Qui mô khôi vũ do lời nói ở cuống họng ra đã suốt

khắp giang sơn (Về thực tế) nền thống nhất chưa đặt tới hết quan hà. (Điển tích ở Liệt-truyện Triệu-Phổ, Tống-Sử quyển 256, truyện thứ 15).

và :

乾 坤 盃 裡 經 營 新 睡 之 山 河 欲 動

Càn khôn bôi lý kinh-doanh, hãn thụy chi sơn hà dục động.

DỊCH NGHĨA :

Việc giời đất kinh-doanh trong chén rượu, làm cho non sông đương ngủ phải giật mình.

Đó là những câu thơ chữ Hán rất hay, nên đọc.

Khi ông mới được trao chức Huấn-Đạo, bài văn yết miếu Đức Thánh (Khổng-Tử) có hai câu :

無 位 華 勳
Vô vị hoa huân
能 言 天 地
Năng ngôn thiên địa

DỊCH NGHĨA :

Đức Khổng-Tử là một bậc có công to ví như vua Nghiêu vua Thuấn, nhưng không ngôi, và như trời đất biết nói (3). Hai câu này đều được người đời khen phục.

Khoảng năm về già, ông làm ra khúc Chinh-Phụ Ngâm, cả thảy đến mấy nghìn lời. Làm xong, đưa ông Ngô-Thời-Sĩ xem, ông Ngô thán phục mà rằng :

— Văn này đánh đổ cả lão Ngô già này chứ còn gì nữa.

Khúc ngâm ấy người ta ghi chép, truyền sang đến hai tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây nước Trung-hoa, có người thức-giả nói :

— "Tinh-thần trút cả vào đây. Tác-giả bài này chẳng qua chỉ 3 năm thì chết.

Sau ông làm đến chức Ngự-Sử ; đem so sánh, đối xét, ông mất đúng như lời nói trên. Ông có truyện Bích-Câu Kỳ-Ngộ lưu-hành ở đời.

GHI CHÚ :

(1) Đuềnh đoàng : không chịu bó buộc : dịch 4 chữ « Lạc phách bất cơ » nghĩa nói tính người đuềnh đoàng bừa bãi, không buộc ở trong vòng lễ phép lặt vặt.

(2) Vua Tống-Thái-Tổ đêm tuyết đến nhà Tướng Triệu-Phổ bàn tính việc nước.

(3) Hai câu này nói Đức Thánh Khổng như hai vua Nghiêu Thuấn, chỉ khác là Nghiêu-Thuấn có ngôi làm vua mà ngài thì không ngôi, như giời đất, nhưng giời đất lặng im không nói gì mà ngài thì lại nói ra mọi lời để dạy bảo Thiên-hạ.

XXXI

乾 剎 鬼 母

MẸ RANH CÀN SÁT

Tùng-Niên

Khoảng hai làng Hạ-Hội và Thượng-Cát thuộc huyện Từ-Liêm, có một thằng bé, con nhà làm ruộng

độ 5, 6 tuổi, thường nói với cha xin sang ngủ nhà ông ngoại ở thôn bên, tối đi sớm về, trải mấy tháng đã quen lệ thường như vậy. Người chú thương cháu phải đi lại vất vả, một hôm gặp ông, bà ngoại nó ở đường, bèn xin : "Cho nó ngủ ở nhà". Người bà ngoại ngạc nhiên nói :

— Đã lâu nay, cháu nó có sang nhà tôi đâu, sao lại có chuyện ấy".

Người chú bấy giờ mới biết, không trả lời. Đến tối lặng lặng đi theo thằng bé. Ra khỏi cổng làng, gần đến một cái gò, cây cối um tùm, thằng bé gọi với rằng

— Mẹ ơi, con đã đến đây !

Người chú núp ở một cái gò bên rình xem, thấy trong bụi cây có mấy chục đứa trẻ, đứa cười, đứa khóc. Một người đàn bà, hai vú dài đến một thước, ôm lấy thằng bé cho nó bú. Thằng bé nói :

— Sớm đi tối đến, chỉ sợ rồi họ biết. Mẹ hãy dắt con đi luôn.

Người đàn bà an ủi nó rằng :

— "Hạn nợ chưa hết, con hãy phải đợi vài năm nữa. Nếu họ có cho con ăn cá chép, ba-ba, thì con chớ có ăn, nếu ăn, thì mẹ sẽ không thể gần con được nữa".

Thằng bé vâng lời. Hai mẹ con nói chuyện với

nhau xì xào. Người chú im lặng trở về. Đến sáng mua hai thứ kia nấu chung làm một, gọi thằng bé cho ăn. Thằng bé quả chối từ không ăn. Nhưng người chú cố đè cho nó ăn chỗ thừa và đổ toé cả ra mình nó. Chập tối lại đi rình theo thằng bé đến cách cái gò độ mấy chục bước, con mẹ ranh đã kinh hãi mà rằng :

— Mày không nghe lời dặn của ta, lại còn đến đây làm gì.

Rồi đuổi thằng bé không cho đến gần. Thằng bé đứng lùi lại, khóc. Người chú liền quát lớn thì con mẹ kia phút biến đi, không thấy đâu nữa. Người chú lấy những mai ba-ba, xương cá chép vứt vào khắp trong bụi cây. Đêm hôm ấy, thấy con mẹ kia đến gõ cửa kêu van, xin bỏ hai vật kia đi cho, nếu không sẽ làm yêu, làm quái để gieo tai vạ. Người chú bất đắc dĩ phải bằng lòng. Sớm hôm sau, dậy ra nhặt vứt hai vật kia xuống nước. Thằng bé ấy từ đấy không việc gì.

XXXII

鎮 武 觀

ĐỀN TRẤN-VÕ

Tùng-Niên

Trong đời thượng-cổ, tại ngôi miếu Ma ở huyện Yên-Phong, nay đổi là miếu Xuân, có con cáo 9 đuôi, vẫn làm tai họa cho dân vùng đó, một khoảng rộng

hơn 40 dặm, vắng tanh, không ai dám ở. Nhờ có đức Huyền-thiên Thượng-đế, giáng xuống bắt con hồ ấy, từ đấy trải các triều vua, đều có thờ vọng và ghi vào lễ điển, dựng đền Trấn-Vũ ở phía tây-bắc thành Thăng-Long để trấn linh khí của hồ tây ; Đời Chúa Định-Vương tiên triều, mới đúc đồng làm tượng, cao mấy chục thước, xõa tóc đi chân không, chống gươm đứng giẫm lên con rùa và con rắn. Lại có bốn viên Nguyên-súy đứng ở bên cạnh, uy dung nghiễm nhiên. Đạo-sĩ Mỗ, vốn quê Thanh-Hóa, nối đời làm nghề phù phép, một hôm từ làng bên cạnh về nhà, gặp ông địa lý Tả-Ao giữa đường kêu đói, bèn lấy cả oản chuối trong bọc ra biếu. Ông Tả-Ao cảm bụng tốt, bèn tặng cho một ngôi mộ tổ, nói xin lấy việc táng mộ để báo ân biếu oản chuối. Chẳng bao lâu, Thành-Tổ Triết-Vương đem nghĩa quân ra Đông-đô, tức Thăng-Long. Ngài bị cảm ở quân thứ, liền triệu Đạo-sĩ này đến trừ hộ. Đạo-sĩ vừa phát bùa dấu thì bệnh Vương đã khỏi, Ngài sai biên ghi lấy công. Khoảng năm Quang-Hưng (1578-1599), xa giá đến Trung-Đô, bèn cho Đạo-Sĩ được coi giữ đền Trấn-Vũ. Người giữ đền và coi việc đạo pháp đều là con cháu.

Quan Thượng-Thư Mỗ, người làng Hoàng-Xá, khi đi sứ Trung-hoa, có rước pho tượng Tử-Đồng-Đế Quân về nước, tạm đặt ở lớp tiền-đường đền Trấn-Vũ, sau lại thiên lên đỉnh núi Hoàng-Xá. Rồi thấy Đức Tử-Đồng giáng bút nói rằng :

— An-Nam là nước văn-hiến, ta sẽ cứ lấy những ngày một, ngày sáu, báo mộng cho các học-trò. Nguyên Tượng thì phải trả về Bắc. Đừng đem ta đi mà làm nhơ bẩn, rối loạn như vậy.

Chợt khi có thuyền của người Trung-hoa sang tìm hỏi pho tượng ấy, quan Thượng-thư tuân mệnh trả về, rồi ở chỗ di tích, tạc pho tượng mới để phụng thờ. Nay ở trước đền Trấn-Vũ về phía bên tả, pho tượng đội mũ phốc-đầu, mặc áo bồ-phục, chính là tượng ấy vậy. Gặp năm có khoa thi Hội, sĩ-tử bốn phương nhiều người tắm rửa chay sạch, đến đền làm lễ cầu mộng, báo ứng rất nghiệm. Tại chùa núi Hoàng-Xá cũng vậy.

XXXIII

浴翠山

NÚI DỤC-THÚY

Tùng-Niên

Núi ở đất Tràng-An, xứ Thanh-Hóa (nay thuộc Ninh-Bình) kề bên cạnh sông Vân-Sàng, trên có cây tháp gọi là tháp Linh-Tế, dựng lên từ năm Quảng-Hựu thứ 7 (1091) nhà Lý. Năm Khai-Hựu nhà Trần, có tu bổ lại và ông Trương-Hán-Siêu có làm bài ký. Trong năm Cảnh-Hưng (1740-1786) có dựng ly-cung để phòng khi vua chúa đi tuần-hành tới ngự. Nhân thế núi mà

xây dựng, thêm lẫn nhân công vào, chế-biến rất lộng lẫy. Thơ ngự chế của Chúa và thơ ứng chế của các quan theo hầu đều khắc vào đá cả, Hồi đi bình Nam, xa giá dừng lại ở đây. Sau khi thay đổi triều vua, cung này đổi làm kho lương Tràng-An, tháp cũng đổ nát, duy tấm bia đến nay hãy còn. Bài văn bia rằng :

"Làng ta có nhiều cảnh đẹp, thuở nhỏ chơi xem, chân đi đã trải khắp. Thường có lần bỏ thuyền trèo lên núi này, vỗ vào cái bia ở sườn núi, cạo rêu đi, nhận đọc thì biết cái tháp cũ dựng năm Tân-Mùi, niên hiệu Quảng-Hựu thứ 7 triều nhà Lý. Đến lúc trèo lên trên đỉnh, thấy nền đồ gạch vỡ, bừa bộn ở trong khoảng cây đá hoang dậm, bất giác bùi ngùi buồn thay cho cuộc hưng vong thành bại. Sao mới có hai trăm mấy chục năm, đã trở thành vết cũ, sẽ theo đây mà mòn mất đi chăng? Sau này không biết còn có làm lại nữa không. Từ khi có vũ-trụ thì có núi này, những người lên chơi đây, nay đã ra người thiên cổ, không biết bao nhiêu rồi? Sau đó ta đi làm khách bốn phương, làm quan ở trong Triều, dự vào cho đủ số, (lời nói khiêm) ở nơi đài-sảnh, nhớ thú cựu ẩn bên giời xa cách, chỉ thường được thăm ở trong giấc mộng mà thôi Đức Kim-Thượng lên ngôi đến năm thứ hai, mùa đông tôi ở kinh-đô, nhà sư núi Dục-Thúy là Tri-Nhu tìm đến nói với tôi rằng :

"Cuộc xây dựng lại cây bảo-tháp, khởi từ tháng

chạp năm Khai-Hựu Đinh-Sửu, đến nay trải sáu năm mới xong, xin Ngài làm cho bài ký, công đức cao cả không biết chừng nào, mà sự báo ứng cũng lại như thế này : Buổi đầu xem đất chọn ngày, nhà sư Đức-Văn chiêm bao thấy có hơn nghìn người họp trên đỉnh núi, trong đó có ba người sang trọng, tướng mạo khác thường bảo rằng : "Các người nên biết việc dựng tháp rất là một danh thắng". Kịp khi trở xuống, nửa ngày hôm sau, nhà sư Đức-Uyên lại chiêm bao thấy Trúc-Lâm Phổ-Tuệ-Tôn kết ấn để trấn trị. Lại sư Đức-Tĩnh, Đức-Minh, trước và sau vì việc xây con đường cửa tháp, nhân tảng đá lớn trật đổ, người và đá lăn từ trên cao xuống mấy chục thước, ai trông thấy cũng phải sợ hãi, cho là phải chết vụn xương. Thế mà đến lúc xuống đỡ lên, Sư không hề sao cả. Tháp xây được 4 từng, một đêm tỏa ra ánh sáng rực rỡ, xa gần đều trông thấy. Những việc làm như thế đều là do sức thần thông của Đức Phật cả. Vả Nhu (nhà sư tự xưng) nghe nói, ngày xưa vua A-Dục (1) sai quỷ thần dựng lên tám vạn bốn nghìn cây tháp, người xem lễ như được nom thấy Phật. Đầu gậy khắc hình tháp cũng trừ được yêu, cảnh phù-đồ (Tháp) trên bể phút chốc theo sương mà biến. Việc không phải là quái lạ, nay và xưa cũng như nhau cả. Xin khắc những việc ấy vào đá, truyền lại đời sau, làm **những câu chuyện hay** ở cửa Phật, và làm **cầu bến cho những người tin tưởng**, há chẳng nên ư ?"

Ta nghĩ ông Thích-Ca, ông Lão-Tử lấy lẽ tam không mà chứng đạo. Sau khi tịch diệt, đến lúc đời cuối (ý nói đã rất xa gốc đạo), có một số người (giả danh) tôn sùng Phật-giáo để cỗ hoặc chúng sinh. Chùa chiền chiếm một phần năm trong đất nước, làm cho hư nát đạo thường, hao phí tiền của, dẫn dắt bao người u tối, nhắm mắt hùa theo (ngây ngây mà đi, ngần ngần mà đến), bảo rằng không hóa thành yêu ma, gian trá, thực hiếm có vậy. Vả lại còn làm ác nữa, sao nên !

Tuy nhiên, sư Tri-Nhu đây là người theo hầu sư Phổ-Tuệ, hiểu sâu đến chỗ não tủy, đạo pháp của Trúc-Lâm, gìn mình giữ nết, thật là khắc khổ. Sư có ba cành tre ; (ý này bắt lên ý rừng trúc (竹 林) ở trên ; tức là nắm giữ được then chốt của Đạo, mà rồi nảy nở, lan rộng thành rừng). Vả giơ hai nắm tay, không làm nên thủ đoạn lớn. Nghĩ đến việc đẽo gốc mây, xếp hòn đá, từ tấc, mà thước, mà trượng, một bước tiến lên một bước, một từng cao thêm một từng, cho đến lúc vòi vọi đứng sững, thế ngất trời xanh, thêm vẻ hùng tráng cho non sông, sánh công xây dựng cùng Tạo-hóa, thì há phải bao nhiêu kẻ tu hành tầm thường khác có thể so ví được. Ôi sau đây, lại mấy trăm năm, biến tan trong khoảng cúi ngửa, sẽ có kẻ như ta buông tiếng thở dài, biết đâu chẳng còn có ai như bọn nhà sư Trí-Nhu này, thì hỏi ta ắt chắc gì ? Đến như non xanh, nước biếc, bóng tháp in dòng, thuyền nhỏ

trời chiều, lênh đênh mặt nước. Đẩy mũi thuyền ra trông phong cảnh ; gõ bơi chèo hát khúc Trương-Lương. Tìm gió mát của Tử-Lăng trong một sợi dây câu ; Hỏi ước cũ của Đào-Chu trong năm hồ khói sóng. Cảnh ấy lòng này, duy có ta cùng với non sông ấy cùng biết mà thôi".

Niên-hiệu Thiệu-Phong thứ 2 năm Quý-Mùi (1343) nhập nội Hành-Khiển Tả-Ty Thị-Lang, kiêm Lạng-Châu lộ Kinh-Lược-Sứ, Độn-Tầu, Trương-Hán-Siêu Thăng-Phủ ký.

CHÚ-THÍCH :

(1) Vua A-Dục là vua nước Ấn-Độ đời xưa, mới đây người ta dịch là A-du-Già, tịch diệt được 100 năm (266 trước tây-lịch). Vua lên trị vì xứ Trung Ấn-Độ. Khi trước theo đạo Bà-La-Môn. làm nhiều sự tàn ác, giết hại cả anh em. Sau khi lên ngôi vua, đổi lòng thờ đạo Phật, thi hành nhân chính, hết sức ủng hộ cho đạo Phật. Đạo Phật truyền rộng ra nước ngoài, phần nhiều nhờ sức nhà vua. Vua mất trước tây-lịch 3 năm.

XXXIV

桂 塢 阮 祖 墳

MẢ TỔ HỌ NGUYỄN LÀNG QUẾ-Ô

Kính-Phủ

Họ Nguyễn Quế-Ô vốn là một họ danh tiếng về đời Lê Trung-Hưng. Tiên-tổ khi xưa nhà nghèo, dựng lều

ngoài đồng làm nghề chăn vịt. Một hôm, con ra thăm cha không thấy đâu cả, nhặt được phong thư, mở ra xem biết cha mình đã bị những người Trung-hoa đến đào của giết mất, moi ruột tế thần giữ của, chôn xác ở cái gò đất bên lều, và dặn đò là cát địa, đừng nên cất nhắc đi đâu cả. Người con kêu khóc rồi đắp nấm mồ mà về. Sau, nhà ấy thường sinh ra những bậc danh tướng, có tiếng khỏe mạnh, nhưng phần nhiều về sau không được trọn vẹn. Người ta cho là do mồ mả xui nên. Khoảng năm Vĩnh-Hựu (1735-1740) có người cháu là Đức-Tổ đo chức Tướng-quân đi đánh giặc, lúc lên đường, trao cờ ấn cho kẻ bộ hạ mà nói :

— Giữ lấy rồi đem nộp Triều-đình, ta tất không thể trở về được.

Rồi Tướng-quân gặp giặc Diên đến, hăm hở một ngựa xông ra, đánh nhau mê mải hồi lâu, ngựa vấp bị ngã, bị giặc giết chết.

Giặc Diên người làng Ninh-Xá, huyện Chí-Linh, dòng sau của ông Nguyễn-Mại, sức khỏe tuyệt vời, mỗi bữa ăn hết nồi tư cơm, thuở nhỏ tập nghề võ, vẫn cùng Tướng-quân có tiếng giỏi ngang nhau, nay Diên mừng mà rằng :

— Thế là từ nay ta không còn có người đối-thủ nữa.

Tin buồn đưa về, Triều-đình khen là tiết-nghĩa,

truy phong làm Phúc-thần và dùng con là Đức-Thân, Đức-Ánh làm quan. Trận giáp chiến ở Nhã-Nam (vùng Yên-Thế) dẹp giặc Nguyễn-Hữu-Cầu, Đức-Ánh cưỡi voi đốc chiến, bị thương ở cánh tay hữu gần gãy, xé vạt áo băng bó, rồi xua binh lại tiến vào, tiếp đó, bị giặc bắn chết, được truy tặng Quận-Công, tước Bình-Khang. Bấy giờ Đức-Thân đương làm Hữu Tướng-quân, tiến áp đến bên trại giặc, bị trúng phải đạn bay mà mất. Con là Đức-Vượng lại lãnh quân của cha, đánh nhau rất hăng, được phong Bắc-Ngạn-Hầu. Cuối đời Cảnh-Hưng (1740-1786) lệ thuộc vào đạo quân Thuận-Quảng. Tháng năm năm Bính-Ngọ, thành hãm, cũng vì đánh trận mà chết.

XXXV

雷 公

Ông SẤM

Kính-Phủ

Một người giàu tên là Mỗ ở làng Như-Phượng, huyện Văn-Giang, thường đi buôn bán ngoài bể khơi, bị sóng gió đánh đắm thuyền, giạt đến một cái đảo toàn là những người đen xấu, ăn mặc cấy cày cũng giống như người đời. Mỗ ở đấy làm mướn mấy năm. Một hôm người trong đảo bảo rằng :

— Anh có muốn về thì theo ta.

Hắn trao cho nắm một đầu thừng, bảo nhắm mắt lại, rồi hắn tung bay lên giời, bên tai, Mỗ nghe thấy tiếng sấm ù ù. Một lát thừng đứt, mình lăn xuống đất, nhìn ra thì đó là cồng làng. Mỗ về đến nhà thì hình dạng đã đổi khác cả, người nhà không thể nhận ra được nữa, thuật lại chuyện cũ họ mới tin. Ngày nay con cháu đều đen, người ta bảo là họ ông Sấm.

XXXVI

楊公嵩

Ông DƯƠNG-CÔNG-CAO

Kính-Phủ

Ông người làng Hà-Ilỗ, huyện Đông-Ngạn. Hồi chưa đỗ, thường đến đền Chấn-Võ ở Yên-Phong cầu mộng. Thần bảo rằng : « Suốt đời làm dân hạng ». Tỉnh dậy, băn khoăn tấm tức, đối với việc học hành, lòng nguội như gio. Khoa thi hội năm Mậu-Thìn, theo một ông thầy học ở làng là viên Giám-Sinh Mỗ đến kinh. Mới vào đến tam trường thì viên giám-sinh mất, ông bèn mạo tên vào trường làm văn. Các cống-sĩ đồn dậy lên, nói có người mạo tên cử-nhân vào thi, trong trường rất xôn-xao. Một thí-sinh làng Tỷ-Xá là Nguyễn-Duy-Hiểu, con quan Thượng-Thư Nguyễn-Duy-Thời, đứng dậy bảo các cống-sĩ rằng :

— Ba năm mới có một khoa thi, đó là một điển lễ lớn, cốt để chọn tài, phải trái đã có công luận, ai nấy

chỉ nên gắng lo về tiền trình của mình là hơn. (Tiền trình : con đường tương lai).

Các cống-sĩ bấy giờ mới yên lặng. Khi ra bảng, ông được hợp cách. Việc đến tai đình-thần, các quan muốn bỏ, nhưng còn bàn bạc chưa xong. Khoa ấy, ông Nguyễn-Duy-Hiểu cũng đỗ, bạn khách đến mừng, nhưng ông Hiểu không tiếp, cha là ông Thượng-thư hỏi vì cớ sao, ông Hiểu than :

— Vì có Dương-Mỗ có tài lạ mà bị truất, nên con buồn, không muốn nhận lời mừng của ai.

Ông Thượng-Thư bắt phải ra tiếp khách, rồi vào phủ trình với Chúa rằng :

— Dương-Công-Cao thi hội trúng cách, há rằng khi thi hương lại không trúng cách ư ? Khoa mục cốt ở chọn được người, không nên câu nệ những lề luật có sẵn.

Chúa nghe theo, cho vào thi đình, ông đỗ nhị-giáp. Sau bia đề tên ông, cải chính, chua ở dưới là « dân hạng ». Thần mộng quả ứng nghiệm.

XXXVII

阮 登 鎬

Ông NGUYỄN-ĐĂNG-CẢO

Tùng-Niên

Ông người làng Hoài-Bão, huyện Tiên-Du, tính nết

phóng đãng không ưa kiềm chế, ngoài thịt chó và rượu ngon, không còn thích cái gì, ngông ngạo không coi ai vào đâu cả. Ngày vào điện thí, đáng nhẽ đỗ đầu mới phải, nhưng Triều-đình đè-nén, đặt xuống thứ ba. Đứng trong triều, nói năng không kiêng sợ gì, nên mấy lần bị biếm truất. Sứ Trung-hoa sang sách phong, đi đến trạm Xương-Giang dừng lại, đưa cho Thế-Tử một vuông gấm, viết lớn một chữ (三). Cả Triều không ai giải đoán được, phải đặc chỉ triệu ông vào hỏi, ông thưa rằng :

— Việc đánh đố nhỏ nhặt ấy, bõ gì Chúa-Thượng phải bận lòng.

Ông bèn cầm bút dấm mực viết một nét sổ (|) để trả lời. Sứ Trung-hoa liền theo người liên lạc đến ngay. Chúa hỏi duyên cớ. Ông nói :

— Tượng của quẻ càn có ba nét ngang (三) thêm vào một nét (|) thì thành ra chữ vương (王).

Khi ông làm Chánh-Sứ sang cống Trung-hoa qua một cái quán, rường cột lộng lẫy. Người bạn tiễn đưa xin ông mấy chữ biểu ngạch, ông liền viết hai chữ trùng nhị (重二).

Người Trung-hoa hỏi nghĩa là gì, ông cười mà rằng :

— Thế nghĩa là Phong Nguyệt Vô Biên (風 月 無 邊) (1).

Ai nghe thấy cũng phải kính phục.

Việc đi sứ xong, ông xin về hưu, thường đội nón chống gậy, xách bầu nước, lê đôi dép, qua lại thơ-thẩn ở trong khoảng suối khe núi đá, ham vui quên về. Có khi nhân đêm sáng trăng lên chơi núi Lan-Kha. Khi vừa hết canh một, bốn bề im lặng không có một người nào, bỗng thấy trên núi có hai cây gậy cắm, giữa căng một sợi dây nhỏ, một đạo-nhân nằm lên sợi dây ấy, ngủ ngáy kho kho. Ông lấy làm lạ, quỳ gối ở dưới đất để đợi. Ước một trống canh, đạo-nhân ngồi dậy nói :

— Ông có phải là ông Thám-Hoa người làng Hoài-Bão không ?

Ông cúi lạy vâng nhận, xin bỏ việc đời theo đi tu tiên. Đạo-nhân vung ngón tay trỏ một vòng, rồi nói :

— Ông có số, nhưng không có mệnh, đừng nên tự làm khổ mình. Ông cố nài xin, Đạo-nhân nói :

— Tu tiên có ba thứ phải ghét ; năm thức phải kiêng, (hăng cay, mặn muội v.v...) như thịt chó là một. Ông có thể kiêng được không ?

Ông nói kiêng được. Đạo-nhân liền quấn dây buộc gậy đưa cho ông vác đi theo. Trải qua các núi sông, đều thấy phong cảnh lạ và khác trước. Gần trưa đến một cái chợ, mùi thịt chó ở trong hàng cơm thơm sực

vào mũi, ông thèm quá không thể nín được, xin cho ăn no một bữa, rồi từ đây thôi hẳn. Đạo-nhân bằng lòng cầm hộ gậy và dây, để cho ông vào. Ông ăn no, rồi đi ra, Đạo-nhân bảo :

— Ta là Trần-Đồ-Nam. Ông có số không có mệnh, thôi đừng nên tự khổ nữa.

Bèn đưa cho ông một phương thuốc chữa trâu bò rồi vụt biến mất không trông thấy đâu nữa. Ông chùi mắt nhận kỹ, thì ra đấy là chợ Cầu-Lim ở làng Nội-Duệ, cách núi Lan-Kha mới chừng một dặm. Ông đứng ngẩn ngơ buồn rầu một hồi lâu.

CHÚ-THÍCH

(1) Phong nguyệt vô biên là chữ sẵn trong sách, nghĩa là gió giăng sẵn có luôn luôn, không giới hạn nào. Đây ông Cảo viết hai chữ (虫二) tức là chỉ viết phần trong của hai chữ (風月) Ý bảo Phong — Nguyệt không có những nét ngoài biên, thành ra ý nghĩa của 4 chữ " phong-nguyệt vô biên ".

XXXVIII

裴 輝 壁

Ông BÙI - HUY - BÍCH

Tùng-Niên

Năm Nhâm-Dần, niên hiệu Cảnh-Hưng (1740-1786),

chúa Điện-Đô, trẻ thơ lên cầm quyền chính, xa gần đều bàn tán xôn xao. Ngày 25 tháng 10, quân Tam-phủ làm loạn, phù lập con lớn của Chúa cũ là Tông lên ngôi, đó là Đoan-Nam-Vương. Ông Bùi-Huy-Bích ở trong Chính-Phủ, hết sức chống giữ, trong ngoài mới được tạm yên. Bấy giờ dưới lấn trên suy, giường mối ngày càng đổ nát, ông đứng trong Triều lo lắng thường vẫn thở ngắn than dài. Bài khóc ông quyền-phủ Hồ-Sĩ-Đống có những câu sau :

"Trên Triều-đình, chính-sự bừa bãi, lại thêm mùa màng bị nước lụt, sâu cắn. đương mong ông hoặc có cứu chữa được tình thế chăng. Nay ông từ trần, thì tôi lại chưa được lánh (nhường bước) người hiền để lui về nuôi giữ cái ngu của mình".

Tấm lòng của ông thực đã tỏ bày ra lời nói. Một hôm ông chiêm bao thấy chúa Nghị-Tổ Ân-Vương ngự giá đi chơi núi, ông quì tâu rằng :

— Việc nước đến không thể làm gì được nữa, chỉ còn mong ở đấng Tiên-vương tính kế cho xã-tắc.

Chúa thở dài không nói, chỉ trỏ tay xuống dưới núi, thì thấy ở giữa đám núi thịt bề máu, mũ xiêm, xe ngựa bề bộn ngổn ngang không biết bao nhiêu mà kể. Sau mấy lần, ông xin từ chức, nhưng không được. Chẳng bao lâu nước mất.

XXXIX

報 天 塔

THÁP BÁO - THIÊN

Tùng-Niên

Cây tháp Đại-Thắng Tư-Thiên-Bảo tại chùa Báo-Thiên dựng từ đời vua Lý-Thái-Tôn (1054-1072). Tháp xây 12 từng, cao mấy chục trượng. Tương truyền là AN-NAM tứ khí (安南四器) nghĩa là nước An-Nam có bốn kiến-trúc lớn, thì tháp này là một (1). Khoảng năm Tuyên-Đức nhà Minh ; Đức Thái-Tổ Hoàng-Đế tiên-triều tiến binh vây Đông-Đô. Viên quan giữ thành là Thành-Sơn-Hầu Vương-Thông phá hủy cây tháp, chế ra súng đá để giữ thành. Tiên-triều nhân nền cũ, đắp các núi đất phủ lên trên. Sau hồi thay đổi triều vua, bỏ chùa để làm chợ Báo-Thiên, dùng núi này làm chỗ xử tử người tội. Năm Giáp-Dần lại cho đào lấy những gạch đá ở nền tháp để tu bổ thành lũy Thăng-Long. Khi phá nền tháp, thấy có 8 pho tượng Kim-Cương chia đứng 4 cửa, ngoài ra còn có những tượng người tiên, chim muông, cả đến những giường ghế ; chén, bát, các thứ lặt vặt không thể kể xiết, toàn bằng đá cả. Những hòn gạch hoa, hòn nào cũng thấy khắc những chữ : 李 家 第 三 帝 龍 瑞 太 平 四 年 造

(Lý gia đệ tam đế, Long-Thụy Thái-Bình (1054-1058) tứ niên tạo) nghĩa là : "Đúc trong năm thứ tư,

niên hiệu Long-Thụy Thái-Bình đời vua thứ 3 triều nhà Lý ". Bấy giờ tôi có đề bài thơ rằng :

李 氏 故 基 成 茂 草
Lý thị cố cơ thành mậu thảo
太 平 遺 號 要 殘 碑
Thái-bình di hiệu ủy tàn chuyên

DỊCH NGHĨA :

Nền xưa của Lý-thị nay đã thành vầng cỏ tốt.

Hiệu cũ Thái-bình nay còn trơ lại một đồng sành hoang.

Đó là lời ghi việc có thực vậy.

CHÚ-THÍCH :

(1) Bốn kiến-trúc lớn là chùa Quỳnh-Lâm, vạc Phổ-Minh, chuông Quỳ-Diên và tháp Báo-Thiên.

XLI

仙 郡 主

TIÊN - QUẬN - CHÚA

Tùng-Niên

Cô gái yêu của bà Chính-Phi Chúa Minh-Vương (Trịnh-Doanh) là Tiên-Quận-Chúa, đã đính hôn với Hoàng Thái-Tử Duy-Vĩ. Chưa thành-hôn thì bà tạ thế. Sau khi khâm liệm, truy sách làm Hoàng-Thái-Tử-Phi.

lễ thành phục làm ở dinh ngoài Liêu-Công phu-nhân là bảo-mẫu của Quận-Chúa.

Trước đó một ngày, Thái-Tử vận y phục đúng theo lễ, túc trực ở nhà tang, chiêm bao thấy có người yết-giả (1) áo vàng, dẫn vào vương-phủ, trông thấy lâu-đài cùng kẻ hầu người hạ, sang trọng gấp mấy mươi lần ở cõi trần. Uống trà xong, nhà bếp dàng cỗ lên, đàn sáo vang dậy. Ăn xong trò chuyện lúc lâu, Quận-chúa sai buông màn cùng nhau âu yếm. Trong khi nằm trên gối, Quận-chúa bảo với Thái-Tử rằng :

— Thiếp chịu mệnh Thượng-Đế, xuống trần cùng điện-hạ kết mối duyên nợ kiếp xưa. Mới đây, vì bà Phi, mẹ thiếp đức mỏng, nên thiếp phải về, không được ở lại, để hầu khăn túi cho trọn vẹn. Nhưng ngày xum họp sau đây cũng chẳng xa xôi lắm, xin đừng nên bận nghĩ đến thiếp.

Lúc tỉnh dậy hơi men chưa phai, hương thừa hãy còn ngan ngát ở áo, bèn gọi bà Bảo-mẫu nói chuyện cho nghe : Hình dung, phục sức của Quận-Chúa trong giấc chiêm bao, y như lúc ngày thường không khác gì cả.

Không bao lâu Thái-Tử phải nạn mất.

CHÚ-THÍCH :

(1) Yết giả : Quan canh cửa, thông báo, dẫn người vào chầu Vua, Chúa.

XLII

賣 炭

NGƯỜI BÁN THAN

Kính-Phủ

Hồi nhà (.....) mất, (1) có người di-thần (2) ở ẩn, không chịu ra làm quan, lấy nghề bán than, làm kế sinh nhai. Một hôm giữa đường gặp toán quân của vị Quốc-lão họ Hoàng. Vị Quốc-lão trông thấy cho gọi lại và bảo làm bài thơ bán than bằng quốc-âm. Người di-thần đó liền làm ngay rằng :

Một gánh kiền khôn ruỗi xuống ngàn,
Hỏi chi bán đấy, gửi rằng than.
Chuốc mua miễn được đồng tiền tốt ;
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.
Ở với lửa hương cho vẹn tiết ;
Thử xem sắt đá có bền gan.
Hận vì nhem nhuốc mong nghề khác,
Song lệ (1) giời kia, lắm kẻ hàn (2).

1/ (Lệ : e rằng, sợ rằng ; 2 hàn : rét lạnh).

Vị Quốc-lão họ Hoàng nghe xong, rất tán thưởng, tặng cho năm quan tiền, nhưng người di-thần không nhận quẩy gánh đi.

THAM KHẢO :

Bài thơ trên có mấy cuốn sach, báo nói là của ông Trần-Khánh-Dư, Tôn-thất nhà Trần đã làm, và ghi chép như sau :

Một gánh kiền-khôn quẩy tếch ngàn,
Hỏi chi bán đó ? Dạ rằng : than.
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt ;
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn !
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp ;
Thử xem sắt đá có bền gan.
Nghề này nhem nhuốc toan nghề khác,
Nhưng sợ trời kia lắm kẻ hàn.

Nhưng theo Thi-Văn-Bình-chú Ngô-Tất-Tố, trang 195 thì là Di-thần nhà Lê.

Xét các bậc di-thần nhà Lê, có làm rất nhiền thơ chữ Hán nói về thời cuộc lúc ấy, không thể chép hết, xin tạm ghi mấy bài sau :

Bài thứ nhất

誰分誰合未之何
南北從來是一家
遺黎官軍歌鼓角
奔遑臣主泣山河
皚皚白髮歸何所
耿耿丹心矢靡他
寄語皇天如悔禍
肯教蒼赤陷兵戈

Phiên âm

Thùy phân, thùy hợp vị chi hà,
Nam bắc tùng lai thị nhất gia.

Đăng chiệp quan quân ca cổ giốc,
Bôn ba thần chủ khấp sơn hà.
Bà bà bạch phát qui hà sở ;
Cảnh cảnh đan tâm thỉ mị tha.
Kỷ ngữ Hoàng-Thiên như hối họa,
Khẳng giao thương xích hãm binh qua.

Dịch nghĩa

Nam bắc vẫn một nhà, mà nay sao kẻ chia, người hợp. Quan quân lui tới nhộn nhịp trống mõ. Trong lúc chạy trốn, vua tôi đều thương khóc cho non sông.

Lơ phơ tóc bạc, nay biết đi về nơi nao, nhưng lòng son vẫn giữ được sáng sủa, thề chẳng khác xưa.

Muốn nhắn nhủ trời xanh đừng gieo rắc những nỗi tai vạ, để dân chúng phải hãm vào vòng binh qua.

Dịch vần

Ai chia, ai hợp chửa sao mà,
Nam bắc, xưa nay vẫn một nhà.
Quan lính tới lui vang trống mõ ;
Vua tôi trốn tránh khóc sơn hà.
Lơ phơ tóc bạc, về đâu tá.
Chói rọi lòng son, thế cũng là !
Nhắn nhủ trời xanh còn giáng phúc,
Đừng đem dân chúng hãm can qua.

Bài thứ hai

Khuyết nhất cú

(Thiếu câu đầu)

. . . . . .

二百年來厚久安
道賴有情頌聖武
具臣無口罵權奸
不能起讀羙齊鬼
何恩新陪滑質官
尚有先公遺澤想
故寧毀義似周頑

Phiên âm

(Bản chính thiếu mất câu đầu)

. . . . . .

Nhị bách niên lai tịch cửu an,
Bô lệ hữu tình ngưng thánh vũ,
Cụ thần vô khẩu mạ quyền gian,
Bất năng tuyệt đính Di, Tề quỉ ;
Hà nhẫn tân giai Phồ, Chất quan.
Thượng hữu Tiên-công di trạch tưởng ;
Cố ninh hủy nghĩa tự chu ngoan.

Dịch nghĩa

(Thiếu câu đầu)

Đã hai trăm năm, khắp trong nước được yên

ồn. Nay những người phải lẩn trốn vẫn có lòng ngưỡng mộ Thánh-chúa. Những bầy tôi trong Triều không ai dám hé miệng mắng kẻ quyền gian.

Đã chẳng được chết như Di Tề (1), ở nơi núi cao rừng rậm, cũng không nỡ lòng xu thời cầu danh như bọn Phồ Chất (2).

Còn nhớ đến đức trạch của người xưa để lại, thì sao đành lòng bỏ điều nghĩa mà bắt chước bọn dân ngoan.

CHÚ - THÍCH :

(1) Di Tề : ông Bá-Di, Thúc-Tề là hai người liêm-khiết đời xưa.

(2) Phồ chất : Quan như Phồ Chất là Doãn-Phồ và Phạm-Chất hai người làm quan đời Tống gặp khi triều vua thay đổi, phải sụp lạy dưới thềm, cầu theo vua mới, để toàn danh mệnh (Điền này ghi theo Tống-Sử).

LỜI BÀN CỦA DỊCH-GIẢ :

Trong bản chữ Hán, bài thơ trên, thiếu mất câu đầu. Nay muốn cho bài thơ có đủ 8 câu, cho xuôi nghĩa, tôi xin tạm điền vào cho đủ, chờ khi nào khảo cứu được câu cũ sẽ thay vào.

Câu đầu của bài thơ trên, xin tạm ghi là :

"重興事業此江山"

"Trùng hưng sự nghiệp thử giang san"

và tạm dịch :

"Tổ tiên gây dựng lại giang san"

Dịch vần

(Đủ tám câu)

Tổ tiên gây dựng lại giang san.
Năm trải hai trăm, nước vẫn an.
Kẻ trốn, có lòng tôn Thánh-chúa ;
Tôi hèn, không miệng mắng Quyền-gian !
Đã không học được Di, Tề ẩn ;
Sao nỡ đua đòi Phổ, Chất quan.
Đức trạch Tiên-công, còn tưởng nhớ,
Lẽ nào bỏ nghĩa học phường ngoan.

Bài thứ ba

當 初 恨 不 死 忠 貞
千 里 爲 臣 趨 玉 京
箕 子 西 行 悲 麥 秀
文 山 北 渡 嘆 洋 零
關 河 舉 目 鄉 情 重
鐘 鼎 攢 頭 世 味 輕
遙 望 宋 山 何 處 是
吾 先 烈 祖 舊 墳 塋

Phiên âm

Đương sơ hận bất tử trung trinh,
Thiên lý ky-thần sấn Ngọc-kinh.
Cơ-tử tây hành bi mạch tú ;
Văn-Sơn bắc độ thán dương linh.

Quan hà cử mục hương tình trọng ;
Chung đỉnh đài dầu thế vị khinh.
Dao vọng Tống-Sơn hà xứ thị,
Ngô tiên liệt-tổ cựu phần doanh.

Dịch nghĩa

Xưa, kia đã ăn hận chẳng được chết sớm để giữ cho toàn vẹn lòng trung. Nay đành là kẻ bầy tôi bị trói buộc, ở nơi xa xôi ngàn dặm đến chốn Ngọc-kinh này.

Ông Cơ-tử khi qua cung điện cũ của nhà Ân, chỉ thấy trơ đám lúa tốt ; ông cảm hoài làm bài mạch-tú ca, có câu : "Mạch tú tiệm tiệm hề, hòa sinh dụ du". Dân chúng nghe, đều cảm động khóc).

Văn-Sơn Bút hiệu Văn-Thiên-Tường đi sang mạn bắc ; luống than thở hoài vì nỗi lênh đênh.

Mỗi khi nom thấy non sông trước mắt, lại thêm nặng lòng tưởng nhớ quê hương.

Quay đầu nơi chung đỉnh, lại thấy mùi đời đáng khinh.

Xa trông về núi Tống-Sơn, nào biết ở đâu ?

Mà đâu là nơi phần mộ tổ tiên, chốn thâm tình của ta ?

Dịch vần

Hận xưa chẳng chết, vẹn trung trinh,
Ngàn dặm ky-thần (3) đến Ngọc-kinh.
Cơ-tử (4), phương đoài, sầu lúa tốt ;
Văn-Sơn (5), bến bắc, ngán lênh đênh (6).

Quan hà ngước mắt hương tình (7) nặng ;
Chung đỉnh quay đầu, thế vị (8) khinh ;
Xa ngóng Tống-Sơn đàu đó tá,
Tổ-tiên phần mộ chốn thâm tinh.

Sau có một vị phụ-nữ lưu lạc ở Kinh, vào thăm nhà anh ông Nguyễn-Kiều-Nhạc-hầu, làm thơ đề, trong có câu rằng :

來 可 亡 吳 傷 浣 婦
Lai, khả vong Ngô thương Cán-phụ ;
去 能 存 楚 愧 包 胥
Khứ, năng tồn Sở qui Bao-tư.

Nghĩa là :

Đến, để diệt Ngô, thương gái giặt (9) ;
Đi, mà còn Sở, thẹn chàng Bao.

Nguyễn-Hầu nghe rồi cho đi.

CHÚ - THÍCH :

(1) Trong bản chữ Hán bỏ trống, không ghi rõ là nhà Nguyễn hay nhà Lê, nhưng theo cuốn "Thi văn bình chú" của Ngô-Tất-Tố, trang 195, thì là Di thần nhà Lê.

(2) Di thần : Bầy tôi cũ của Triều trước còn lại.

(3) Ky-thần : Kẻ bầy tôi bị ràng buộc mất cả tự do, phải đi ở đậu nơi khác.

(4) Cơ-tử là Thái-Sư nhà Ân ; (xin coi thích nghĩa ở trang 218).

(5) Văn-Sơn : Văn - Thiên - Tường đời Tống, bị quân nhà Nguyên bắt giải qua sông sang phía bắc, khi qua bến Linh-đinh, ông có làm bài thơ, trong có câu : Linh-đinh dương lý thán linh đinh : nghĩa là qua bến "Linh-đinh than cho số phận lênh đênh" (Điển ở Nguyên-sử).

(6) Lênh đênh : Xin tạm bỏ đối, tránh sự gò bó, để giữ lấy ý của 3 chữ : thán dương linh.

(7) Hương tình là tình nhớ quê hương ;

(8) Thế vị là mùi đời.

(9) Gái giặt : Truyện Ngũ-Tử-Tư xin ăn, làm chết người đàn bà giặt lụa, (lúc sắp vào Ngô).

XLIII

范君湊

PHẠM-THẤU

Kính-Phủ

Phạm-Thấu người làng Hoàng-Xá, huyện Đông-Quan, con út ông Đông-Các Phạm-Mỗ. Thuở nhỏ thông minh, xem rộng các sách, văn chương lỗi lạc. Khi đi khảo, đầu bài phú là : 遇合真君臣 .

"Ngộ hợp chân quân thần". Bài của ông làm, trong có câu rằng :

白帝厎興復之心創業之功未卒
Bạch đế hôi hưng phục chi tâm, sáng nghiệp chi công vị bán ;
五丈洒英雄之淚復讎之志難伸
Ngũ trượng sái anh hùng chi lệ, phục thù chi chí nan thân.

DỊCH

Thành Bạch-Đế, khôi phục nguội lòng, lập nghiệp công kia vừa mới nửa ;

Gò Ngũ-Trượng, anh hùng rửa lệ, phục thù chí đó vẫn chưa xong.

Khảo-quan khen là có tài lạ, lấy đỗ đầu.

Khoảng năm Vĩnh-Hựu (1733-1740), ông Đông-Các,

vì có ông cậu là Nguyễn-Công-Hãng bị tội, phải trốn lên Trấn-Ninh, theo Hoàng-Tôn Duy-Chúc, Duy-Mật dấy quân, ra trận bị bắt, Triều-đình kết tội rằng ;

— Nhà ngươi là người trong khoa-giáp, làm sao lại đi theo đảng nghịch ?

Ông cười và nói :

— Đã lâu nay, danh phận chưa rõ, còn phân biệt sao được thuận nghịch.

Rồi vươn cổ ra chịu hình.

Phạm-Thấu bị cấm, bỏ không được dùng, nên tự buông thả, rượu uống li bì, đuổi cả vợ con, chẳng thiết gì sinh cơ lập nghiệp, thường đi rong chơi sơn thủy. Gặp lúc đắc ý, uống rượu hát ngao, mải miết quên về. Bấy giờ quốc-lão Hoàn-quận-công Nguyễn-Hoàn ham đọc sách về đạo-gia, ngờ là Phạm có biết phép tiên, mời đến chơi để hỏi, Phạm cười mà rằng

— Ông là người chìm nổi trong bể hoạn, dạy làm sao được.

Quốc-lão im lặng rồi mới đi.

Cuối đời Cảnh-Hưng có người gặp ông ở chợ Thanh-Hà, áo rách, chân không, thản nhiên ngâm vịnh, cho rượu không từ chối, cho tiền cũng lấy, nhưng ném tung cho lũ trẻ con tranh nhau nhặt, để làm vui. Quan

huyện nghe nói mời đến nhà, thết cơm không ăn, chỉ uống rượu vô hạn. Ngủ thì cứ để cả chân lấm, mời đi rửa nhất định không nghe. Ở mấy ngày rồi đi. Sau khi vạc đổ, (triều vua thay đổi) không rõ ra sao.

XLIV

武 公 鎮

Ông VŨ-CÔNG-TRẤN

Kính-Phủ

Ông Võ-Công-Trấn người làng Đôn-Thư, huyện Thanh-Oai, thuở nhỏ ưa buông thả (phóng túng), không chịu ràng buộc. Khi ông đến trọ học ở làng Thiết-Ứng, huyện Đông-Ngàn, cổng làng có cái miếu yêu-tinh rất thiêng, ông vẫn thường khinh nhờn. Một đêm ngồi học, thấy một người con gái áo lụa mộc, quần đen rón rén đi đến, ngồi ở bên cạnh bàn học. Ông cho là một cô gái lẳng lơ, cầm bút viết đùa ở khoảng không hai chữ: "tróc phọc" (1) rồi ôm lấy. Vừa ôm thì vụt đã không thấy gì, nhưng buông tay ra thì nàng lại ngồi đấy, bấy giờ mới biết nàng là một yêu-nữ. Nàng lặng im lúc lâu, không thể đi được, kêu van ông tha cho, ông nhất định không nghe. Gà gáy, nàng kêu van rằng:

— Âm dương khác nẻo. Sao lại bức bách nhau như vậy, ông há không nghe nói chuyện "đốt soi sừng tê ở Ngưu-chử ư?" (2)

Ông hứa sẽ thả, và hỏi về tiền-trình của mình nàng nói :

— « Tiết lộ cơ giời, tội lỗi không nhỏ, nhưng đối với ông, thì tôi không dám dấu. Ông sau sẽ làm chức Đông-Các cả hai nước, mong ông đừng quên tôi ».

Ông nhận lời rồi viết vào khoảng không một chữ giải (解) (3). Lập tức nàng biến đi mất. Sau đó một lát, sấm mưa đùng đùng, rồi nghe người ta nói là cái miếu yêu-tinh đã bị sét đánh tan nát.

Sau ông thi đỗ Tiến-sĩ khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Bảo-Thái (1720-1729), thi Đông-Các cũng trúng cách. Phụng mệnh đi sứ Trung-hoa, gặp kỳ thi Đông-Các ứng chế cũng lại trúng cách. Cảm vì lời linh-nghiệm, mỗi bữa ăn, ông thường đặt đũa bát khấn mời. Đứng trong Triều, ông vẫn giữ mực thẳng thắn không kiêng sợ gì người quyền thế. Khoảng năm Cảnh-Hưng (1740-1785) làm quan đến Ngự-Sử-đài Đô-Ngự-Sử. Bấy giờ ông Thự-phủ Luyện-Quận-Công Đỗ-Thế-Giai, là bầy tôi cũ, từ khi chúa chưa lên ngôi, nên được Chúa rất tin yêu, cầm quyền chính có vẻ chuyên quyết. Ông xin Chúa chém đầu viên ấy, Chúa khen là người thẳng. Khi về trí-sĩ được thăng chức Thượng-thư. Con gái ông gả cho con giai ông Tô-Thế-Huy ở làng Bình-Đặng. Mới ăn hỏi xong thì người con giai chết. Người con gái về nhà họ Tô chịu tang. Sau bà mẹ là Mỗ phu-nhân thương vì trẻ trung, ép đi tái giá, nàng nói :

— Thờ một (chồng) cho trọn đời là đạo người đàn bà, sao con còn dám nghĩ đến sự gì nữa.

Mẹ chồng là Mỗ phu-nhân cũng khuyên, nhưng nàng thề không vâng theo. Rồi ở nhà chồng mãi đến khi già chết.

CHÚ THÍCH :

(1) Tróc phọc là bắt trói (捉縛).

(2) Ôn-Kiều đời Tấn qua Ngưu-Chử đốt cái sừng tê soi xuống vực, thấy các hình yêu quái hiện ra. Về nhà đêm nằm mộng thấy người đến trách và ra vẻ thù oán.

(3) Giải 解 : nghĩa là cởi, tha.

XLV

阮 公 秩

NGUYỄN - TRẬT

Kính-Phủ

Ông Nguyễn-Trật người làng Nguyệt-Viên, huyện Hoằng-Hóa (Thanh-Hóa). Tuổi trẻ thi đỗ khoa hương rồi bỏ học, không nhìn đến sách vở nữa. Bấy giờ có viên Trúng-thức Mỗ ở làng Bột-Thái cùng huyện, học rộng văn hay, tự cậy tài mình lấy khoa bảng dễ như trở bàn tay vậy. Có ông cụ già giỏi về địa-lý đến chơi trong hạt, thường đến nhà Mỗ bảo rằng :

— Lão mến tài học của thầy, nay có ngôi đất phát Tiến-sĩ khoa này, lão muốn tặng thầy.

Mỗ nói :

— Khoa bảng là tự tay tôi, việc gì phải nhờ đến thuật phong-thủy.

Ông cụ già im lặng rồi đi đến làng Nguyệt-Viên, tìm vào nhà ông Trật, cụ già cũng bảo như vậy.

Ông Trật cảm tạ mà rằng :

— Giàu sang thì ai chả muốn, nhưng tôi bỏ học đã lâu, đâu còn dám mong đỗ đạt gì.

Cụ già cười nói :

— Tiến-sĩ phải học, thì có gì lạ.

Cụ già ở đấy mấy tháng, ông tiếp đãi rất kính cẩn. Rồi ông cụ cho ngôi đất ấy, và bảo lấy sách vở đốt hết đi. Ai thấy thế, cũng cho là nhảm.

Đến khoa thi Hội, ông miền cưỡng sắm sửa hành trang tới Kinh. Cùng với các người quen cùng trọ một nhà, rồi trường thứ nhất, trường thứ hai nhờ họ giúp đỡ được trúng. Trường thứ ba nhặt được mảnh giấy, theo đúng mà chép nên cũng trúng. Đến trường thứ tư, trước khi vào mấy ngày, các bạn cùng trọ, đều đi ra ngoài sắm sửa thêm các thứ thường dùng để vào trường, ông ở lại nhà trọ ngủ ngày, chiêm bao thấy có vị thần bảo :

— Khương, Khương !

Tỉnh dậy ông nghĩ :

— Khương (姜) và khương (薑) cùng một âm ; Chắc là gừng sống rồi :

Hôm vào trường, ông đem theo gừng vào. Bấy giờ tiết xuân giá rét, ông ở trong lều không có việc gì, đốt lửa đun nước để trừ khí lạnh. Chiều tối, bên cạnh có một thí-sinh vật vã kêu rên vì đau bụng lắm, nghe ra thí-sinh là viên trúng-thức Mỗ ở làng Bột-Thái. Ông đem nước gừng đồ cho uống. Một lát, người ấy lấy ra một quyển văn mà bảo .

— Đây là bài văn rất đắc ý của tôi, may chưa đề tên, xin kính tặng để đền ơn. Mong ông anh cõng tôi ra khỏi trường, dù chết, không ân hận gì nữa,

Ông y theo lời, cõng ra khỏi trường. Mỗ lại phát bệnh mà chết.

Hồi đó, ông trúng cách, ở Kinh-đô, vì lời huyên truyền. Việc tiết lộ ra. Triều-đình bỏ kỳ thi Đình. Lâu rồi mới cho đậu Tiến-sĩ bỏ áo vải, đổi mặc quan phục. Từ đấy thành lệ thường.

THAM-KHẢO :

Theo sử và ngoại-thư thì khoa này (Vĩnh-Tộ Quý-Hợi (1623), vì việc giả mạo ấy tiết lộ, nên Triều-đình bãi kỳ thi Đình. Sau lâu mới cho các người trúng cách cứ theo bảng hội về vinh-quy, không được yết tên lên bảng vàng.

XLVI

武 公 瞰

Ông VÕ - SƯỞNG

Tùng-Niên

Trong năm Cảnh-Hưng, Hoàng-Thái-Tử bị phế, giam ở dinh viên nội-thần Thiều-Quận-công. Trúng-Thức Võ-Sưởng là chắt cụ Thám-Hoa Võ-Thành, hậm hực đau đớn, bèn rủ, họp bọn nghĩa-sĩ mưu mô phản chính. Việc tiết lộ, bị đem hành hình ở bến Đông. Những người thân cận và bè bạn phải nín hơi, không dám đến thăm hỏi. Chỉ có viên Giám-Sinh Nguyễn-Liên người làng Bỉ-Khê, huyện Lương-Tài, đem rượu đến để cùng ông Sưởng quyết biệt. Ông uống rượu say, bèn làm bài thơ để tặng Nguyễn-Liên, trong đó có câu:

一 身 自 任 綱 常 重

Nhất thân tự nhiệm cương thường trọng.

Nghĩa là :

Một thân gánh lấy cương-thường nặng, rồi vươn cổ ra chịu chết. Nguyễn-Liên lo liệu việc tang chu-tất. Năm Đinh-Mùi, niên-hiệu Chiêu-Thống (1781-1784), ông được truy tặng tước Vương và người con nuôi của ông là Hiệu được phong quan. Triều-đình lại bàn dựng đền để tinh biểu. Năm Kỷ-Dậu thay đổi ngôi vua, Hiệu theo vua cũ sang Yên-Kinh, rồi mất tại nơi đó, có người đầy tớ đem tin về.

XLVII

拙 禪 師

CHUYẾT CÔNG THUYỀN-SƯ

Tùng-Niên

Chùa Phật-Tích ở núi Lan-Kha, do vua Anh-Tông (1138-1175) nhà Lý xây dựng, cung điện trang hoàng rất đẹp, liền nối núi hang. Khi xây dựng, có người can, vua cười mà bảo :

— Đó là cái duyên xưa của Trẫm.

Hồi Tiền-triều Trung-Hưng, có người thầy tu ở bên Trung-hoa là Chuyết-Công Thiền-Sư, đi thuyền chở hơn ba vạn quyển kinh Tam-Tạng sang Nam, lên núi Lan-Kha, bỗng chợt có ý nghĩ gì đó, liền làm nhà trụ trì ở đấy. Ở được hơn một năm, kinh Tam-Tạng bị chuột gặm mất nửa, Sư lại về Trung-hoa lấy kinh đem sang. Sau đời Lý, Trần, đạo Phật được hưng thịnh lên, là nhờ công đức của vị Sư này.

Ông Trạng-Nguyên Nguyễn-Đăng-Đạo, người làng Hoài-Bão, thuở nhỏ đi học qua Chùa ấy, Sư thường đem trầu cau ra mời, một hôm ông đùa viết một chữ Hiến (獻) ở dưới đáy hộp trầu rồi đi. Sư đón đường lúc ông về, rồi mời vào bảo rằng :

— Đó là hai chữ Nam Khuyển (南犬) họp lại. Ta vốn biết ông là Trạng-Nguyên nước Nam, nhưng ông có muốn nổi tiếng ở tận Triều-đình Trung-Quốc không?

Ông kinh sợ lạy, xin Sư dạy bảo cho. Sư trao cho ông một quyển sách mà bảo :

Đó là một quyển sách bí mật, khoảng năm Sùng-Trinh Thuận-Trị bản in bị cháy, nhà thầy nên ghi nhớ lấy.

Rồi sau ông thi đỗ và phụng mệnh đi sứ Trung-hoa.

Trong khi nhàn rỗi ở quán khách, thường được vua Thanh triệu vào hỏi han, ông viện dẫn nhiều điều cổ kim như đã ghi trong sách bí mật kia phần nhiều vượt ra ngoài ý tưởng mọi người, nên được vua Thanh khen ngợi, ban cấp rất hậu. Như vậy, đúng lời của Sư nói.

Sư nguyên họ Lý, tên là Thiên-Tộ, cùng tên húy với vua Lý-Anh-Tông. Chân-thân đến nay hãy còn. Có người ngờ Sư là thân sau của vua Lý-Anh-Tông.

XLVIII

靈 露 祠

ĐỀN LINH - LANG

Tùng-Niên

Hồ Tây tại huyện Quảng-Đức, là một nơi phong cảnh đẹp ở Kinh-sư, khói sóng mơ hồ bát ngát. Các vua đời nhà Lý thường ngự giá ra chơi. Một hôm, có một cô gái giặt lụa ở bên bờ hồ, vua trông thấy đem

lòng yêu, vời vào hành cung âu yếm. Người con gái về nhà có mang, sinh ra được người con trai, mặt mũi khôi ngô. Khi lên tám tuổi, các người kỳ cựu trong làng đem việc ấy tâu lên. Vua vời vào cung, cho dự vào hàng cuối trong các hoàng-tử. Không bao lâu cậu Hoàng-tử ấy lên đậu, hạt đậu to bằng hạt ngô, liền xít da không chỗ nào hở, đăm đăm không nói, đến 3 tháng giời, vẫn chẳng khỏi, các thầy thuốc của nhà vua đều phải chịu, không xoay tìm kế gì chữa được. Vua đến thăm, thở dài thương hại. Chợt Hoàng-Tử tâu với vua rằng :

— Con bị đày xuống trần-gian có kỳ, xin vua cha bất tất phải buồn phiền, con sắp đi đây. Nếu vua cha có lòng rủ thương, thì xin sai lập cho con mấy gian đền thờ ở chỗ nào con vĩnh biệt.

Vua bằng lòng, Hoàng-tử liền bảo buông màn, đuổi hết mọi người hầu hạ ra. Chừng một trống canh, mở màn xem, thấy một con thuồng-luồng từ trên nệm bò xuống đất, rồi quầy quậy đi, đến bờ hồ Linh-Lang, ngửng cổ nhìn những cây cổ thụ và trái núi đất, rồi bò xuống nước biến mất. Người đi theo dò về tâu. Vua truyền chỉ lập đền, lũy phong đến Thượng-đẳng-thần. Cùng với vị thần ở đền Bách-Mã, đều là Đại-Thành-Hoàng ở Kinh-đô. Mỗi năm cứ ngày lập Xuân, quan coi việc đem trâu đất đến dưới đền làm lễ nghinh-xuân. Các triều sau đây, làm lễ theo lệ đó.

XLIX

金 蓮 寺

CHÙA KIM - LIÊN

Tùng-Niên

Mùa thu năm Đinh-Tỵ (1797), tôi cùng các ông Nguyễn-Thạch-Hiên, Nguyễn-Kính-Phủ, Hoàng-Hy-Đỗ đến vãn cảnh chùa Kim-Liên ở làng Nghi-Tàm, nơi trụ-trì cũ của hòa-thượng Huệ (nội-thị của Chúa Uy-Vương). Chùa quay lưng ra sông Nhị-Hà, Hồ-Tây diễu quanh trước mặt. Khói mây man mác, trời nước một màu. Chùa trong, chùa ngoài đều năm gian ; do đã lấy gỗ ở chùa Quán-Sứ mà dựng nên từ năm Cảnh-Hưng. Cách kiến-trúc rất tinh-vi và kiên-cố. Có mấy cái gò mọc ở giữa hồ, trên gò có tháp gạch, tùng trúc tốt tươi. Hậu-đường có một pho tượng, đội mũ, cầm hốt và mặc áo văn-lĩnh, đứng chân không, mày râu như vẽ. Tương truyền rằng đó là ngự dung của Chúa Uy-Vương. Lúc chúng tôi đứng xem chùa, chú Tiểu đang bẻ hoa để tiến cúng, cũng vội ra mời vào chơi. Sân thềm cỏ đá chen nhau, cúc giậu mới vàng. Chúng tôi cùng nhau xem ngắm lúc lâu rồi ra về.

Than ôi :

Áo trắng muông xanh, biến đổi không chừng trong chớp mắt. Cảnh đấy người đây, há chẳng nên cùng tỉnh ngộ ?

L

聖 尊 皇 帝

Vua THÁNH-TÔNG

Đức Quang-Thục Hoàng-Thái-Hậu Tiềm triều, thuở còn hàn-vi, ngụ tại phía tây nam nhà Quốc tử-Giám. Nơi đây, nước hồ bao bọc chung quanh nhà, các thầy tướng số đều cho là có vượng khí của Thiên-Tử. Vì có họ hàng với các phi-tần trong cung, bà thường đi lại chơi bời trong cung điện. Vua Thái-Tông (1434-1442) trông thấy yêu thương, khi về có mang. Đến kỳ nằm giường cũ, bà sinh được một con giai, thiên-tư tuyệt lạ. Thuở nhỏ, theo mẹ ở luẩn-quẩn trong đám thường dân, nhưng được nổi tiếng về văn học. Vua Thái-Tông nghe tin liền vời đến, phong cho tước vương.

Sau nhân khi Lạng-Sơn Lệ-đức-Hầu bị phế, các đại thần liền đón rước vị Vương này, lập lên làm vua, tức là vua Thánh-Tông (1460-1497). Vua thường đến thăm chỗ ngôi nhà cũ của Thái-hậu, rồi cho xây điện Huy-Văn, và dựng xây ngôi chùa Dục-Khánh ở bên cạnh.

Khi trước Thái-Hậu có mang, chiêm bao đến chỗ Thượng-đế, thấy Thượng-Đế sai một vị Tiên-đồng giáng trần làm vua nước Nam, và cho một người Ngọc-nữ

theo xuống để sánh đôi, Tiên-đồng do dự, không vâng chỉ ngay, Thượng-đế giận, ném viên ngọc-khuê làm sây sát ở trán. Tiên-đồng dập đầu lạy tạ, và xin ban cho một người giúp việc. Thượng-đế trỏ một viên trong bọn các quan, cho đi theo giúp. Viên ấy cúi đầu lạy xin cố từ. Ngài đập vào vai không cho. Lúc tỉnh giấc thì sinh ra vua Thánh-Tông, vết ngọc-khuê ở trên trán hãy còn rõ rệt.

Khi đã lên ngôi đại-bảo, vua tôn bà mẹ lên làm Hoàng-Thái-Hậu và thường cho đòi tìm người trong chiêm-bao. Chưa gặp, lòng vẫn không vui.

Khoảng đầu niên-hiệu Thái-Hòa (1443-1453), Tế-văn-hầu Nguyễn-Trãi phải tội, có người con gái bị bắt vào quan, sung vào hàng nữ-nhạc. Người con gái ấy tư sắc tuyệt đẹp, tuổi đã 17, 18 mà không biết nói. Đến nay theo đồng-bạn vào cung hầu yến, vì câm, nên chỉ ngồi gõ phách. Khi vua bước lên Ngự tọa, người con gái bỗng cầm phách hát (xem câu hát của người con gái ở cuối bài). Tiếng hát du-dương, dư âm nhường quấn quanh trên rường, như khúc hát Quản-thiên (điệu hát trên Đế-đình). Vua lấy làm lạ hỏi, thì người con nói năng giống hệt người Ngọc-nữ trên chỗ Thượng-đế. Vua liền thu nạp vào hậu-cung, sách lập làm Trường-Lạc Hoàng-Hậu.

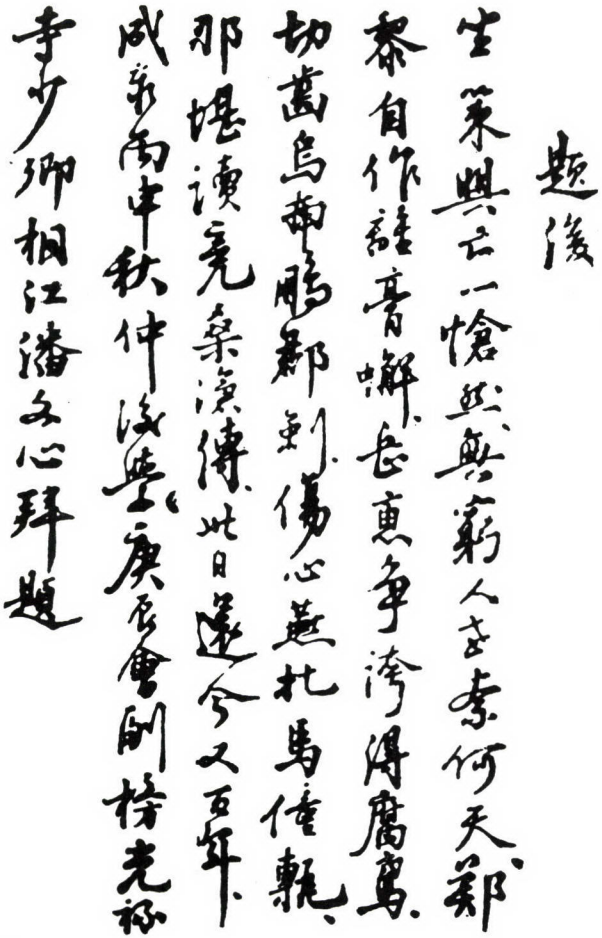
Khoa Quý-Mùi, niên hiệu Quang-Thuận (1463) thứ tư, ngày truyền lô kỳ thi Đình. Trạng-Nguyên Lương-Thế-Vinh vào bái yết, hai vai hơi lệch, không được ngay ngắn. Vua kinh-dị sai vào bái yết Hoàng-Thái-Hậu. Thái-hậu nhận ra hình mạo Lương đúng người trong mộng trên Đế-Đình khi trước. Hai cung (Thái-Hậu và Vua) đều rất vui vẻ. Vua bèn trao chò Lương chức Hàn-Lâm thị-độc, dự vào hàng 28 ngôi sao trên Tao-đàn. Những thơ văn xướng họa có ghi chép trong các tập Thiên-Nam dư-hạ và bức đồ Bình-Nam Chỉ-chưởng.

Chùa Dục-Khánh sau lầm là chùa Hoa-Văn. Điện ở phía tả, thờ Thần-Khâm đức Quang-Thục Hoàng-Thái-Hậu. Khoảng năm Dương-Đức, đời Trung-Hưng (1672-1673), Tây-cung Hoàng-Thái-Hậu chữa lại chùa Khán-Sơn, phía hữu chính điện thờ ngự-dung đức Thần-Tông-Uyên Hoàng-Đế. Từ hồi thay đổi triều vua trở về sau, chùa Khán-Sơn đổ nát, Ngự-dung thiên đến chùa Dục-Khánh, nay ở gian hữu tiền đường (có người bảo là tượng đức Thánh-Tông là lầm).

CHÚ-THÍCH :

(1) Trong bài ca của người con gái có câu : « Hẹn nhau từ thuở Thiên-đình, lòng nào nỡ phụ tâm tình thế ru ».

THƠ ĐỀ HẬU
của Cụ Phó-Bảng Phan-Văn-Tâm



PHIÊN ÂM

Tọa sách hưng vong nhất thảng nhiên.
Vô cùng nhân thế nại hà thiên.

Trịnh, Lê tự tác li cao giải ;
Nhạc, Huệ tranh khoa đắc hủ điển.
Thiết sỉ, Ô-Nam Bằng-Quận kiếm ;
Thương tâm, Yên-Bắc Mã-Đồng chuyến.
Na kham độc cánh Tang-thương truyện,
Thử nhật hoàn kim hựu bách niên.

Ngày trọng thu năm Bính-thân, Hoàng-triều Thành-Thái.
Phó-Bảng khoa Canh-Thìn, Quang-Lộc tự Thiếu-Khanh,
Hậu-Học, Đồng-Giang Phan-Văn-Tâm kính đề

Phụng dịch bài thơ đề hậu
của Cụ Bảng Phan-Văn-Tâm

Ngẫm cơ hưng phế luống đau lòng,
Nhân-sự, trời ơi ! mãi chẳng xong !
Cua béo, Trịnh, Lê đành mất miếng ;
Diều ươn, Nhạc, Huệ những khoe công !
Nghiến răng, Thuận-Hóa gươm Bằng-quận ;
Xót ruột, Yên-Kinh gạch Mã-Đồng.
Dâu bể chuyện đời khôn đọc hết,
Việc xưa, đây đã trải trăm đòng.

Cử-Nhân Nam-Đàn
NGUYỄN-VĂN-BÌNH
Giáo-Sư Hán-Văn, Đại-Học Văn-Khoa Saigon

Bài dịch của Đạm-Nguyên

Ngẫm cuộc hưng vong luống giật mình,
Trò đời quá lắm, hỡi ông xanh ?
Trịnh, Lê, cua dễ lìa mai béo ;
Nhạc, Huệ, diều khoe được miếng tanh.
Xót ruột Quận-Bằng, gươm Thuận-Hóa,
Đau lòng Bồi-ngựa, gạch Yên-Kinh.
Tang-thương truyện đó, khôn xem hết,
Thuở ấy nay chừng thế kỷ linh.

LỜI DỊCH-GIẢ :

Bài Thơ chữ Hán của Cụ Bảng Phan-Văn-Tâm trên đây đã phối mạnh về phần điển tích. Trong những câu Thực và Luận có bốn điển-cố khác nhau :

1. **Câu thứ 3 nói về cuộc tranh dành của vua Lê, chúa Trịnh (Cua lìa mai béo).**
2. **Câu thứ 4 nói về cuộc mưu đồ của Nguyễn-Nhạc. Nguyễn-Huệ, (Diều-hâu được xác ươn).**
3. **Câu thứ 5 nói về Bằng-quận Nguyễn-Hữu-Chỉnh tức Cống-Chỉnh đã chém người em rể vâng lời chúa Trịnh đến thuyết cho Chỉnh trở về.**
4. **Câu thứ 6 nói về ông Nguyễn-Văn-Quyên (giữ ngựa của vua Lê-Chiêu-Thống), liều chết cầm gạch đánh lính Trung-Hoa tại Yên-Kinh vì chúng thất lễ với vua Lê.**

Người xưa có câu : " Tri tri yếu nhận bất tri tri " (知知要認不知知) ngụ ý nói : Càng biết lại càng thấy sự chưa biết.

Dịch thơ Đường-luật, lột được tinh thần của nguyên-thi, đã không phải dễ ; mà dịch bài Thơ Đường có nhiều điển-tích, (như bài thơ trên) lại càng thấy khó hơn. Được về Từ thi sai ý ; đúng ý thì hỏng về Từ.

Với phận-sự một Dịch-giả, tôi cũng như các bạn Dịch-giả khác, những mong sưu tầm được một bài dịch đặc-sắc, để lưu về sau.

Không dám cầu thả, cầu cho tắc-trách với một bài dịch quá khô khan, (như bài tôi đã tạm dịch ở trên, và đã đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San, số 66 trang 129), tôi có thỉnh cầu mấy vị Thi-hữu lão thành dịch lại.

Nhưng sau khi lựa chọn, tôi thấy có bài của cụ Cử Nam-Đàn là dịch đúng hơn trong số 8 bài đã nhận được, nên xin ghi chép vào đây, để công hiến Quí vị Độc-giả.

HẾT

MỤC LỤC

CUỐN THƯỢNG

TÊN BÀI	SỐ TRANG
Mấy lời nói đầu	7
Lược dẫn	10
Tựa I	13
Tựa II	17
Tang Thương Ngẫu Lục, quyển I	21
Thần-Tôn Hoàng-Đế 神宗皇帝	23
Hiển-Tôn Hoàng-Đế 顯宗皇帝	25
Chuyện cũ trong Vương-phủ 王府故事	28
Ông Nguyễn-Duy-Thời 阮公維時	30
Hồ Gươm 劍湖	32
Ông Nguyễn-Văn-Giai 阮公文階	33
Người Nông-Phu làng Như-Kinh 如京農夫	36
Người Nông-Phu ấp Yên-Mô 安謨農夫	37
Ma Đồng-Xuân 同春鬼	39
Ông Nguyễn-Công-Hãng 阮公沆	41
Ông Nguyễn-Bá-Dương 阮公伯暘	48
Quận-Mã Đặng-Lân 鄧馬鄧璘	52
Thành-Đạo-Tử 成道子	54

Ông Lê-Thời-Hiến 黎公時憲 56
Ô. Đỗ-thế-Giai ông Hoàng-ngũ-Phúc 杜公世佳 黃公五福 61
Chùa Tiên-Tích 仙跡寺 63
Liệt-phụ Đoàn phu-nhân 烈婦段夫人 65
Người làm mướn ở Kinh-Thành 京城傭 67
Ông Lê-Anh-Tuấn 黎公英俊 67
Ông Bùi-Thế-Vinh 裴公世榮 69
Ông Nguyễn-Công-Hoàn 阮公完 70
Ông Lê-Hữu-Kiều 黎公有喬 73
Ông Nguyễn-Trọng-Thường 阮公仲儻 74
Bài ký chơi núi Phật-Tích 佛跡山記 76
Dật-sử cụ Thái-Tể 太宰遺事 83
Ông Đàm-Thiện-Huy 譚公慎徽 84
Ông Lê-Tuấn-Mậu 黎公俊懋 85
Ông Dương-Bang-Bản 楊公邦本 86
Ông Uông-Sĩ-Đoan 汪公士端 87
Hóa hổ 化虎 88
Đứa con đen 黑兒 89
Hang núi 山洞 90
Anh kẻ trộm làng Lâm-Hộ 林戶盜 90
Ông Đỗ Uông 杜公汪 91
Tướng quân Đoàn-Thượng 段將軍尚 92
Sông Dụng 用江 95
Núi Đông-Liệt 東烈山 98
Núi Rết 蜈蚣山 99
Phái Nội-Đạo-Tràng 內道場 100
Á Phu-nhân 亞夫人 130

MỤC LỤC

CUỐN HẠ

TÊN BÀI	SỐ TRANG
Ông Chu-Văn-Trinh 朱文貞	109
Ông Lê-Trãi 黎公廌	112
Ông Bùi-Cầm-Hổ 裴拾虎	129
Thơ ma 鬼詩	131
Ông Phạm-Ngụ-Lão 范五老	132
Thi Hội 會試	136
Ngôi mộ bà mẹ họ Đào (Đào Khản) 陶侃母塚	138
Miếu cửa Đông 東華門古廟	140
Tượng Già-lam ở ngôi chùa tại giữa đồng 野寺伽藍	140
Bia núi Thành-Nam 城南磨崖碑	141
Cu Thái-Tể 先太宰公	144
Sông Độc 瀆江	148
Mả tổ Quận-Bằng 鵬郡祖墳	150
Hoa-Lang-Giáo 花 郎 教 (Bản chính không có)	151
Miếu Thanh-Cầm 清錦廟	151
Dật sử ông Tiên họ Phạm 范仙遺事	152
Ông Đặng Chất 鄧公瓚	154
Ông Nguyễn-Tôn-Khuê 阮公尊圭	155
Ông Quận-Lộc ở Hàm-Giang 咸江祿郡公	157
Ông Tả-Ao 左澳先生	160
Thành cũ Trào-Khẩu 潮口故城	163
Ông Vũ-Duệ 武公睿	164
Ông Nguyễn-Văn-Giai 阮公文階	166
Miếu Thuần-Dương 純陽祖師廟	168
Người to lớn 大人	169

Ông Phạm-Đình-Trọng 范公廷重 170
Chùa Thiên-Mụ 天姥寺 179
Hồ Hoàn-Kiếm 還劍湖 181
Cửa Kinh-Thành 京城門 182
Ông Hoàng-Sầm 黃公岑 182
Ông Đặng-Trần-Côn 鄧君陳棍 184
Mẹ ranh càn-sát 乾刈鬼母 192
Đền Trấn-Vũ 鎮武觀 194
Núi Dục-Thúy 浴翠山 196
Mả tổ họ Nguyễn 桂塢阮氏祖墳 200
Ông Sấm 雷公 202
Ông Dương-Công-Cao 楊公暠 203
Ông Nguyễn-Đăng-Cảo 阮公登鎬 204
Ông Bùi-Huy-Bích 裴公輝壁 207
Tháp Báo-Thiên 報天塔 209
Tiên-Quận-chúa 仙郡主 210
Người bán than 賣炭 212
Ông Phạm-Thấu 范君湊 220
Ông Võ-Công-Trấn 武公鎮 222
Ông Nguyễn-Trật 阮公秩 224
Ông Võ-Sưởng 武公曠 227
Chuyết-Thiền-Sư 拙公禪師 228
Đền Linh-Lăng 靈震祠 229
Chùa Kim-Liên 金蓮寺 231
Thánh-Tông Hoàng-Đế 聖宗皇帝 232

Trên đây có 49 bài vá bài Hoa-Láng-Giáo chỉ có đề, (bản chữ Hán không có bài)

Cộng 50 chuyện

Thơ đề-hậu chữ Hán của cụ Phó-Bảng Phan-Văn-Tâm. Bản phiên-âm và hai bản dịch của cụ Cử Nam-Đán và Đạm-Nguyên.

Loại Sách Học Lãm Người

TRÌNH-BÀY NHỮNG LOẠI SÁCH GIÁ-TRỊ XỨNG ĐÁNG NẰM TRONG TỦ SÁCH GIA-ĐÌNH CỦA QUÝ NGÀI

1. Bắp thịt trước đã
2. Bí quyết làm cho đời vui tươi
3. Muốn học giỏi
4. Con đường hạnh-phúc
5. Sống vui
6. Người lịch sự
7. Tâm lý bạn trai
8. Tâm lý bạn gái
9. Thuật yêu đương
10. Cái dũng của thánh-nhân
11. Óc sáng suốt
12. Tôi tự học
13. Người con trai nên biết về vấn-đề nam-nữ
14. Xã giao hằng ngày
15. Người chí-khí
16. Muốn nên người
17. Vợ chồng
18. Quẳng gánh lo đi và vui sống
19. Thuật tư-tưởng
20. Làm lại sức khỏe
21. Thuật nói chuyện
22. Một nghệ-thuật sống
23. Người con gái sắp lấy chồng nên biết
24. Đóng-lại bác-nghị
25. Rèn nhân-cách
26. Thuật xử thế của người xưa
27. Tổ-chức gia đình
28. Hạnh phúc gia đình
29. Gương nghị lực
30. Làm bếp giỏi
31. Dạy con
32. Tôi có thể nói thẳng với anh
33. Thể dục phụ nữ
34. Túi khôn của loài người
35. Ái-tình và hôn-nhân
36. Đức tự-chủ
37. Ngôn thần để luyện tâm
38. Nghệ-thuật nói trước công chúng
39. Tinh thần tháo vác
40. Một nghệ thuật đọc sách báo
41. Đời sống lứa đôi
42. Huấn-luyện tình-cảm
43. Sống lạc quan
44. Trau dồi ý chí
45. Muốn thành công trên đường đời
46. Luyện trí nhớ
47. Tâm-lý ái tình
48. Đức điềm tĩnh
49. Sống đơn giản
50. Chiến thuật chiếm một chỗ làm
51. Tình bằng hữu
52. Bảy bước đến thành công
53. Tâm-lý quần-chúng
54. Biết người
55. Đời đang lên
56. Nghệ thuật làm đẹp cuộc đời
57. Giáo dục sinh lý trẻ em
58. Gương thành công
59. Thuật chỉ huy
60. Xã giao mới và các nghi lễ
61. Nghệ thuật làm vợ
62. Gia đình giáo dục
63. Người hữu dụng
64. Người phi thường

Giá ban : $10.00